

# DỰ ÁN NGĂN CHẶN HÀNH VI GÂY TỔN HẠI VIỆT NAM [HIỆN TRẠNG]

Bằng chứng về bóc lột và xâm hại  
tình dục trẻ em qua mạng.



Funded  
by



End Violence  
Against Children

Implemented  
by



unicef   
Office of Research-Innocenti

**Lưu ý:**

*Dự án Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* tập trung vào chủ đề phức tạp và nhạy cảm là bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng. Trong báo cáo này có những phần sẽ kể lại một số nội dung đau buồn, gồm cả việc sử dụng những từ ngữ mà chính nạn nhân đã kể. Một số độc giả, đặc biệt là những người đã từng trải qua bạo lực tình dục, có thể thấy một số phần của báo cáo này khó đọc. Chúng tôi khuyến khích độc giả ghi lại các phản hồi của mình và hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp cho báo cáo. Vui lòng tìm kiếm hỗ trợ tâm lý trong trường hợp quá đau buồn.

**Trích dẫn đề xuất:**

ECPAT, INTERPOL và UNICEF. (2022). *Báo cáo tổng quan nghiên cứu Ngăn chặn hành vi gây tổn hại tại Việt Nam: Bằng chứng về bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng*. Quan hệ đối tác toàn cầu về chấm dứt bạo lực trẻ em.

Bản quyền © ECPAT, Chương trình Hợp tác chấm dứt bạo lực, INTERPOL, UNICEF, 2022. Được phép sử dụng ấn phẩm này với điều kiện không dùng cho mục đích thương mại

Kính phí tài trợ từ Quan hệ đối tác toàn cầu về chấm dứt bạo lực trẻ em thông qua sáng kiến An toàn trên không gian mạng không cấu thành sự tán thành.

# MỤC LỤC

---

Lưu ý từ Chương trình Hợp tác chấm dứt bạo lực	4
Tóm tắt	6
Phương pháp thực hiện nghiên cứu <i>Ngăn chặn hành vi gây tổn hại</i>	11
Vấn đề bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng	15
Việt Nam - Tình hình nhân khẩu học và sử dụng Internet	18
Tổng quan về pháp luật và chính sách	22
<b>1. Trẻ em Việt Nam trên môi trường mạng</b>	<b>25</b>
1.1 Truy cập Internet và các rào cản	26
1.2 Hoạt động trên mạng của trẻ em	29
1.3 Nhận thức và trải nghiệm về các hoạt động rủi ro trên mạng	30
<b>2. Vấn đề bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng tại Việt Nam</b>	<b>39</b>
2.1 Dữ liệu ngành thực thi pháp luật	41
2.2 Trải nghiệm của trẻ em Việt Nam về bóc lột và xâm hại tình dục qua mạng	48
2.3 Các trải nghiệm khác của trẻ em có thể liên quan đến BL&XH TD qua mạng	53
<b>3. Ứng phó với vấn đề bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng tại Việt Nam</b>	<b>55</b>
3.1 Cơ chế trình báo chính thức	56
3.2 Ứng phó của ngành thực thi pháp luật	59
3.3 Ra tòa và tiếp cận dịch vụ	63
3.4 Phối hợp và hợp tác	65
<b>4. Cách thức ngăn chặn hành vi gây tổn hại tại Việt Nam</b>	<b>69</b>
4.1 Bốn phát hiện chính và khuyến nghị hành động	70
Lời cảm ơn	75

# LƯU Ý TỪ CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC CHẤM DỨT BẠO LỰC

**Cuộc sống của chúng ta trên không gian mạng đang phát triển không ngừng. Internet và sự phát triển nhanh chóng của các công cụ truyền thông số đang kết nối mọi người gần nhau hơn. Trẻ em ngày càng thông thạo và phụ thuộc nhiều hơn vào những công nghệ này, và đại dịch COVID-19 đã tạo đà thúc đẩy cho sự chuyển đổi đa khía cạnh trong cuộc sống của trẻ em trên không gian mạng.**

Internet có thể là một công cụ hiệu quả giúp trẻ em kết nối, khám phá, học tập và tham gia các hoạt động một cách sáng tạo, theo hướng được trao quyền. Tầm quan trọng của môi trường không gian số đối với cuộc sống và quyền của trẻ em đã được Ủy ban Liên Hợp quốc (LHQ) về quyền trẻ em nhấn mạnh trong [Nhận xét chung số 25, được thông qua năm 2021](#). Nhận xét chung cũng nhấn mạnh thực tế rằng việc dành thời gian lên mạng chắc chắn sẽ khiến trẻ em gặp những rủi ro khó lường và mối đe dọa bị tổn hại, một số mối nguy các em cũng có thể vướng phải trong bối cảnh khác, một số khác lại rất đặc thù trên không gian mạng.

Một trong những rủi ro đó là lợi dụng Internet và công nghệ số nhằm phục vụ mục đích bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em. Dụ dỗ qua mạng, chia sẻ văn hóa phẩm có nội dung xâm hại tình dục trẻ em và phát trực tiếp hành vi xâm hại trẻ em là những tội ác cần có hành động ứng phó khẩn cấp, đa ngành, trên quy mô toàn cầu để giải quyết triệt để. Những tội ác này thường được ghi lại dưới hình thức hình ảnh hoặc video kỹ thuật số, và liên tục được chia sẻ lại trên mạng, biến trẻ em thành nạn nhân nhiều lần. Nguy cơ bị tổn hại tiếp tục gia tăng và phát triển theo cấp số nhân, công tác ngăn chặn và bảo vệ cũng trở nên khó khăn hơn đối với chính phủ, quan chức nhà nước, đơn vị cung cấp dịch vụ cho trẻ em, bên cạnh đó, các bậc phụ huynh và người chăm sóc cũng gặp trở ngại khi cố gắng bắt kịp việc sử dụng công nghệ của trẻ em.

Với những tiến bộ hướng tới kết nối Internet phổ cập toàn cầu, việc đầu tư vào công tác đảm bảo an toàn và bảo vệ trẻ em trên không gian mạng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Chính phủ các quốc gia trên khắp thế giới đang dần công nhận mối đe dọa của nạn bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em trên mạng, và một số quốc gia đã thực hiện các bước nhằm ban hành quy định pháp luật cần thiết và triển khai các biện pháp ngăn chặn. Đồng thời, áp lực đang đè nặng lên ngành công nghệ trong việc đặt vấn đề an toàn trẻ em làm trung tâm của mọi quy trình thiết kế và phát triển, thay vì coi đó là vấn đề thứ yếu. Việc này phải được cung cấp thông tin đầu vào từ bằng chứng về bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em trên mạng; và dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* sẽ đóng góp đáng kể vào cơ sở bằng chứng đó.

---

Quan hệ đối tác toàn cầu về chấm dứt bạo lực trẻ em, thông qua sáng kiến An toàn trên không gian mạng (Safe Online), đã đầu tư 7 triệu USD vào dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*. Dự án này sử dụng phương pháp và cách tiếp cận toàn diện, đổi mới để thực hiện những đánh giá bao quát về bối cảnh, mối đe dọa và góc nhìn của trẻ em về bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em trên mạng. Dự án mới mẻ này được thực hiện thông qua sự hỗ trợ về chuyên môn nghiên cứu của ECPAT, INTERPOL, Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti, cùng mạng lưới của các tổ chức trên. Ba cơ quan đối tác toàn cầu này nhận sự trợ giúp từ các tổ chức thành viên của ECPAT, các Văn phòng Trung ương Quốc gia của INTERPOL, cùng văn phòng quốc gia và khu vực của UNICEF. Theo dự kiến, phương pháp đã phát triển và thử nghiệm sẽ được áp dụng bổ sung cho các quốc gia trên toàn thế giới.

*Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* là dự án nghiên cứu có quy mô và toàn diện nhất từ trước tới nay ở cấp quốc gia về bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng, và đã có 13 báo cáo quốc gia và một loạt tài liệu “phân tích dữ liệu” đặc biệt. Dự án cung cấp bằng chứng đầy đủ về những rủi ro mà trẻ em đối mặt trên không gian mạng, sự tiến triển của nguy cơ đó, mối liên hệ của chúng với các hình thức bạo lực khác, và chúng ta có thể làm gì để ngăn chặn mỗi nguy hại.

Kết quả nghiên cứu sẽ phục vụ công tác của các chính phủ, doanh nghiệp thương mại, nhà hoạch định chính sách, và cộng đồng để thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo an toàn của trẻ em trên môi trường Internet. Hoạt động bao gồm cung cấp thông tin đầu vào cho các chiến lược phòng ngừa và ứng phó quốc gia, mở rộng quy mô của dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* tới các quốc gia và khu vực khác, đồng thời xây dựng quan hệ đối tác về dữ liệu và kiến thức xoay quanh chủ đề này.

Ngăn chặn hành vi gây tổn hại đối với trẻ em là trách nhiệm của tất cả mọi người.



**TS. Howard Taylor**

Giám đốc Điều hành

Chương trình Hợp tác chấm dứt bạo lực

# TÓM TẮT

---

Được tài trợ bởi chương trình Quan hệ đối tác toàn cầu về chấm dứt bạo lực trẻ em thông qua sáng kiến An toàn trên không gian mạng, ECPAT, INTERPOL và Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti đã phối hợp với nhau cùng thiết kế và triển khai một dự án nghiên cứu đa khía cạnh về vấn đề bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng. Dự án mang tên: *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*. Nghiên cứu được thực hiện ở 7 quốc gia Đông và Nam Phi và 6 quốc gia Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Chỉ có 4 trên 9 hoạt động nghiên cứu của dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* được thực hiện tại Việt Nam, bao gồm một cuộc điều tra mang tính đại diện quốc gia với trẻ em từ 12-17 tuổi và một người chăm sóc của mỗi trẻ; phỏng vấn thực hiện trên giấy với các đơn vị công an; phân tích dữ liệu tội phạm, ngoài ra các đường dây nóng và tổng đài trợ giúp toàn cầu cũng cung cấp dữ liệu để bổ sung cho dữ liệu ngành thực thi pháp luật. Do những quy định phức tạp của chính phủ, các hoạt động nghiên cứu bối cảnh không được phép tiến hành sau 9 tháng, do đó không thể thực hiện phỏng vấn với trẻ em và người chăm sóc được tiếp cận hệ thống tư pháp, hay phỏng vấn với chuyên gia tư pháp và đại diện chủ chốt từ chính phủ có nhiệm vụ liên quan đến chống bóc lột và xâm hại tình dục (BL&XH) trẻ em qua mạng. Bên cạnh đó, dự án cũng không thể triển khai cuộc khảo sát với nhân viên trợ giúp xã hội tuyến đầu. Do vậy, dù báo cáo này mô tả trải nghiệm bị BL&XH của trẻ em trên mạng thông qua điều tra hộ gia đình và cung cấp thông tin tổng quan về dữ liệu ngành thực thi pháp luật, nhưng báo cáo không đề cập tới thông tin về cách hệ thống pháp luật quốc gia vận hành để ứng phó với hành vi phạm tội này, và cũng không có dữ liệu để phân tích sâu hơn trải nghiệm của trẻ em khi tìm kiếm trợ giúp, hay nắm bắt được quan điểm của đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em. Chính những điều này đã làm hạn chế phạm vi của các khuyến nghị được đề xuất.

Tham khảo Hình 1 trang 15 để có cái nhìn tổng quan về các hoạt động nghiên cứu đã tiến hành và không thể tiến hành.

## Thông tin phân tích từ điều tra hộ gia đình Sử dụng Internet, cha mẹ kiểm soát việc sử dụng Internet và hành vi rủi ro

Theo điều tra hộ gia đình của dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* tại Việt Nam, 89% trẻ em từ 12-17 tuổi, cả trẻ em trai lẫn trẻ em gái, có sử dụng Internet - tức là các em có truy cập Internet trong 3 tháng qua. Trong số những trẻ em sử dụng Internet, 87% sử dụng Internet hàng ngày. Phần lớn các em thể hiện mình có một số kiến thức về kỹ năng đảm bảo an toàn trên mạng - ví dụ: biết cách báo cáo nội dung độc hại trên mạng xã hội - nhưng chỉ có 36% cho biết đã nhận được thông tin về cách đảm bảo an toàn trên mạng.

Mặc dù 77% người chăm sóc có sử dụng Internet hàng ngày, chỉ có 25% khuyến khích trẻ em khám phá và học tập qua Internet, và thậm chí số người gợi ý những cách sử dụng Internet an toàn hay cùng tham gia hoạt động với trẻ em trên mạng còn ít hơn. Trong khi đó, 19% người chăm sóc cho biết họ sẽ hạn chế trẻ em sử dụng Internet nếu các em quá quan tâm tới điều gì đó trên mạng. Hầu hết trẻ nói rằng không phải lúc nào người chăm sóc cũng cho phép trẻ lên mạng khi các em muốn hoặc khi cần (giáo viên cũng áp dụng các hạn chế tương tự).

Đa số trẻ đã thể hiện các em có một số nhận thức về rủi ro từ các hành vi trực tuyến như gặp gỡ những người quen trên mạng, hoặc chia sẻ hình ảnh nhạy cảm, và trên thực tế, một số ít cho biết các em đã tham gia thực hiện các hành vi nguy cơ trực tuyến. Trong năm trước khi thực hiện khảo sát, 5% đã gặp trực tiếp một người đã quen trên mạng - nhiều cuộc gặp không dẫn tới hậu quả gây tổn hại ngay lập tức, nhiều em nói rằng rất hài lòng với kết quả cuộc gặp - tuy nhiên 1% cho biết đã chia sẻ với người khác hình ảnh hoặc video khỏa thân của chính mình qua mạng.

## Trải nghiệm của trẻ bị bóc lột và xâm hại tình dục qua mạng

Trong phạm vi điều tra hộ gia đình, trẻ em được hỏi đã từng bị BL&XHTD qua mạng trong năm qua chưa. BL&XHTD trẻ em qua mạng là tình huống liên quan đến công nghệ số hoặc công nghệ truyền thông tại một thời điểm nào đó trong quá trình xâm hại hoặc bóc lột. Hành vi này có thể xảy ra hoàn toàn trên mạng hoặc có cả sự tương tác trực tiếp lẫn trực tuyến giữa kẻ phạm tội và trẻ em.

Một số trường hợp BL&XHTD trẻ em qua mạng được đánh giá trong khảo sát, như yêu cầu nạn nhân trò chuyện về tình dục hoặc cho xem hình ảnh bộ phận cơ thể nhạy cảm khi nạn nhân không muốn. Các ví dụ khác có liên quan đề cập trong khảo sát gồm: tỷ lệ trẻ em được tặng quà để đổi lấy hình ảnh nhạy cảm, hoặc bị đe dọa, hăm dọa (blackmail) để ép phải làm vậy. Điều đáng khích lệ là hầu hết tất cả trẻ em nhận được yêu cầu trái ý muốn, đề nghị hoặc đe dọa như vậy đều từ chối thực hiện điều đó.

Tỷ lệ trẻ em gặp phải những sự kiện trên dao động từ 0,2% đến 2%, tùy thuộc vào câu hỏi hoặc hình thức BL&XHTD trẻ em qua mạng được nhắc tới. Ví dụ, 0,5% trẻ em tham gia khảo sát cho biết hình ảnh nhạy cảm của trẻ đã bị chia sẻ khi không có sự cho phép của các em trong năm qua. 2% trẻ 15-17 tuổi đã chia sẻ hình ảnh hoặc video nhạy cảm để đổi lấy tiền hoặc quà. Nhìn chung, chỉ trong một năm qua, 1% người dùng Internet độ tuổi 12-17 ở Việt Nam là nạn nhân của bóc lột và xâm hại tình dục qua mạng. Các hình thức BL&XHTD trẻ em qua mạng gồm: hăm dọa (blackmail), chia sẻ hình ảnh nhạy cảm khi chưa được trẻ cho phép, hoặc hứa cho tiền hoặc quà để ép trẻ tham gia vào các hoạt động tình dục. Mặc dù tỷ lệ này có vẻ thấp, nhưng khi nhân với dân số quốc gia, thì con số ước tính lên đến khoảng 94.000 trẻ bị BL&XHTD qua mạng chỉ trong một năm.<sup>1</sup> Có khả năng là số liệu thực tế thậm chí còn cao hơn do xu hướng trẻ ngại nói cởi mở về một chủ đề khá nhạy cảm. Báo cáo này không thể làm sáng tỏ thêm về bối cảnh liên quan tới những số liệu này do thiếu nghiên cứu định tính với đại diện cơ quan nhà nước và các nhà cung cấp dịch vụ tuyến đầu.

1. Một trọng số đã được tạo ra để ước lượng số trẻ độ tuổi 12-17 ở Việt Nam bị ảnh hưởng bởi BL&XHTD trẻ em qua mạng, dựa trên Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (Việt Nam), cụ thể bằng cách lấy tổng dân số theo độ tuổi. Lưu ý rằng đây là ước tính sơ bộ, chỉ nên được diễn giải là ước tính xấp xỉ tối ưu.

**Trong số trẻ tham gia điều tra hộ gia đình nói rằng mình từng bị BL&XHTD qua mạng, đa phần không nói việc này với ai hoặc chỉ kể với bạn bè mà không nói với người lớn, công an hay trình báo qua tổng đài trợ giúp.**

Khả bất ngờ là so với các quốc gia khác trong nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*, con số này khá thấp (ở 4 nước Đông Nam Á khác<sup>2</sup> cũng tiến hành khảo sát, tỷ lệ này nằm trong khoảng từ 2% đến 13%). Có khả năng tình trạng BL&XHTD trẻ em qua mạng ít phổ biến ở Việt Nam hơn, nhưng nhóm nghiên cứu cho rằng kết quả này có nhiều khả năng cho thấy trẻ không cảm thấy thoải mái khi tiết lộ rằng các em đã trải qua những điều này với người tiến hành khảo sát/điều tra viên do các chuẩn mực xã hội khắt khe không khuyến khích thảo luận về tình dục và/hoặc các vấn đề riêng tư. Đây là một giải thích hợp lý vì CyberTips (số lượng trình báo bóc lột tình dục trẻ em qua mạng) của Việt Nam theo số liệu của Trung tâm Quốc gia Hoa Kỳ về trẻ em mất tích và bị bóc lột (NCMEC) đã có tỷ lệ tương đồng với các quốc gia Đông Nam Á khác, điều này cho thấy vấn đề này cũng đang xảy ra tương tự ở Việt Nam. Thật không may, do không thể tiến hành các hoạt động nghiên cứu định tính như phỏng vấn đại diện chính phủ, phỏng vấn trẻ em và khảo sát nhân viên hỗ trợ xã hội tuyến đầu, nên khó có thể diễn giải đầy đủ về xu hướng này.

Có 0,5% trẻ em cho biết trong năm qua, hình ảnh nhạy cảm của mình đã bị chia sẻ mà không có sự cho phép của các em. Đối với nhóm từ 15-17 tuổi, 2% đã nhận tiền hoặc quà tặng để chia sẻ hình ảnh, video nhạy cảm cho người khác. Một lần nữa, con số này lại khá thấp so với các quốc gia khác trong nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*, và nhóm dự án không thể làm sáng tỏ thêm bối cảnh xung quanh dữ liệu vì không có nghiên cứu định tính với đại diện từ chính phủ và đơn vị cung cấp dịch vụ tuyến đầu.

### **Tội phạm bóc lột và xâm hại tình dục qua mạng**

Tương tự như bằng chứng về hành vi bạo lực trẻ em ngoài đời thực, điều tra hộ gia đình cho thấy những người có quen biết với trẻ - thường là người lớn - chịu trách nhiệm phần lớn các vụ BL&XHTD trẻ em qua mạng. Sự việc ít liên quan hơn tới những cá nhân trước đây trẻ chưa từng quen biết. Mặc dù dữ kiện này nhất quán giữa các hình thức bị BL&XHTD qua mạng khác nhau, nhưng vẫn cần cẩn trọng vì kích thước mẫu nghiên cứu khá nhỏ. Tuy nhiên, các hoạt động phòng ngừa và nâng cao nhận thức không nên quá tập trung vào, hay tập trung riêng vào mối đe dọa từ người lạ. Đây cũng nên là một yếu tố cần cân nhắc trong hệ thống ứng phó, vì nạn nhân sẽ gặp khó khăn khi tìm kiếm sự trợ giúp nếu bị phụ thuộc về mặt cảm xúc và/hoặc kinh tế vào người xâm hại.

### **Tiết lộ về hành vi bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng**

Trong số trẻ tham gia điều tra hộ gia đình nói rằng mình từng bị BL&XHTD qua mạng, đa phần không nói việc này với ai hoặc chỉ kể với bạn bè mà không nói với người lớn, công an hay trình báo qua tổng đài trợ giúp. Lý do chính khiến các em không chia sẻ là vì cảm thấy sự việc không đủ nghiêm trọng, và sẽ chẳng làm được gì, lo lắng gặp phải rắc rối, và/hoặc các em không biết đi đến đâu để trình báo hay nói với ai.

Các nghiên cứu khác và ý kiến của những cơ quan thực thi pháp luật cho rằng sự kỳ thị, thiếu hiểu biết và thờ ơ là những yếu tố góp phần khiến tình trạng XHTD trẻ em ở Việt Nam không được trình báo đầy đủ. Nỗi sợ và sự xấu hổ liên quan đến việc coi trọng trình tiết phụ nữ, danh dự gia đình và uy tín cộng đồng trong văn hóa Việt Nam, có thể là những cản trở lớn đối với tỷ lệ tố giác và trình báo vụ việc.

2. Campuchia, Indonesia, Philippines và Thái Lan.



### Thông tin phân tích từ dữ liệu tội phạm và phản hồi bằng văn bản do các cơ quan thực thi pháp luật cung cấp

#### Dữ liệu ngành thực thi pháp luật

Số liệu thống kê chính thức về tội phạm không nêu cụ thể về các tội liên quan đến BL&XHTD trẻ em qua mạng, khiến việc đánh giá số lượng các vụ BL&XHTD trẻ em qua mạng được trình báo gặp khó khăn. Theo dữ liệu về tất cả các hình thức BL&XHTD trẻ em (bao gồm cả qua mạng) do Văn phòng Trung ương Quốc gia của INTERPOL tại Hà Nội, có 4.320 vụ trong ba năm từ 2017-2019.

#### Dữ liệu CyberTip của NCMEC

Số lượng CyberTip đề cập tới Việt Nam từ các đơn vị cung cấp dịch vụ điện tử tới NCMEC ở mức cao và có xu hướng tăng. Điều này cho thấy tỷ lệ trẻ em bị BL&XHTD qua mạng có khả năng tăng cao, đặc biệt là các vụ liên quan đến văn hóa phẩm có nội dung xâm hại tình dục trẻ em (XHTDTE). Việt Nam nằm trong số các quốc gia có số lượng CyberTip lớn nhất thế giới và đứng thứ 13 thế giới năm 2019. Điều này cho thấy các ước tính trong điều tra hộ gia đình của dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* có thể thấp hơn thực tế do trình báo không đầy đủ.

Nghiên cứu sử dụng công cụ Google Trends cho thấy có mối quan tâm rất lớn đến văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE tại Việt Nam, bao gồm cả những nội dung hình ảnh, video mô tả hoạt động tình dục với và giữa các trẻ vị thành niên, với trẻ em và trẻ sơ sinh.

Việt Nam cũng là một điểm đến tiềm năng của tội phạm tình dục. Ví dụ, từ 2017 đến 2019, Trung tâm Angel Watch Hoa Kỳ đã chuyển gửi đến Việt Nam 133 trường hợp liên quan đến việc tội phạm tình dục có tên trong danh sách di chuyển đến Việt Nam. Tuy nhiên, không trường hợp nào trong đó bị từ chối nhập cảnh.

#### Hệ thống thực thi pháp luật và tòa án

Tại Việt Nam, có hai đơn vị chuyên trách điều tra về BL&XHTD trẻ em, bao gồm cả các trường hợp qua mạng, đó là: Ban chống tội phạm buôn bán người thuộc Cục Cảnh sát Hình sự (CSHS) và Cục An ninh mạng & phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, với vai trò hỗ trợ Cục CSHS điều tra các vụ BL&XHTD trẻ em qua mạng. Dù đã có hai đơn vị độc lập, phụ trách các mảng khác nhau về lĩnh vực tội phạm này, nhưng cần có một đơn vị chuyên trách được nâng cao năng lực phù hợp để cải thiện công tác ứng phó tổng thể đối với BL&XHTD trẻ em qua mạng.

Ban chống tội phạm buôn bán người của Cục CSHS cho biết, cán bộ của mình đã được đào tạo đầy đủ về nghiệp vụ điều tra, bao gồm cả kỹ năng điều tra thân thiện với trẻ em. Các tổ chức quốc tế và cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài cũng tổ chức chương trình tập huấn cho các đơn vị chuyên trách. Ngoài ra còn có sự hợp tác chặt chẽ với các đơn vị cung cấp dịch vụ Internet và công ty viễn thông, các công ty này có nghĩa vụ phối hợp với cán bộ điều tra và cung cấp thông tin nhằm xác định người đăng ký và sử dụng Giao thức Internet (IP).

Kết quả đánh giá năng lực thực thi pháp luật cho thấy các nguồn lực tài chính, số lượng cán bộ và trang thiết bị hiện tại có thể không đủ để phục vụ các cuộc điều tra BL&XHTD trẻ em qua mạng. Báo cáo đánh giá không có thông tin cụ thể về phòng thẩm vấn trẻ em, năng lực xác định nạn nhân, năng lực pháp y hay điều tra tài chính. Việt Nam dường như không có khả năng ngăn chặn tội phạm tình dục trẻ em nhập cảnh vào lãnh thổ quốc gia dù đã được thông báo trước, vì có bằng chứng cho thấy Việt Nam không phản ứng thích đáng khi nhận được thông báo về việc tội phạm tình dục trẻ em sắp nhập cảnh.

### Phân tích pháp luật và chính sách

Theo nghiên cứu tài liệu sẵn có, một số cách làm thân thiện với trẻ em được quy định trong các văn bản luật và quy trình. Các biện pháp bảo vệ quan trọng được nêu trong Luật Tố tụng hình sự (2015) và Luật Trẻ em (2016) nhằm giảm thiểu khả năng nạn nhân BL&XHTD bị tổn thương lần nữa trong quá trình tố tụng tại toà, cung cấp dịch vụ cho nạn nhân và ủng hộ quyền được bồi thường.

Mặt khác, phân tích pháp lý lại chỉ ra những bất cập trong khung pháp lý về phòng chống và ứng phó với BL&XHTD trẻ em qua mạng. Dụ dỗ qua mạng, phát trực tiếp (livestream) hành vi XHTDTE, quấy rối tình dục và tống tình (sexual extortion) qua mạng không được hình sự hóa đầy đủ, cụ thể trong pháp luật Việt Nam. Mặc dù việc sản xuất, buôn bán và sở hữu với mục đích phát tán bất kỳ văn hóa phẩm khiêu dâm nào là hành vi bị nghiêm cấm, nhưng văn hóa phẩm về XHTDTE không được định nghĩa hay ngăn cấm cụ thể và có hình phạt thỏa đáng.

Mới đây, chính phủ đã lần đầu tiên thông qua Chương trình Quốc gia về Bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025. Chương trình hướng đến: bảo vệ thông tin, quyền riêng tư và bí mật cá nhân khi trẻ em tiếp cận thông tin và tham gia vào các hoạt động trên không gian mạng; ngăn chặn và xử lý việc lợi dụng môi trường mạng để thực hiện hành vi gây tổn hại đến trẻ em bị nghiêm cấm; trang bị kiến thức và kỹ năng số phù hợp với lứa tuổi của trẻ em, để các em có thể tự bảo vệ bản thân và tương tác an toàn trên môi trường mạng, đồng thời trình báo các vụ xâm hại trẻ em. Đây là một bước tiến đầy hứa hẹn.

### Các phát hiện chính

Phần kết của báo cáo dành cho Việt Nam nhấn mạnh 4 phát hiện chính của báo cáo:

1. Phần lớn trẻ em Việt Nam được tiếp cận với Internet, hầu hết sử dụng Internet hàng ngày. Điều này cũng tương tự đối với người chăm sóc. Tuy nhiên, chỉ có khoảng một phần ba trẻ em được dạy/tập huấn về đảm bảo an toàn trên mạng dưới một số hình thức.
2. Trẻ em sử dụng Internet tại Việt Nam hiện đã đang là đối tượng của BL&XHTD qua mạng. Dữ liệu từ điều tra hộ gia đình cho thấy cả trẻ em và người chăm sóc đều có nhận thức đáng kể về nguy cơ BL&XHTD trẻ em qua mạng, nhưng tỷ lệ tiết lộ về vụ việc, tỷ lệ tìm kiếm trợ giúp và trình báo với các cơ chế chính thức hiện rất thấp.
3. Hệ thống thực thi pháp luật đã được triển khai. Tuy nhiên, việc thành lập một đơn vị chuyên trách và tăng cường năng lực thông qua tập huấn có thể nâng cao năng lực ứng phó tổng thể.
4. Pháp luật và chính sách có quy định một số quy trình tòa án thân thiện với trẻ em, nhưng các chính sách, pháp luật và tiêu chuẩn liên quan đến BL&XHTD trẻ em qua mạng chưa được ban hành tại Việt Nam. Cần tiến hành nghiên cứu sâu hơn để đánh giá trải nghiệm tiếp cận công lý của trẻ em bị BL&XHTD qua mạng.

Phần cuối báo cáo đưa ra một loạt các khuyến nghị hành động dựa trên dữ liệu được mô tả trong báo cáo này. Các khuyến nghị vạch ra đường lối tương lai cho chính phủ, ngành thực thi pháp luật, tư pháp, dịch vụ xã hội, cũng như các cơ quan hoạt động trong những lĩnh vực này. Vì nội dung này quá chi tiết nên không thể đề cập trong phần Tóm tắt, độc giả có thể tìm hiểu nội dung này tại trang [70](#) của báo cáo.

# PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU NGĂN CHẶN HÀNH VI GÂY TỒN HẠI

Cũng như mọi môi trường sống và phát triển của trẻ em, môi trường mạng cũng ẩn chứa những rủi ro liên quan đến bóc lột và xâm hại tình dục. Tuy nhiên, do thiếu bằng chứng sẵn có, nên rất khó nắm bắt bản chất của tổn hại hay tư vấn chính phủ về cách ngăn chặn và ứng phó. Theo thông tin trong *Đánh giá nguy cơ toàn cầu của Liên minh Toàn cầu WeProtect năm 2018*,<sup>3</sup> cùng với mong muốn hiểu rõ và gia tăng tác động của những đầu tư hiện có, Quan hệ đối tác toàn cầu về chấm dứt bạo lực trẻ em, thông qua sáng kiến An toàn trên không gian mạng (Safe Online), đã quyết định đầu tư vào hoạt động nghiên cứu để củng cố cơ sở bằng chứng - với trọng tâm tập trung vào 13 quốc gia ở Đông Phi, Nam Phi và Đông Nam Á.

Các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á được chú trọng là: Campuchia, Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam. Còn ở khu vực Đông và Nam Phi, đánh giá tập trung vào: Ethiopia, Kenya, Mozambique, Namibia, Nam Phi, Tanzania và Uganda.

Tại các quốc gia mục tiêu khác trong nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*, toàn bộ 9 hoạt động nghiên cứu được thực hiện (cùng với nghiên cứu tài liệu sẵn có và tài liệu pháp lý), giúp các điểm dữ liệu được xác minh và hợp thành một bức tranh đầy đủ, toàn diện về tình trạng BL&XHTD trẻ em qua mạng. Tuy nhiên, chỉ có 4 hoạt động nghiên cứu được thực hiện tại Việt Nam:

1. Một điều tra hộ gia đình mang tính đại diện toàn quốc đối với 994 người dùng Internet là trẻ em từ 12-17 tuổi và một người chăm sóc của trẻ;<sup>4</sup>
2. Phân tích dữ liệu định lượng về vụ án;
3. Đánh giá định tính về năng lực của các cơ quan thực thi pháp luật; và
4. Thu thập dữ liệu ngoài ngành thực thi pháp luật

Do quy định phức tạp của chính phủ, các hoạt động nghiên cứu còn lại của dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* không được phép thực hiện trong vòng 9 tháng kể từ lần yêu cầu đầu tiên. Vì vậy, dự án không thể tiến hành một số hoạt động nghiên cứu theo phương pháp luận của dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*, dù các hoạt động này có thể cung cấp thông tin quan trọng về bối cảnh. Các hoạt động không thể tiến hành gồm:

5. Phỏng vấn những trẻ em và người chăm sóc đã từng tiếp cận hệ thống tư pháp chính thống
6. Phỏng vấn chuyên gia tư pháp về tình hình tiếp cận tư pháp của nạn nhân BL&XHTD trẻ em qua mạng;
7. Khảo sát nhân viên trợ giúp xã hội tuyến đầu;
8. Phỏng vấn với những đại diện chủ chốt từ chính phủ/cơ quan nhà nước; và
9. Nói chuyện với những nạn nhân BL&XHTD trẻ em qua mạng để trẻ có thể nói lên ý kiến của mình.

Chính vì vậy, tuy Báo cáo tổng quan nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* tại Việt Nam cung cấp bằng chứng quan trọng dựa trên dữ liệu điều tra hộ gia đình và thông tin đầu vào trong lĩnh vực thực thi pháp luật, nhưng báo cáo này không đề cập tới tình hình các hệ thống pháp luật và bảo vệ quốc gia ứng phó với hành vi phạm tội này. Để đưa ra kết luận chi tiết hơn và thiết kế các can thiệp phù hợp với tình hình Việt Nam, cần có dữ liệu từ tất cả các bên liên quan để có một bức tranh hoàn chỉnh, để có thể đảm bảo các hành động ứng phó hiệu quả nhất.

3. Liên minh Toàn cầu WeProtect. (2018). *Đánh giá nguy cơ toàn cầu năm 2018: Cùng chung tay chấm dứt bóc lột tình dục trẻ em qua mạng*. London: Liên minh Toàn cầu WeProtect.

4. Người chăm sóc gồm tất cả thành viên gia đình là người trưởng thành có chăm sóc cho trẻ.

Xem Hình 1 trang 15 để có cái nhìn tổng quan về các hoạt động nghiên cứu đã tiến hành và không thể tiến hành.

Công tác thu thập dữ liệu cho điều tra hộ gia đình được triển khai tại Việt Nam từ tháng 11/2020 tới tháng 2/2021. Số liệu từ các cơ quan thực thi pháp luật tập trung vào dữ liệu tội phạm trong giai đoạn 3 năm từ 2017-2019. Công tác phân tích đã hoàn thành vào tháng 8/2021.

Kết quả mà báo cáo này mong muốn đạt được là cung cấp dữ liệu cũng như phân tích chuyên sâu để các nhà hoạch định chính sách tại Việt Nam có thể sử dụng để giải quyết vấn đề BL&XHTD trẻ em qua mạng, tăng cường hoạt động hỗ trợ nạn nhân, đồng thời đóng vai trò là chất xúc tác để thu thập thêm bằng chứng về tình trạng BL&XHTD trẻ em qua mạng ở Việt Nam. Các hành động khuyến nghị được đề xuất trong báo cáo phù hợp với Mô hình Ứng phó Quốc gia và góp phần vào công cuộc thực hiện Chương trình nghị sự năm 2030 vì sự phát triển bền vững.

## Tóm tắt các phương pháp ECPAT sử dụng tại Việt Nam

### Nghiên cứu tài liệu sẵn có và phân tích pháp lý

Nghiên cứu tài liệu sẵn có được thực hiện để cung cấp thông tin cho nhóm nghiên cứu trước khi thu thập dữ liệu sơ cấp. Ngoài ra, dự án còn tiến hành phân tích toàn diện pháp luật, chính sách và các hệ thống giải quyết BL&XHTD trẻ em qua mạng tại Việt Nam, và hoàn thành phân tích vào tháng 6/2020. Có thể xem thêm thông tin về phương pháp tại [đây](#), và truy cập vào [đây](#) để xem đầy đủ báo cáo về phân tích pháp lý.

### Thu thập dữ liệu ngoài ngành thực thi pháp luật

Một loạt các bên liên quan ngoài ngành thực thi pháp luật có số liệu và thông tin chuyên sâu về tính chất và quy mô của BL&XHTD trẻ em qua mạng. Dữ liệu được thu thập từ Hiệp hội Quốc tế về Đường dây nóng Internet (INHOPE), Tổ chức Giám sát Internet (IWF) và Đường dây Hỗ trợ trẻ em Quốc tế (CHI). Một số nền tảng công nghệ toàn cầu cung cấp dữ liệu phân tích định tính. Nếu phù hợp, những thông tin này bổ sung cho phân tích của INTERPOL (xem bên dưới).

## Tóm tắt các phương pháp INTERPOL sử dụng tại Việt Nam

### Phân tích dữ liệu định lượng về vụ việc

Dữ liệu về những vụ việc liên quan đến BL&XHTD trẻ em qua mạng được lấy từ các cơ quan thực thi pháp luật quốc gia thông qua Văn phòng Trung ương Quốc gia của INTERPOL tại Hà Nội. Số liệu về Việt Nam cũng được lấy từ báo cáo bắt buộc của các công ty công nghệ có trụ sở tại Hoa Kỳ cho NCMEC, và từ các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài khác.

### Đánh giá định tính về năng lực

Ngoài việc tìm kiếm dữ liệu về các vụ BL&XHTD trẻ em qua mạng, INTERPOL cũng yêu cầu cung cấp dữ liệu về năng lực ứng phó với hình thức phạm tội này của các cơ quan thực thi pháp luật quốc gia, với chú trọng đặc biệt vào nguồn nhân lực, khả năng tiếp cận trang thiết bị chuyên dùng và đào tạo chuyên môn, quy trình điều tra, sử dụng công cụ phục vụ hợp tác quốc tế, các thành tựu và thách thức.

Không giống như các quốc gia trọng tâm khác trong nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*, INTERPOL không thể thực hiện phỏng vấn trực tiếp các cán bộ thực thi pháp luật phụ trách điều tra BL&XHTD trẻ em qua mạng tại Việt Nam. Thay vào đó, họ sắp xếp Văn phòng Trung ương Quốc gia của INTERPOL tại Hà Nội chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu do INTERPOL yêu cầu từ các đơn vị thực thi pháp luật chuyên trách ở Việt Nam. Việc này dẫn tới một số hạn chế trong dữ liệu của INTERPOL và các phân tích sau đó.

Để biết thêm thông tin về phương pháp, vui lòng truy cập vào [đây](#).

## Tóm tắt các phương pháp Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti sử dụng tại Việt Nam

### Điều tra hộ gia đình về việc sử dụng Internet của trẻ em và người chăm sóc

Để nắm bắt việc sử dụng Internet của trẻ em cũng như những rủi ro và cơ hội đối với các em trên không gian mạng, cùng trải nghiệm cụ thể của các em về vấn đề BL&XHTD qua mạng, dự án đã thực hiện một điều tra hộ gia đình mang tính đại diện quốc gia, tiến hành trực tiếp với 994 trẻ em sử dụng Internet, nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ những hạn chế, thủ tục liên quan đến phòng chống COVID-19 ở trong nước vào thời điểm đó. Đối tượng mục tiêu của điều tra là trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi có sử dụng Internet trong 3 tháng trước cuộc phỏng vấn. Ngoài ra, cha/mẹ hoặc một người chăm sóc của mỗi trẻ cũng được phỏng vấn. Có 455 (46%) trẻ em trai và 539 (54%) trẻ em gái tham gia khảo sát. Nếu phân theo độ tuổi, có 314 (32%) trẻ từ 12-13 tuổi, 342 (34%) trẻ từ 14-15 tuổi, và 337 (34%) trẻ từ 16-17 tuổi.

Để đạt được mẫu ngẫu nhiên mang tính đại diện toàn quốc, điều tra đã áp dụng chọn mẫu xác suất ngẫu nhiên với độ bao phủ toàn quốc. Tỷ lệ bao phủ thực địa là 95%; không bao gồm vùng Tây Bắc do vị trí địa lý xa xôi/khó tiếp cận. Độ bao phủ được định nghĩa là tỷ lệ tổng dân số có cơ hội được chọn vào mẫu khảo sát - tức là điều tra thực địa sẽ bao gồm khu vực họ sinh sống nếu được chọn làm mẫu. Dữ liệu được thu thập từ những khu vực sau: Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long/Tây Nam Bộ, Bắc Trung Bộ, Đông Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Hà Nội, Đồng bằng sông Hồng - Khác, Duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ.

Dự án đã chọn mẫu theo thiết kế chọn mẫu xác suất ngẫu nhiên 3 giai đoạn theo cụm để chọn ra 100 đơn vị mẫu bậc 1 (PSU). Đơn vị chọn mẫu bậc 1 được xem xét là Xã/Phường (10.623 người). Danh sách đơn vị chọn mẫu bậc 1 (khung chọn mẫu) dựa trên Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019 do Tổng cục Thống kê cung cấp. Khoảng 30% các tỉnh trong cả nước được lấy mẫu từ các vùng mục tiêu. Lý do đưa giai đoạn này vào đánh giá tại các quốc gia này là nhằm tạo ra một bộ mẫu có tính theo cụm hơn một chút, vì điều tra thực địa chỉ được tiến hành tại các tỉnh được chọn.

**Lựa chọn tỉnh:** Số tỉnh cần thiết cho mỗi vùng được phân bổ tỷ lệ thuận với dân số trong từng vùng. Những vùng đông dân số hơn thì chọn nhiều tỉnh hơn. Sau đó, các tỉnh được chọn mẫu một cách có hệ thống trong mỗi vùng, với xác suất được chọn như nhau. Phương pháp này có một vấn đề là: các tỉnh hoặc thành phố quan trọng của quốc gia có thể không được đưa vào mẫu. Để đảm bảo rằng điều này không xảy ra, các tỉnh quan trọng (như các tỉnh có thành phố - thủ đô) được đưa vào mẫu theo nhóm các vùng riêng.

**Lựa chọn đơn vị chọn mẫu bậc 1:** Số lượng đơn vị lấy mẫu trên mỗi tỉnh đã chọn được phân bổ theo tỷ lệ dựa trên với tổng số đơn vị lấy mẫu bậc 1 cho vùng và tỉnh đó. Số đơn vị yêu cầu được lấy mẫu ngẫu nhiên trên toàn hệ thống với xác suất tỷ lệ thuận với cỡ mẫu. Điều này giúp đảm bảo phân phối mẫu toàn quốc theo bậc đô thị.

Ở giai đoạn cuối, người phỏng vấn chọn ngẫu nhiên địa chỉ để điều tra thực địa bằng cách đi tới và cố gắng liên hệ với địa chỉ được chọn để lọc thành viên trong nhóm đối tượng khảo sát thông qua câu hỏi sàng lọc được xây dựng phục vụ mục đích này. Các cá nhân (trẻ em và người chăm sóc) được chọn trong từng hộ gia đình đủ điều kiện bằng phương pháp ngẫu nhiên.

Tại mỗi hộ gia đình ghé thăm, nhân viên dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* cố gắng thu thập dữ liệu về số lượng trẻ từ 12-17 tuổi trong gia đình, giới tính và xác định các em có sử dụng Internet trong 3 tháng qua không. Thông tin này giúp ước tính tỷ lệ sử dụng Internet cho tất cả trẻ em Việt Nam ở độ tuổi từ 12-17.

Điều tra thực địa diễn ra từ ngày 21/11/2020 đến 22/02/2021. Việc thu thập dữ liệu do công ty Ipsos MORI thực hiện thay mặt cho Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti.

Để xem giải thích chi tiết hơn về cách tiếp cận bài bản và phương pháp cụ thể được sử dụng để phân tích dữ liệu điều tra hộ gia đình, có thể truy cập tại [đây](#).

# PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU NGĂN CHẶN HÀNH VI GÂY TỒN HẠI

## Sự chấp thuận về mặt đạo đức

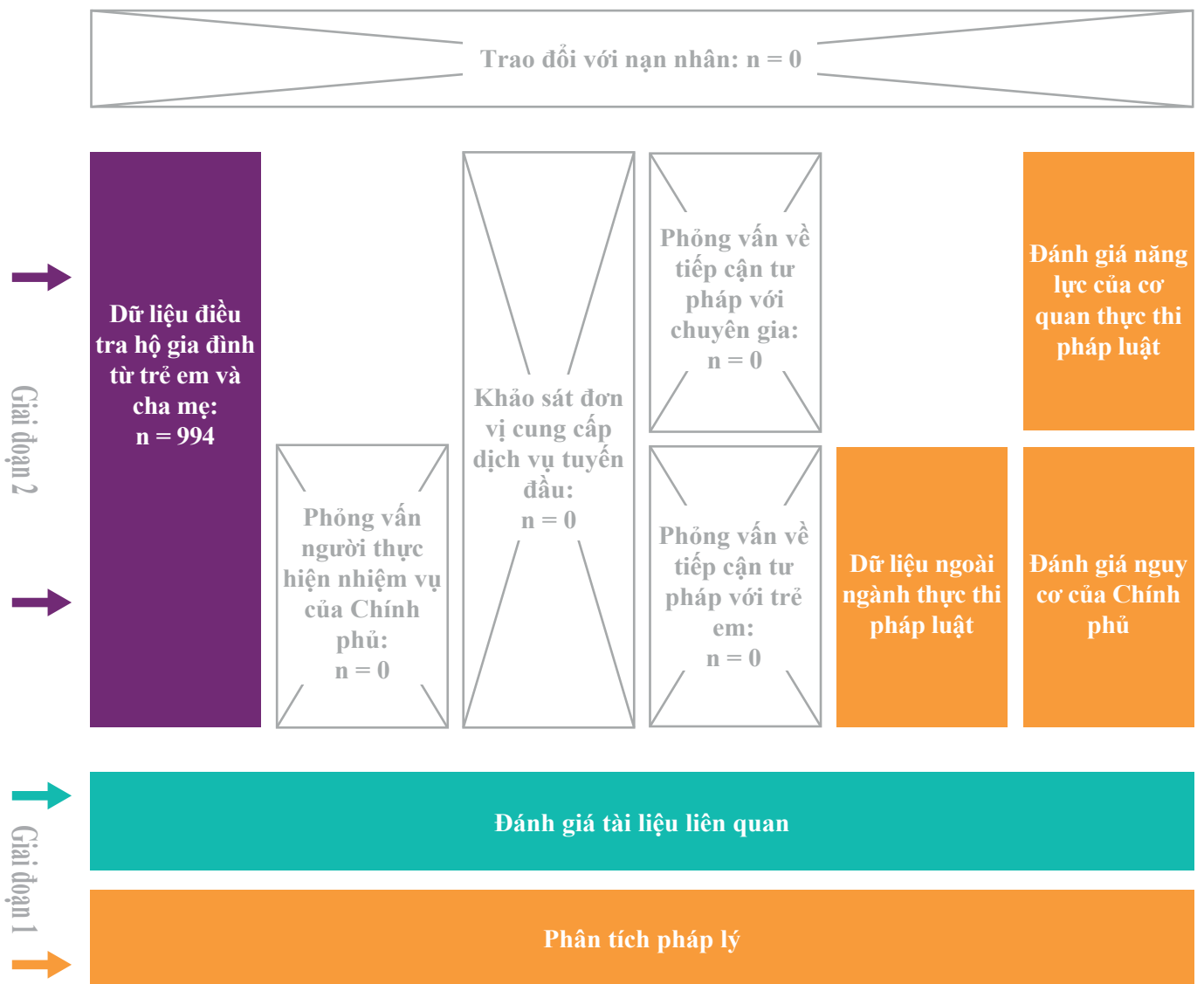
Quy trình của UNICEF được Ban xét duyệt thể chế của Phòng thí nghiệm truyền thông y tế (HML) xem xét và phê duyệt. Ở cấp quốc gia, dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* được lồng ghép vào kế hoạch công tác hàng năm của UNICEF Việt Nam, phê duyệt bởi Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội (LĐTB&XH). Cả hai hoạt động nghiên cứu của INTERPOL đều bao gồm phỏng vấn trên giấy với các cán bộ thực thi pháp luật ở đơn vị hoạt động về chống BL&XHTD trẻ em qua mạng. Nhóm thực hiện phỏng vấn đã tham gia một khóa học trực tuyến về Thực hiện nghiên cứu có trách nhiệm từ Sáng kiến Đào tạo

thể chế Hợp tác và tuân thủ Bộ quy tắc ứng xử của INTERPOL.

## Tham vấn quốc gia

Phiên tham vấn quốc gia đầu tiên về các phát hiện chính và khuyến nghị trong báo cáo này diễn ra vào ngày 19/10/2021, trong đó chính phủ và các bên liên quan khác được mời nêu ý kiến, nhận xét về các khuyến nghị đưa ra trong Báo cáo tổng quan nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* tại Việt Nam, nhằm mục đích đảm bảo các khuyến nghị phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Phiên tham vấn thứ hai cũng đã diễn ra vào ngày 13 tháng 12 năm 2021.

Hình 1: Phương pháp thực hiện nghiên cứu Ngăn chặn hành vi gây tổn hại tại Việt Nam.



# VẤN ĐỀ BÓC LỘT VÀ XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM QUA MẠNG

**Xâm hại tình dục trẻ em là các hoạt động tình dục khác nhau được thực hiện với trẻ em (người dưới 18 tuổi), bất kể trẻ em có nhận thức được điều đang xảy ra với mình là bất bình thường hay không thể chấp nhận được hay không. Hành vi này có thể do người lớn hay bạn bè thực hiện, thường liên quan đến một cá nhân hoặc một nhóm người lợi dụng sự chênh lệch trong quyền hạn. Hành vi có thể được thực hiện mà không có vũ lực rõ ràng, trong đó kẻ phạm tội thường sử dụng quyền hạn, quyền lực, sự thao túng hoặc thủ đoạn lừa dối.<sup>5</sup>**

Bóc lột tình dục trẻ em liên quan đến các hành động xâm hại tương tự. Tuy nhiên, hành vi này có thêm một yếu tố, đó là sự đe dọa hoặc trao đổi để lấy một thứ gì đó (v.d: tiền, chỗ ở, vật chất, yếu tố phi vật chất như sự bảo vệ hay một mối quan hệ), hoặc thậm chí chỉ là lời hứa về điều đó.<sup>6</sup>

**Bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng** đề cập đến tình huống liên quan đến không gian số, Internet và công nghệ truyền thông tại một thời điểm trong quá trình xâm hại hoặc bóc lột. Hành vi này có thể xảy ra hoàn toàn trên mạng hoặc có cả sự tương tác trực tiếp lẫn trên mạng giữa kẻ phạm tội và trẻ em.

Dự án nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* tập trung vào việc lạm dụng công nghệ để bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em. Trong Dự án này, thuật ngữ BL&XHTD trẻ em qua mạng không chỉ đề cập đến việc xâm hại hoặc bóc lột xảy ra hoàn toàn trên môi trường trực tuyến, và Dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* cũng không định phân loại bóc lột và xâm hại tình dục thành 2 loại “qua mạng” và “trực tiếp”. Trẻ em có thể bị xâm hại hoặc bóc lột khi ở trên không gian số, đồng thời, kẻ vi phạm cũng có thể lợi dụng công nghệ số để thực hiện hành vi của mình, như ghi lại hoặc chia sẻ hình ảnh về hành vi xâm hại, bóc lột ngoài đời thực hoặc dụ dỗ trẻ em đi gặp họ ở ngoài đời.

Dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* cũng tập trung vào cách thức công nghệ tiếp tay cho hành vi bóc lột, xâm hại tình dục trẻ em và đóng góp bằng chứng cần thiết để hiểu rõ vai trò của công nghệ số trong quá trình gây ra bạo lực tình dục đối với trẻ em.

Khi mô tả đặc tính của BL&XHTD trẻ em qua mạng, cần công nhận rằng ranh giới giữa các hành vi, hành động trực tuyến và ngoài đời thực đang dần bị xóa nhòa,<sup>7</sup> và công tác ứng phó cần cân nhắc toàn bộ phạm vi các hoạt động có liên quan tới công nghệ số. Việc lưu tâm tới đặc điểm này đặc biệt quan trọng, vì thế giới ảo và thực của trẻ em đang ngày càng giao thoa với nhau và diễn ra đồng thời.<sup>8</sup>

Đối với dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*, BL&XHTD trẻ em qua mạng được định nghĩa cụ thể là bao gồm hành vi bóc lột, xâm hại tình dục đối với trẻ em có liên quan đến:

- Việc sản xuất, sở hữu hoặc chia sẻ **văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE**: Hình ảnh, video, âm thanh hoặc các bản ghi khác, hoặc hình thức thể hiện khác của XHTD thực tế hoặc được tạo bằng kỹ thuật số đối với trẻ em, hoặc bộ phận nhạy cảm của trẻ em nhằm chủ yếu phục vụ mục đích tình dục.<sup>9</sup>
- **Phát trực tiếp hoạt động xâm hại tình dục trẻ em**: Hành vi xâm hại tình dục trẻ em được thực hiện và xem cùng một lúc theo thời gian thực thông qua công cụ truyền thông, hội nghị truyền hình và/hoặc ứng dụng trò chuyện. Trong hầu hết trường hợp kẻ vi phạm yêu cầu thực hiện hành vi xâm hại

5. Nhóm công tác liên cơ quan về Chống bóc lột tình dục trẻ em. (2016). [Hướng dẫn thuật ngữ về Bảo vệ trẻ em khỏi bóc lột và xâm hại tình dục](#). Bangkok: ECPAT International. 18.

6. Nhóm công tác liên cơ quan về Chống bóc lột tình dục trẻ em. (2016). [Hướng dẫn thuật ngữ về Bảo vệ trẻ em khỏi bóc lột và xâm hại tình dục](#). Bangkok: ECPAT International. 24.

7. May-Chahal, C., & Palmer, C. (2018). [Đánh giá nhanh về bằng chứng: Đặc điểm và tính dễ tổn thương của nạn nhân là trẻ em bị xâm hại và bóc lột tình dục qua không gian mạng](#). Điều tra độc lập về Xâm hại tình dục trẻ em. Vương quốc Anh: Đại học Lancaster.

8. Stoilova, M., Livingstone, S., Khazbak, R. (2021). [Điều tra về rủi ro và cơ hội đối với trẻ em trong thế giới số: Đánh giá nhanh về bằng chứng của việc trẻ em sử dụng Internet và hệ quả](#). Bài tham luận của Innocenti, số 2021-01, Florence: Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti

9. Nhóm công tác liên cơ quan về Chống bóc lột tình dục trẻ em. (2016). [Hướng dẫn thuật ngữ về Bảo vệ trẻ em khỏi bóc lột và xâm hại tình dục](#). Bangkok: ECPAT International. 40.

và trả bằng tiền hay các lợi ích vật chất khác, kể vi phạm thực tế đang ở địa điểm khác với trẻ em và kẻ tiếp tay cho hành vi xâm hại.

• **Dụ dỗ trẻ em qua mạng vì mục đích tình dục:**

Tương tác với trẻ em qua thiết bị công nghệ với ý định xâm hại hoặc bóc lột tình dục trẻ em. Mặc dù các văn kiện pháp lý quốc tế<sup>10</sup> hình sự hóa hành vi dụ dỗ quy định rằng hành vi này phải diễn ra với ý định gặp trực tiếp trẻ, nhưng có một thực tế ngày càng phổ biến là kẻ vi phạm có thể xâm hại tình dục đối với trẻ em bằng một số cách thức, như thao túng các em tự làm hoặc chia sẻ nội dung XHTDTE qua thiết bị công nghệ số mà không nhất thiết phải có ý định gặp mặt và trực tiếp thực hiện hành vi xâm hại.

Bên cạnh những khái niệm chính này, báo cáo dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* cũng đề cập tới các hiện tượng khác, góp phần giúp chúng ta hiểu được bối cảnh và môi trường văn hóa - xã hội mà BL&XHTD trẻ em qua mạng xảy ra.

**Việc chia sẻ những nội dung nhạy cảm tự sản xuất liên quan đến trẻ em<sup>11</sup>** có thể dẫn tới hoặc là một phần của quá trình BL&XHTD trẻ em qua mạng, ngay cả khi ban đầu nội dung này được sản xuất và chia sẻ tự nguyện giữa bạn bè, vì nội dung này có thể được truyền đi mà không có sự cho phép hoặc qua thủ đoạn lừa đảo, ép buộc.

**Tống tình trẻ em<sup>12</sup>** là việc sử dụng sự hăm dọa, đe dọa để có được nội dung nhạy cảm hoặc các lợi ích khác (v.d: tiền) từ trẻ em, thường là lợi dụng nội dung nhạy cảm của trẻ em đã lấy được trước đó.

**Quấy rối tình dục trẻ em<sup>13</sup> và khiến trẻ em tiếp xúc với nội dung khiêu dâm trái với ý muốn<sup>14</sup>** là những hiện tượng khác có thể hiện diện hoặc tạo điều kiện cho BL&XHTD trẻ em qua mạng. Ví dụ, kẻ vi phạm có thể cố ý cho trẻ em tiếp xúc với nội dung khiêu dâm trong quá trình dụ dỗ để khiến các em quen dần với các hành vi tình dục. Tuy nhiên, nhằm phục vụ xây dựng chính sách và chương trình dựa trên bằng chứng, cần công nhận rằng có sự khác biệt giữa việc trẻ em tự nguyện xem nội dung khiêu dâm và việc các em bị ép buộc làm điều đó. Việc tự nguyện xem nội dung khiêu dâm không bao hàm trong định nghĩa về BL&XHTD trẻ em qua mạng áp dụng trong nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*.

10. Chỉ có hai văn kiện quốc tế ràng buộc về mặt pháp lý có quy định nghĩa vụ hình sự hóa hành vi dụ dỗ trẻ em vì mục đích tình dục, đó là: Hội đồng Châu Âu. (2007). *Công ước về Bảo vệ trẻ em khỏi nạn Bóc lột tình dục và Xâm hại tình dục*. Chuỗi hiệp ước của Hội đồng Châu Âu – Số 201. Điều 23; Nghị viện và Hội đồng Châu Âu. (2011). *Chỉ thị số 2011/92/EU về chống xâm hại, bóc lột tình dục trẻ em và khiêu dâm trẻ em, thay thế Quyết định khung số 2004/68/JHA của Hội đồng*. Điều 6.

11. Cooper, K., Quayle, E., Jonsson, L. & Svedin, C.G. (2016). *Trẻ vị thành niên và hình ảnh nhạy cảm tự chụp: Đánh giá nghiên cứu hiện có*. Máy tính trong hành vi con người, tập 55, 706-716.

12. Nhóm công tác liên cơ quan về Chống bóc lột tình dục trẻ em. (2016). *Hướng dẫn thuật ngữ về Bảo vệ trẻ em khỏi bóc lột và xâm hại tình dục*. Bangkok: ECPAT International. 52.

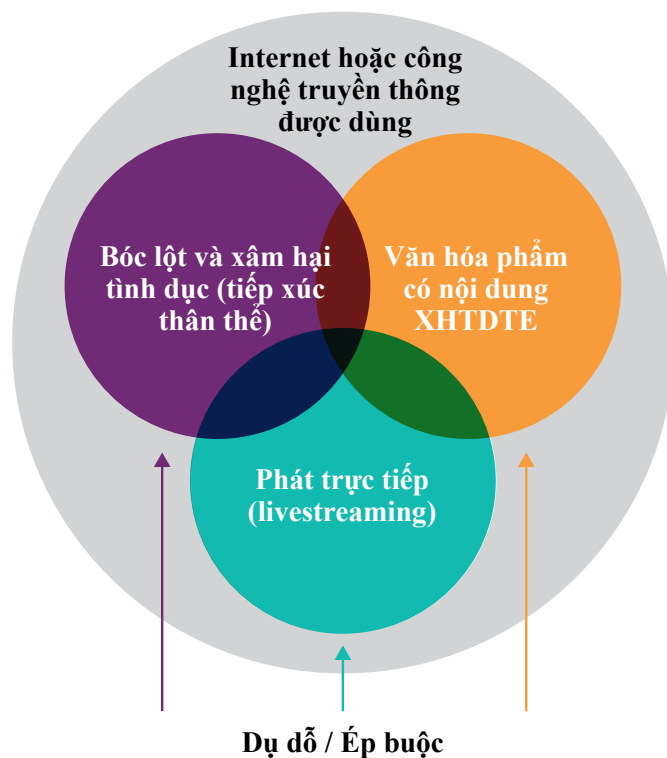
13. Nhóm công tác liên cơ quan về Chống bóc lột tình dục trẻ em. (2016). *Hướng dẫn thuật ngữ về Bảo vệ trẻ em khỏi bóc lột và xâm hại tình dục*. Bangkok: ECPAT International. 21.

14. Nhóm công tác liên cơ quan về Chống bóc lột tình dục trẻ em. (2016). *Hướng dẫn thuật ngữ về Bảo vệ trẻ em khỏi bóc lột và xâm hại tình dục*. Bangkok: ECPAT International. 44.



## VẤN ĐỀ BỐC LỘT VÀ XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM QUA MẠNG

Hình 2: Các hình thức chính của bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em theo nghiên cứu của dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*.



# VIỆT NAM - TÌNH HÌNH NHÂN KHẨU HỌC VÀ SỬ DỤNG INTERNET

Mặc dù sự kết nối ngày càng gia tăng trên khắp thế giới, nhưng rất ít quốc gia thường xuyên cập nhật số liệu thống kê chính thức về sử dụng Internet hoặc phân bổ chúng cho nhóm dân số trẻ em. Điều này đặt ra thách thức trong việc tìm hiểu cuộc sống của giới trẻ bị ảnh hưởng như thế nào bởi công nghệ số, đặc biệt là ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình. Hình ảnh dưới đây tổng kết dữ liệu mới nhất về truy cập Internet và sử dụng phương tiện truyền thông xã hội ở Việt Nam, một số trong đó được thu thập trực tiếp qua điều tra hộ gia đình của dự án Ngăn chặn hành vi gây tổn hại, đại diện cho toàn quốc về tình trạng sử dụng Internet của trẻ em từ 12-17 tuổi.

Dữ liệu trình bày ở đây giúp cung cấp nền tảng quan trọng để hiểu rõ các khía cạnh khác nhau của tình hình sử dụng Internet ở trẻ em. Tuy nhiên, những hạn chế về phương pháp có thể ảnh hưởng đến chất lượng dữ liệu lấy từ nguồn thứ cấp. Vì phụ thuộc vào kỹ thuật lấy mẫu có chủ đích hoặc các kỹ thuật chọn mẫu phi ngẫu nhiên khác, nên không thể coi dữ liệu mang tính đại diện cho nhóm quần thể được đề cập. Trong các trường hợp khác, sự khác biệt trong phương pháp thu thập dữ liệu và định nghĩa về sử dụng Internet đã đặt ra những thách thức khi so sánh giữa các quốc gia.



**TỔNG DÂN SỐ 2020**  
DỮ LIỆU LHQ:

**97,339,000<sup>15</sup>**

DỮ LIỆU TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ 2019:  
96,208,000<sup>16</sup>



**NỮ DÂN SỐ 2020**

DỮ LIỆU LHQ:  
**48,740,000<sup>17</sup>**



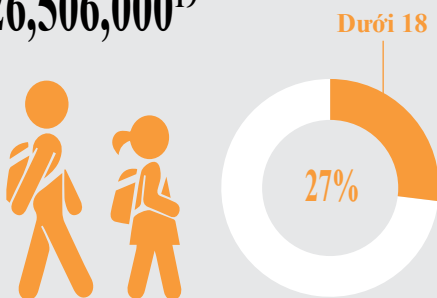
**NAM DÂN SỐ 2020**

DỮ LIỆU LHQ  
**48,598,000<sup>18</sup>**

**DÂN SỐ DƯỚI 18 TUỔI (SỐ LƯỢNG VÀ %)**

DỮ LIỆU LHQ:

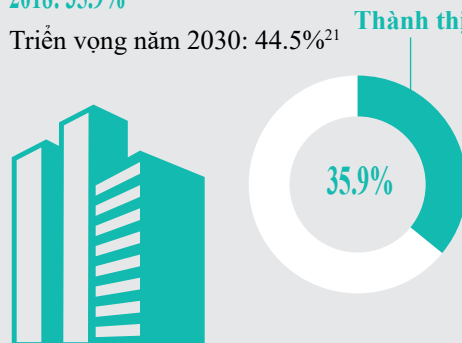
**26,506,000<sup>19</sup>**



**% DÂN SỐ THÀNH THỊ**

2018: 35.9%<sup>20</sup>

Triển vọng năm 2030: 44.5%<sup>21</sup>



**TUỔI TRUNG VỊ 2020**

**32.5<sup>22</sup>**



15. Phòng Dân số Liên Hợp quốc. [Triển vọng Dân số Thế giới 2019](#).

16. Tổng cục Thống kê Việt Nam. (2019). [Kết quả hoàn chỉnh của Tổng điều tra dân số và nhà ở tại Việt Nam năm 2019](#).

17. Phòng Dân số Liên Hợp quốc. [Triển vọng Dân số Thế giới 2019](#).

18. Phòng Dân số Liên Hợp quốc. [Triển vọng Dân số Thế giới 2019](#).

19. UNICEF. (2019). [Báo cáo Tình hình Trẻ em Thế giới năm 2021](#). UNICEF, New York.

20. Phòng Dân số Liên Hợp quốc. [Triển vọng Đô thị hóa Thế giới: Bản sửa đổi năm 2018](#).

21. Phòng Dân số Liên Hợp quốc. [Triển vọng Dân số Thế giới 2019](#).

22. Phòng Dân số Liên Hợp quốc. [Triển vọng Dân số Thế giới 2019](#).

## VIỆT NAM - TÌNH HÌNH NHÂN KHẨU HỌC VÀ SỬ DỤNG INTERNET

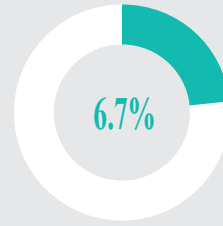
GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI (USD)

2,785.7 USD<sup>23</sup>



TỶ LỆ NGƯỜI NGHÈO

NĂM 2018, 6,7%  
DÂN SỐ SỐNG  
DƯỚI MỨC NGHÈO  
TOÀN QUỐC.<sup>24</sup>



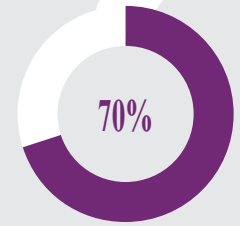
NGÔN NGỮ

VIETNAMESE

TIẾNG VIỆT LÀ NGÔN  
NGỮ CHÍNH THỨC.<sup>25</sup>

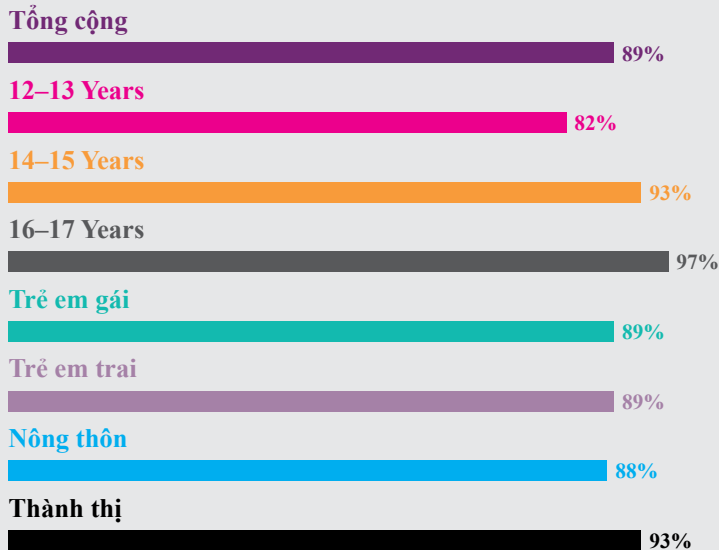
TỶ LỆ ĐĂNG KÝ/SỬ DỤNG INTERNET

2020: 70%<sup>26</sup>



Dữ liệu nghiên cứu Ngăn chặn hành vi gây tổn hại

TỶ LỆ SỬ DỤNG  
INTERNET Ở NHÓM  
TUỔI 12-17 NĂM 2020



n = 1,416 hộ gia đình

Dữ liệu nghiên cứu  
Ngăn chặn hành vi gây tổn hại

TỶ LỆ SỬ DỤNG  
INTERNET Ở NGƯỜI  
CHĂM SÓC CỦA TRẺ EM  
CÓ SỬ DỤNG INTERNET

89%



n = 994 người chăm sóc của trẻ có sử dụng Internet.

THIẾT BỊ PHỔ BIẾN NHẤT  
ĐỂ TRUY CẬP INTERNET  
Ở NHÓM TUỔI 12-17\*

Dữ liệu nghiên cứu  
Ngăn chặn hành vi gây tổn hại

Máy tính bảng Máy tính

5%

21%

ĐTDD

98%

n = 994 trẻ em sử dụng Internet. \* Câu hỏi có nhiều lựa chọn trả lời

23. Ngân hàng Thế giới. (2020). GDP bình quân đầu người (giá USD hiện tại) - Việt Nam.

24. Ngân hàng Thế giới. Công dữ liệu về nghèo đói & bình đẳng.

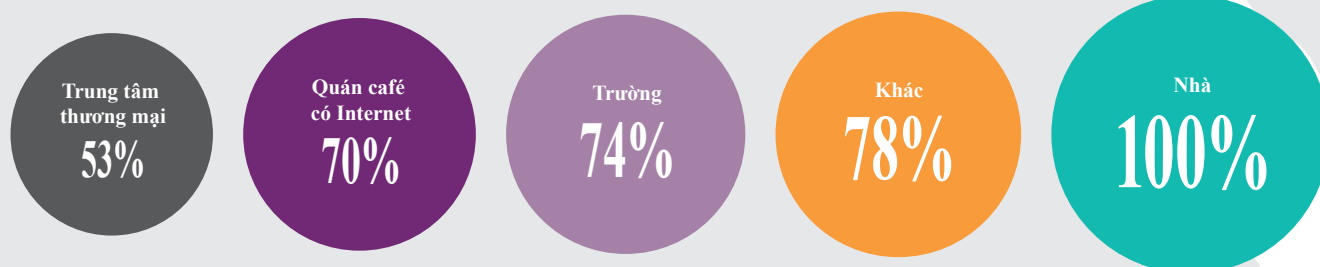
25. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2013). Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Điều 5.3.

26. Liên minh Viễn thông Quốc tế. (2020). Dữ liệu CNTT&TT cấp quốc gia: Tỷ lệ người sử dụng Internet.

## VIỆT NAM - TÌNH HÌNH NHÂN KHẨU HỌC VÀ SỬ DỤNG INTERNET

### NƠI PHỔ BIẾN NHẤT ĐỂ TRUY CẬP INTERNET Ở NHÓM TUỔI 12-17\*

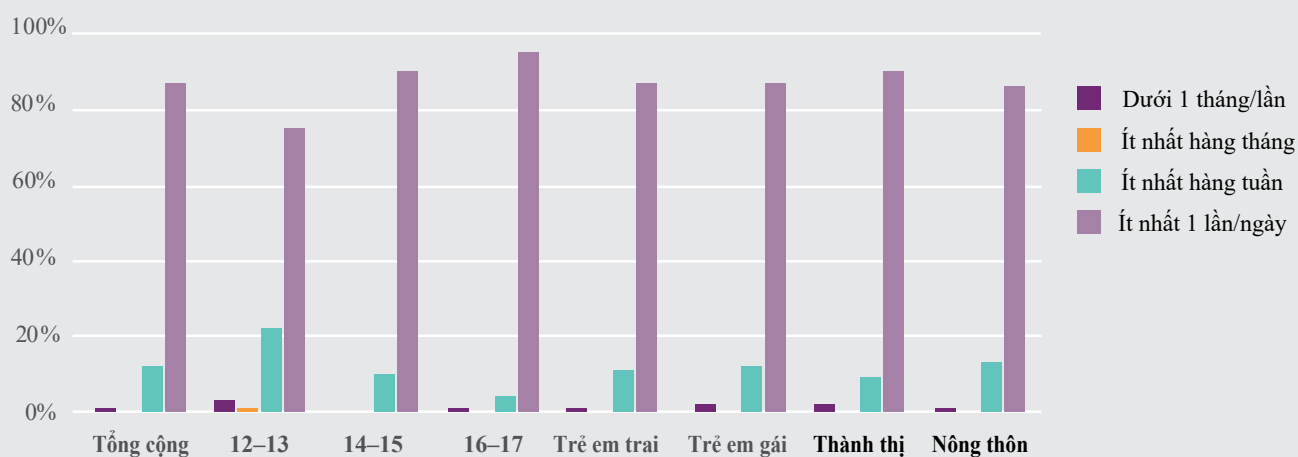
Dữ liệu nghiên cứu Ngăn chặn hành vi gây tổn hại



n = 994 trẻ em sử dụng Internet. \* Câu hỏi có nhiều lựa chọn trả lời

### TẦN SUẤT SỬ DỤNG INTERNET Ở NHÓM TUỔI 12-17

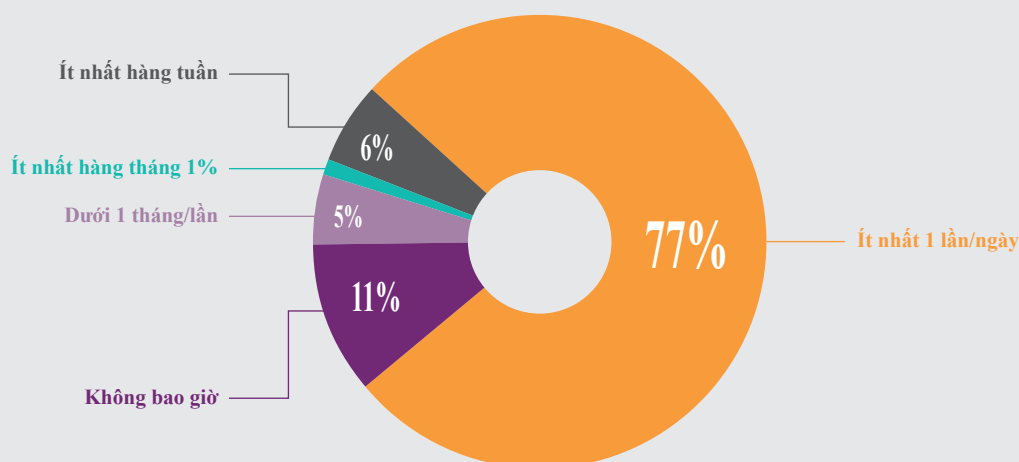
Dữ liệu nghiên cứu Ngăn chặn hành vi gây tổn hại



Cơ sở: Trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi sử dụng Internet trong nghiên cứu Ngăn chặn hành vi gây tổn hại. n = 994.

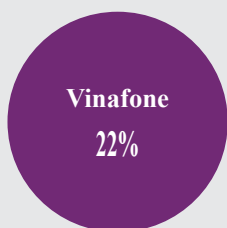
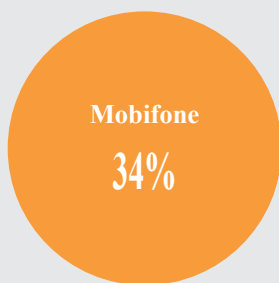
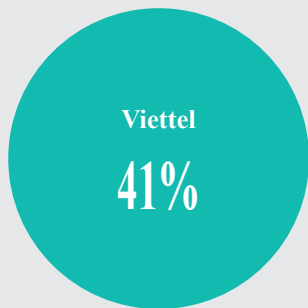
### TẦN SUẤT SỬ DỤNG INTERNET Ở NHÓM NGƯỜI CHĂM SÓC CỦA TRẺ CÓ SỬ DỤNG INTERNET.

Dữ liệu nghiên cứu Ngăn chặn hành vi gây tổn hại



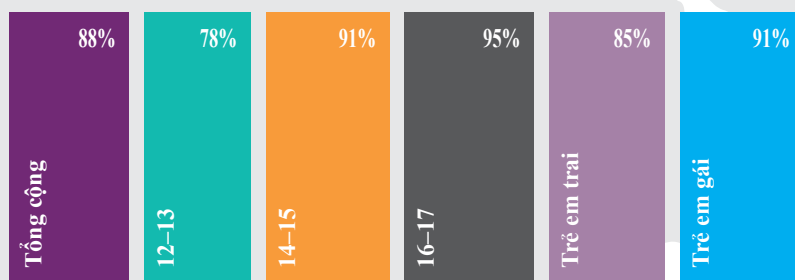
n = 994 người chăm sóc của trẻ có sử dụng Internet.

THỊ PHẦN THUÊ BAO DI ĐỘNG



TRẺ EM SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI HÀNG TUẦN

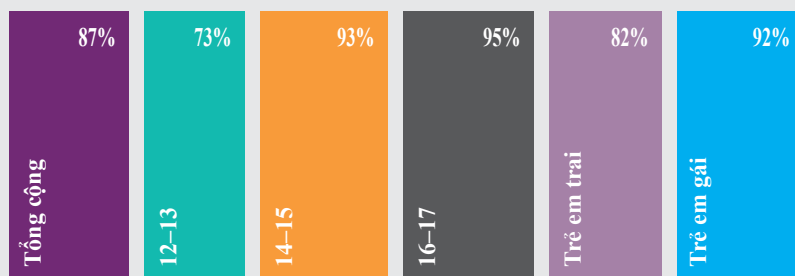
Dữ liệu nghiên cứu Ngăn chặn hành vi gây tổn hại



n = 994 trẻ em sử dụng Internet.

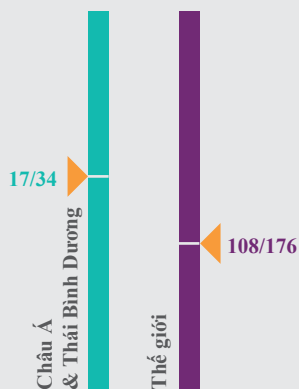
TRẺ EM SỬ DỤNG ỨNG DỤNG NHẮN TIN HÀNG TUẦN

Dữ liệu nghiên cứu Ngăn chặn hành vi gây tổn hại



n = 994 trẻ em sử dụng Internet.

XẾP HẠNG CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CNTT&TT (2017)<sup>28</sup>



XẾP HẠNG CHỈ SỐ AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG TOÀN CẦU<sup>29</sup>



27. Hiệp hội Hiệp hội Thông tin di động thế giới - GSM (2019). Tác động kinh tế di động Việt Nam.

28. Liên minh Viễn thông Quốc tế. (2017). Chỉ số phát triển CNTT&TT năm 2017.

29. Chỉ số An toàn thông tin mạng toàn cầu đo lường sự cam kết của các quốc gia đối với an toàn không gian mạng dựa trên việc thực thi các văn kiện pháp lý và mức độ triển khai các biện pháp kỹ thuật và tổ chức để củng cố hợp tác quốc tế và đảm bảo an toàn không gian mạng.

30. Liên minh Viễn thông Quốc tế. (2019). Chỉ số An toàn thông tin mạng toàn cầu (GCI) năm 2018.

# TỔNG QUAN VỀ PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH

Pháp luật liên quan đến bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng khá hạn chế ở Việt Nam, chỉ có một vài điều khoản về văn hóa phẩm có nội dung xâm hại tình dục trẻ em được quy định trong Bộ luật Hình sự,<sup>31</sup> Luật Trẻ em,<sup>32</sup> và mới đây là Luật An ninh mạng.<sup>33</sup>

Bộ luật Hình sự nghiêm cấm tất cả các nội dung khiêu dâm nói chung - về mặt chuyên ngành thì điều này cũng ngụ ý quy định hình sự hóa đối với văn hóa phẩm có nội dung xâm hại tình dục trẻ em (XHTDTE). Bộ luật có quy định hình sự hóa một loạt các hành vi, gồm làm ra, sao chép, lưu hành, vận chuyển, mua bán và tàng trữ sách, báo, tranh ảnh, phim, nhạc hoặc những văn hóa phẩm khác có nội dung khiêu dâm dưới mọi hình thức để truyền bá. Tất cả những văn hóa phẩm trên bao hàm cả sản phẩm mô tả trẻ em và người lớn.<sup>34</sup> Tuy nhiên, bộ luật chưa có định nghĩa về văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE. Do đó, cả Bộ luật Hình sự và các luật khác của Việt Nam đều không đưa ra biện pháp đặc biệt nào để bảo vệ trẻ em khỏi việc trở thành đối tượng trong sản xuất văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE, và hình phạt áp dụng cũng không tương xứng với các tội danh liên quan đến BL&XHTD trẻ em qua mạng. Trái với khiêu dâm nói chung, văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE đại diện cho hành vi xâm hại tình dục đối với trẻ em, nên cần quy định pháp luật cụ thể và hình phạt thích đáng.

Trong định nghĩa xâm hại tình dục trẻ em của Luật trẻ em có bao gồm việc sử dụng trẻ em làm đối tượng trong văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE.<sup>35</sup> Tuy nhiên, bộ luật này lại không đưa ra định nghĩa về văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE. Luật Trẻ em nghiêm cấm “cung cấp dịch vụ Internet và các dịch vụ khác; sản xuất, sao chép, lưu hành, vận hành, phát tán, sở hữu, vận chuyển, tàng trữ và kinh doanh xuất bản phẩm, đồ chơi, trò chơi và những sản phẩm khác có nội dung ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em”.<sup>36</sup> Điều khoản này còn khá mơ hồ và không rõ ràng, vì sử dụng cụm từ “ảnh hưởng” mà không định nghĩa các hành vi cấu thành hoặc hình thành nên nó.

Bộ luật Hình sự quy định tội danh đối với bất kỳ người nào từ 18 tuổi trở lên có hành vi lôi kéo, dụ dỗ hoặc ép buộc trẻ em dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc xem trình diễn khiêu dâm.<sup>37</sup> Theo nghị quyết năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao,<sup>38</sup> điều khoản này bao hàm cả các buổi trình diễn khiêu dâm phát trực tiếp trên mạng. Tuy nhiên, điều khoản nghiêm cấm này không có quy định về bảo vệ trẻ em 16–17 tuổi.

Pháp luật Việt Nam không có quy định cụ thể riêng nào để cấm hành vi **dụ dỗ qua mạng** nhằm mục đích tình dục hoặc **tống tình** trên môi trường mạng. Một số hành vi liên quan có thể bị trừng phạt như các loại tội phạm liên quan khác, ví dụ: hành vi phát trực tiếp có thể thuộc tội “sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm” theo Điều 147 của Bộ luật Hình sự, nhưng hiện vẫn thiếu pháp luật cụ thể để xử lý những tội này.

31. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13](#) (sửa đổi trong [Luật sửa đổi số 12/2017/QH14](#) năm 2017).

32. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2016). [Luật Trẻ em số 102/2016/QH13](#).

33. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2018). [Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14](#).

34. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13](#) (sửa đổi trong [Luật sửa đổi số 12/2017/QH14](#) năm 2017), Điều 326 (2017).

35. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2016). [Luật Trẻ em số 102/2016/QH13](#), Điều 4(8).

36. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2016). [Luật Trẻ em số 102/2016/QH13](#), Điều 6(10).

37. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13](#) (sửa đổi trong [Luật sửa đổi số 12/2017/QH14](#) năm 2017), Điều 147.

38. Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao. (2019). [Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các Điều 141, 142, 143, 144, 145, 146 và 147 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi](#), Điều 3.

Luật An ninh mạng, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, bao gồm các điều khoản về đảm bảo an toàn trên không gian mạng cho trẻ em. Đặc biệt, luật quy định các cơ quan, tổ chức, người chăm sóc, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và các cá nhân liên quan khác phải chịu trách nhiệm bảo đảm quyền của trẻ em, bảo vệ trẻ em theo Luật Trẻ em khi các em sử dụng Internet, bao gồm cả giúp các em tránh tiếp xúc với văn hóa phẩm đồi trụy.<sup>39</sup> Mặc dù Luật An ninh mạng không hình sự hóa việc BL&XHTD trẻ em qua mạng, nhưng bộ luật này vẫn là một phần của khung pháp lý nhằm bảo vệ trẻ em khỏi BL&XHTD qua mạng.

Theo Bộ luật Hình sự, việc giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi sẽ bị coi là phạm tội hiếp dâm (hiếp dâm theo luật định).<sup>40</sup> Hơn nữa, Bộ luật Hình sự quy định tội danh đối với việc sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ của nạn nhân hay sử dụng các thủ đoạn khác để “giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13-16 tuổi trái với ý muốn của họ”.<sup>41</sup> Người từ 14-16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự với tội hiếp dâm và tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi.<sup>42</sup>

Nếu một công dân, pháp nhân thương mại Việt Nam hoặc đối tượng cư trú không quốc tịch có hành vi phạm tội hình sự **bên ngoài lãnh thổ Việt Nam** liên quan đến văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE, được quy định trong Bộ luật Hình sự, thì có thể trừng phạt kẻ phạm tội ở Việt Nam giống như khi hành vi phạm tội được thực hiện tại Việt Nam.<sup>43</sup> Bộ luật Hình sự cũng quy định rằng sẽ áp dụng quyền tài phán bên ngoài lãnh thổ nếu có hành vi phạm tội **đối với công dân Việt Nam**.<sup>44</sup>

Tháng 6/2021, Chính phủ Việt Nam phê duyệt **Chương trình Quốc gia** đầu tiên về **Bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng** cho giai đoạn 2021-2025. Mục đích của chương trình là bảo vệ trẻ em khỏi bạo lực, bóc lột và xâm hại trên Internet và hỗ trợ các tương tác trực tuyến an toàn, lành mạnh.<sup>45</sup> Thông qua chương trình, chính phủ cam kết xây dựng hệ thống pháp luật, chính sách, thông lệ và sản phẩm để giúp trẻ em khai thác các cơ hội trên không gian số và bảo vệ các em khỏi bị tổn hại. Bên cạnh đó, chính phủ sẽ cùng hợp tác với các công ty cung cấp dịch vụ Internet và công nghệ truyền thông để bắt kịp nhịp độ thay đổi, bảo vệ trẻ em khỏi những rủi ro, tổn hại mới mà các em có thể gặp phải, đồng thời đảm bảo một môi trường Internet an toàn cho trẻ em.

39. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2018). [Luật An ninh mạng số 24/2018 / QH14, Điều 29\(4\)](#).

40. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13](#) (sửa đổi trong [Luật sửa đổi số 12/2017/QH14](#) năm 2017 ), Điều 142(1)(b).

41. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13](#) (sửa đổi trong [Luật sửa đổi số 12/2017/QH14](#) năm 2017), Điều 142(1)(a).

42. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13](#) (sửa đổi trong [Luật sửa đổi số 12/2017/QH14](#) năm 2017), Điều 12(2).

43. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13](#) (sửa đổi trong [Luật sửa đổi số 12/2017/QH14](#) năm 2017), Điều 6(1).

44. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13](#) (sửa đổi trong [Luật sửa đổi số 12/2017/QH14](#) năm 2017), Điều 6(2).

45. UNICEF. (2021, ngày 11/06). [UNICEF chúc mừng Việt Nam đã triển khai Chương trình đầu tiên về Bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng](#) [Thông cáo báo chí].

Việt Nam là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và do đó Việt Nam cũng cam kết thực hiện Kế hoạch hành động khu vực về Bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức bóc lột và xâm hại trực tuyến trong ASEAN<sup>46</sup> mà ASEAN đã thông qua vào tháng 10 năm 2021; Kế hoạch này có các cam kết về việc các quốc gia thành viên tăng cường bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng trong khu vực ASEAN. Kế hoạch này gồm 7 lĩnh vực trọng tâm, từ nâng cao nhận thức, tăng cường thu thập dữ liệu, tới điều chỉnh pháp luật. Ngoài ra, **Kế hoạch hành động khu vực ASEAN về Xóa bỏ bạo lực đối với trẻ em (2016-2025)** cũng liên quan tới nội dung này. Năm 2019, Việt Nam đã thông qua **Tuyên bố về Bảo vệ trẻ em khỏi tất cả các hình thức bóc lột và lạm dụng trực tuyến trong ASEAN**. Với việc tán thành các cam kết cấp khu vực này, Việt Nam đã thể hiện cam kết giải quyết vấn đề bóc lột tình dục trẻ em. Một Kế hoạch hành động khu vực ASEAN về BL&XHTD trẻ em với những nội dung chi tiết hơn đã được ra mắt ngày 14 tháng 2 năm 2022, trong đó có gồm các khuyến nghị cụ thể để giải quyết tội phạm này. Cam kết cấp khu vực này là một nguồn lực lớn để cải thiện các tiêu chuẩn bảo vệ trẻ em và chính sách liên quan đến BL&XHTD trẻ em qua mạng, nâng cao năng lực của đội ngũ chuyên môn, thành lập một đơn vị chuyên trách điều tra các tội liên quan đến BL&XHTD trẻ em qua mạng, củng cố cơ chế thu thập dữ liệu, nâng cao nhận thức về vấn đề này và hợp tác với khu vực tư nhân để chống lại những tội phạm này.<sup>47</sup>

“

Tháng 6/2021, Chính phủ Việt Nam phê duyệt Chương trình Quốc gia đầu tiên về Bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng cho giai đoạn 2021-2025. Mục đích của chương trình là bảo vệ trẻ em khỏi bạo lực, bóc lột và xâm hại trên Internet và hỗ trợ các tương tác trực tuyến an toàn, lành mạnh.

”

46. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. (2020). [Kế hoạch hành động khu vực về bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức bóc lột và xâm hại trực tuyến trong ASEAN: Bổ sung cho Kế hoạch hành động khu vực ASEAN về Xóa bỏ bạo lực đối với trẻ em](#).

47. ASEAN (2019). [Tuyên bố ASEAN về Bảo vệ trẻ em khỏi tất cả các hình thức bóc lột và lạm dụng trực tuyến](#).



# 1. TRẺ EM VIỆT NAM TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

---

Trọng tâm chính của báo cáo này là trình bày quan điểm của giới trẻ xung quanh vấn đề bóc lột và xâm hại trẻ em có sự hỗ trợ hoặc được thực hiện qua công nghệ số. Tuy nhiên, cần phải đặt những hành vi phạm tội này trong bối cảnh sử dụng Internet bao quát hơn của trẻ em Việt Nam. Do đó, chương đầu tiên sẽ trình bày ngắn gọn và tổng quan về số liệu của cuộc điều tra hộ gia đình về việc truy cập Internet của trẻ em và các hoạt động trên mạng mà trẻ em thích làm, sau đó chuyển sang mô tả các hoạt động trực tuyến ẩn chứa rủi ro và cách trẻ em cũng như người chăm sóc nhận thức về những hoạt động này.

# 1.1 TRUY CẬP INTERNET VÀ CÁC RÀO CẢN

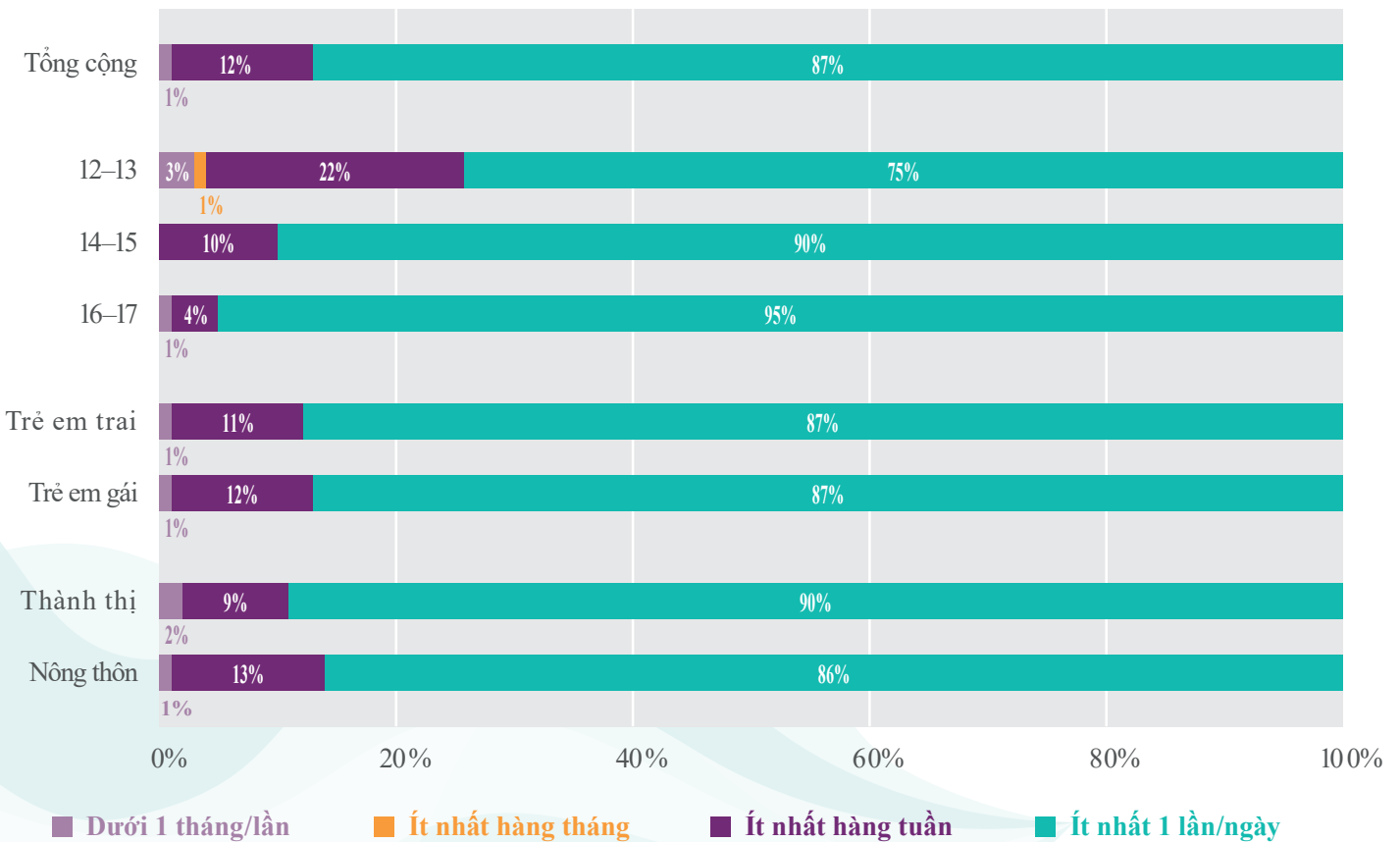
## 1.1.1 Tình hình truy cập và sử dụng Internet

Số liệu từ cuộc điều tra hộ gia đình của nghiên cứu dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* cho thấy trong số trẻ em tham gia khảo sát (n = 1.416), có 89% trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi có điều kiện kết nối Internet - nghĩa là có sử dụng Internet trong vòng 3 tháng gần đây.<sup>48,49</sup> Con số này ở nhóm trẻ em 12-13 tuổi là 82%, tăng lên 93% ở nhóm 14-15 tuổi và 97% ở nhóm 16-17 tuổi. Không có sự khác biệt nào trong khả năng truy cập Internet giữa hai giới. 88% trẻ em ở khu vực nông thôn được sử dụng Internet, còn ở khu vực thành thị là 93%, một sự khác biệt không lớn.

Phần lớn trẻ em Việt Nam thường xuyên lên mạng. Theo điều tra hộ gia đình, 89% cho biết các em lên mạng hàng ngày. Cũng giống như các quốc gia khác trên thế giới,<sup>50</sup> tần suất sử dụng Internet tăng lên theo độ tuổi của trẻ. Giữa hai giới không có sự khác biệt nào trong tần suất sử dụng Internet (xem Hình 3).

Tất cả trẻ em tham gia khảo sát đều cho biết mình sử dụng Internet ở nhà - đây cũng là một xu hướng phổ biến trên toàn cầu.<sup>51,52</sup> Bên cạnh đó, 75% trẻ em có lên mạng ở trường và 71% truy cập mạng ở quán café có Internet, 55% cho biết đã vào mạng ở trung tâm thương mại - thường là dưới 1 lần/tháng.

Hình 3: Tần suất sử dụng Internet của trẻ em



Cơ sở: Trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi sử dụng Internet n = 994.

48. Trong khi đi thực địa ngẫu nhiên để xác định trẻ em đủ điều kiện tham gia cuộc khảo sát chính, nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* cũng thu thập dữ liệu từ mọi hộ gia đình mà nhóm ghé thăm về số trẻ em 12-17 tuổi sống trong hộ, giới tính, độ tuổi, và xác định các em có sử dụng Internet trong 3 tháng qua không. Điều này giúp nhóm ước tính được tỷ lệ sử dụng Internet ở trẻ em 12-17 tuổi tại Việt Nam. n = 1.416 hộ gia đình.

49. Câu hỏi để xác định xem một trẻ trong độ tuổi từ 12-17 có sử dụng Internet hay không là: “[TRẺ EM] có dùng Internet trong 3 tháng qua không? Việc này có thể bao gồm sử dụng điện thoại di động, máy tính bảng hoặc máy tính để bàn để gửi, nhận tin nhắn, dùng những ứng dụng như Facebook, WhatsApp, Instagram, gửi email, lướt trình duyệt, trò chuyện với bạn bè và gia đình, tải lên hoặc tải xuống các tệp tin, hoặc bất cứ thứ gì trẻ thường làm trên Internet”.

50. Xem tại Global Kids Online: <http://globalkidsonline.net/>.

51. Smahel, D., Machackova, H. và cộng sự. (2020). *Tình hình sử dụng mạng của trẻ em Liên minh Châu Âu năm 2020: Kết quả điều tra từ 19 quốc gia*. Florence: Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti.

52. Kardefelt Winther, D., Livingstone, S., & Saeed, M. (2019). *Phát triển trong một thế giới kết nối*. Báo cáo nghiên cứu của Innocenti. Florence: Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti.

## 1.1 TRUY CẬP INTERNET VÀ CÁC RÀO CẢN

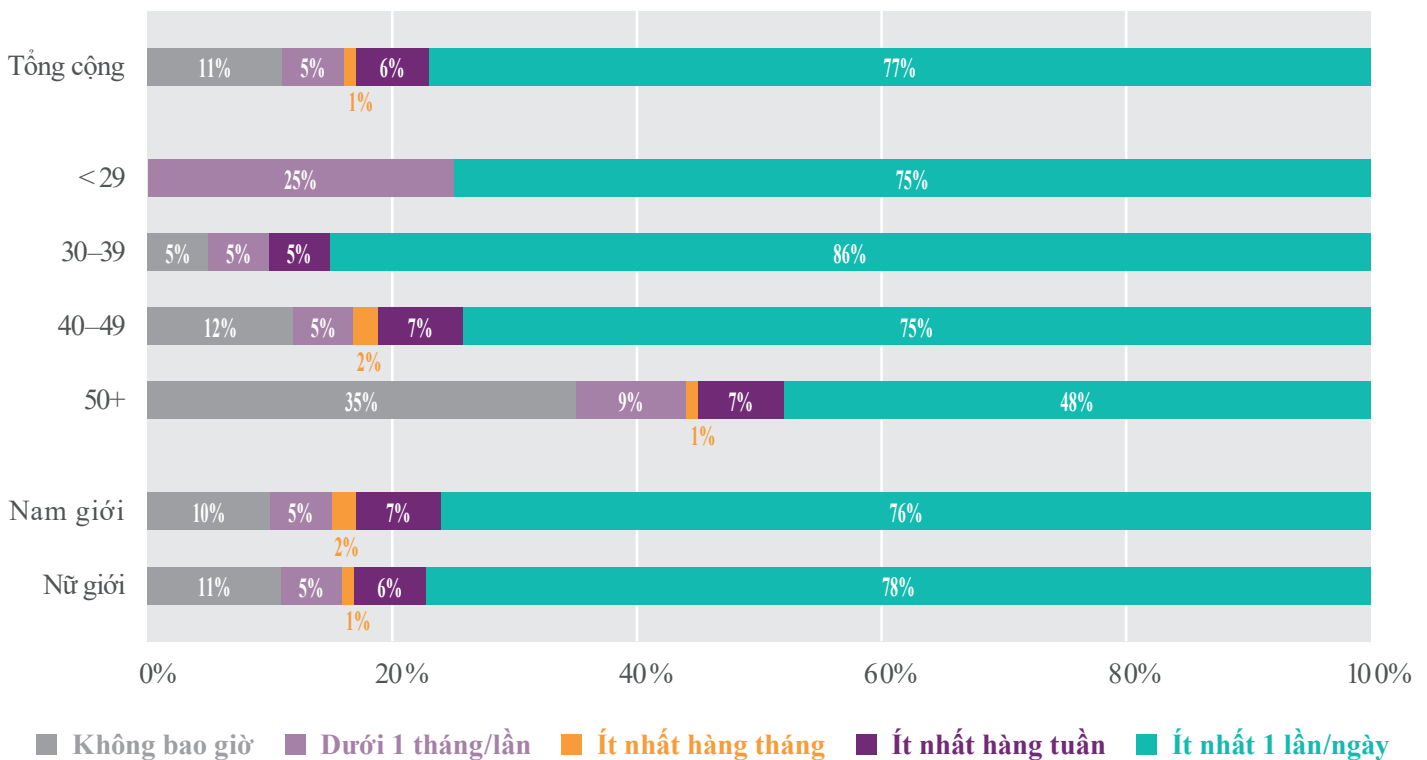
Cũng như ở các quốc gia khác, thiết bị dùng để lên mạng phổ biến nhất hiện nay ở nhóm tuổi 12-17 là điện thoại thông minh, nhiều khả năng do giá cả tương đối thấp và sự nhỏ gọn, thuận tiện để mang đi.<sup>53</sup> Gần như tất cả (98%) trẻ em Việt Nam sử dụng Internet trong nhóm tuổi này dùng điện thoại thông minh để lên mạng, trong khi chỉ có 21% sử dụng máy tính để bàn và 5% dùng máy tính bảng. Việc sử dụng máy tính phổ biến hơn ở nhóm trẻ em lớn (16-17 tuổi), trẻ em trai và trẻ em sống ở khu vực thành thị. Trong số trẻ em sử dụng điện thoại thông minh để lên mạng, 61% dùng chung thiết bị với người khác - phần lớn là với cha mẹ (36%) hơn là anh chị em (7%) hay bạn bè (1%). Tỷ lệ trẻ em nhỏ tuổi, cụ thể là nhóm 12-13 tuổi (63%), dùng chung thiết bị với người khác nhiều hơn so với nhóm 16-17 tuổi (16%). Không có sự khác biệt trong việc dùng chung điện thoại giữa hai giới.

### 1.1.2 Tình hình sử dụng Internet ở người chăm sóc

Phần lớn (77%) người chăm sóc tham gia điều tra hộ gia đình sử dụng Internet hàng ngày, và chỉ có 11% không bao giờ vào mạng. Không có sự khác biệt rõ rệt về tần suất sử dụng Internet theo giới tính của người chăm sóc. Tuy nhiên, số lượng người chăm sóc từ 50 tuổi trở lên sử dụng Internet ít hơn so với nhóm người chăm sóc trẻ tuổi hơn (xem Hình 4).

Vì đa phần người chăm sóc đều từng sử dụng Internet và trẻ em thường vào mạng ở nhà, nên tại Việt Nam, nhóm người chăm sóc có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn trẻ em sử dụng Internet. Đối với một nhóm nhỏ người chăm sóc ít có điều kiện sử dụng mạng, họ có thể cần thêm kiến thức và hỗ trợ để có thể định hướng việc sử dụng Internet của trẻ em. Trường học cũng có thể hỗ trợ người chăm sóc đảm bảo an toàn cho trẻ em trên môi trường mạng bằng cách đưa hướng dẫn sử dụng mạng an toàn và phòng chống BL&XHTD trẻ em qua mạng trong chương trình giảng dạy. Tuy nhiên, điều kiện tiên quyết để

Hình 4: Tần suất sử dụng Internet của người chăm sóc.

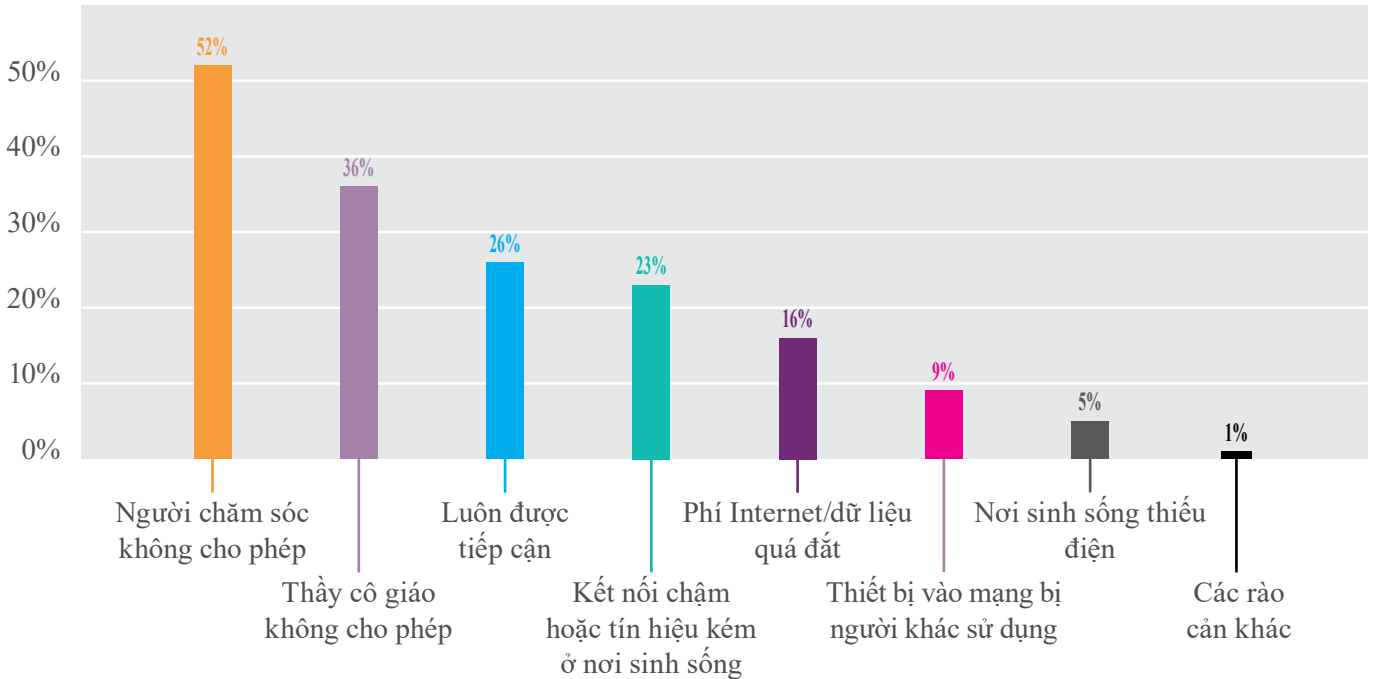


Người chăm sóc của trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi sử dụng Internet n = 994.

53. Kardefelt Winther, D., Livingstone, S., & Saeed, M. (2019). *Phát triển trong một thế giới kết nối*. Báo cáo nghiên cứu của Innocenti. Florence: Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti.

## 1.1 TRUY CẬP INTERNET VÀ CÁC RÀO CẢN

Hình 5: Rào cản cản trở trẻ tiếp cận và sử dụng Internet



Cơ sở: Trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi sử dụng Internet n = 994.

đảm bảo thực hiện hiệu quả việc này là giáo viên được đào tạo đầy đủ.

### 1.1.3 Rào cản đối với việc truy cập và sử dụng Internet

Nhìn chung, 74% trẻ em tham gia khảo sát gặp phải rào cản trong việc truy cập và sử dụng Internet. Rào cản phổ biến nhất khi trẻ em Việt Nam muốn truy cập và sử dụng Internet là sự hạn chế từ người chăm sóc. Hơn một nửa trẻ em được khảo sát, trai và gái như nhau, cho biết các em không thể lên mạng khi mình muốn hoặc cần vì người chăm sóc không cho phép. Ngoài ra, 28% trẻ em được khảo sát cho biết người chăm sóc thường giới hạn thời gian lên mạng của các em và 52% nói rằng người chăm sóc của mình đôi khi làm vậy. Cứ 3 trẻ em thì có 1 trẻ (33%) không được phép dùng mạng xã hội hoặc chỉ được dùng khi có sự cho phép/giám sát. Khảo sát cũng cho kết quả tương tự với hoạt động dùng ứng dụng nhắn tin (32%), chia sẻ hình ảnh, video, nhạc trực tuyến với người khác (36%) và xem video clip (32%). 10% trẻ em trả lời các em không được chơi điện tử và 33% chỉ được chơi khi có sự cho phép hoặc giám sát. Điều này cho thấy một tỷ lệ lớn trẻ em Việt Nam bị hạn chế cơ hội tiếp cận không gian mạng khi các em muốn.

Sự giới hạn từ giáo viên là rào cản phổ biến thứ hai đối với việc truy cập và sử dụng Internet. Hơn một phần ba (36%) trẻ em được khảo sát không thể vào mạng lúc muốn hoặc cần vì giáo viên không cho phép. Giáo viên thường hạn chế truy cập Internet đối với trẻ em trai (40%) hơn trẻ em gái (34%). Nhóm trẻ nhỏ từ 12-13 tuổi (41%) cũng bị người chăm sóc và giáo viên hạn chế vào mạng nhiều hơn so với nhóm 16-17 tuổi (34%). Trẻ em nông thôn (53%) bị người chăm sóc hạn chế vào mạng nhiều hơn so với trẻ em thành thị (48%).

Kết nối Internet kém và phí Internet/dữ liệu cao cũng là một rào cản đáng chú ý đối với việc sử dụng Internet của trẻ em Việt Nam, mặc dù rào cản này ít phổ biến hơn. Yếu tố này ảnh hưởng tới nhóm trẻ em lớn, 16-17 tuổi, nhiều hơn so với nhóm nhỏ tuổi (12-13 tuổi), có thể vì nhóm này sử dụng Internet thường xuyên hơn. Số lượng trẻ em gái nhắc đến rào cản kết nối Internet kém và phí dữ liệu đắt nhiều hơn so với trẻ em trai. Kết nối Internet kém cản trở khả năng truy cập mạng của trẻ em nông thôn nhiều hơn so với thành thị. Phí dịch vụ Internet ảnh hưởng đến cả trẻ em nông thôn và thành thị ở mức độ gần như nhau.

## 1.2 HOẠT ĐỘNG TRÊN MẠNG CỦA TRẺ EM

Điều tra hộ gia đình cho thấy các hoạt động trực tuyến phổ biến nhất của trẻ em là giải trí - như xem video, dùng mạng xã hội và nhắn tin. Nhiều trẻ em cũng nói mình lên mạng để làm bài ở trường và tra cứu thông tin mới. Nhóm trẻ lớn thường tham gia nhiều hoạt động trực tuyến hơn so với nhóm trẻ nhỏ. Cần lưu ý rằng các loại hoạt động này không tách biệt với nhau - ví dụ, việc xem video có thể là một phần trong việc trẻ em lên mạng làm bài tập ở trường. Tuy nhiên, Hình 6 dưới đây giúp chúng ta có cái nhìn rõ ràng hơn về cách sử dụng Internet của trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi và các hoạt động mà các em yêu thích.

Sự khác biệt giữa hai giới là không đáng kể, và trẻ lớn thường tham gia nhiều loại hoạt động hơn so với trẻ nhỏ - điều này cũng thường thấy ở các quốc gia khác.<sup>54</sup> Trong hầu hết các hoạt động, sự tham gia của trẻ em gái cao

hơn một chút so với trẻ em trai - đặc biệt là việc sử dụng ứng dụng nhắn tin, nói chuyện với người nhà hoặc bạn bè sống ở xa, theo dõi người nổi tiếng - còn trẻ em trai chơi điện tử hàng tuần nhiều hơn trẻ em gái (xem Hình 6).

Hình 6: Hoạt động trẻ em thực hiện trên mạng ít nhất 1 tuần/lần

Hoạt động trên mạng	Tổng cộng	12-13	14-15	16-17	Trẻ em trai	Trẻ em gái
Xem video	91%	85%	93%	94%	91%	91%
Dùng mạng xã hội	88%	78%	91%	95%	85%	91%
Dùng ứng dụng nhắn tin	87%	73%	93%	95%	82%	92%
Làm bài tập ở trường	72%	69%	73%	75%	73%	72%
Xem tin tức	70%	55%	72%	83%	68%	73%
Nói chuyện với người nhà hoặc bạn bè sống ở xa	65%	54%	70%	72%	59%	70%
Xem livestream	63%	58%	64%	66%	62%	64%
Theo dõi người nổi tiếng hoặc nhân vật của công chúng trên mạng xã hội	52%	45%	53%	57%	46%	57%
Tìm kiếm thông tin mới	50%	37%	50%	60%	50%	49%
Chơi điện tử	49%	47%	47%	53%	69%	33%
Tìm kiếm sự hỗ trợ về tinh thần	45%	40%	44%	51%	49%	42%
Tìm kiếm thông tin về cơ hội việc làm hoặc học tập	43%	41%	44%	45%	39%	47%
Vào trang web nơi mọi người cùng chia sẻ sở thích	36%	30%	33%	45%	35%	36%
Tìm kiếm thông tin về sức khỏe	29%	19%	31%	37%	27%	31%
Tìm kiếm thông tin hoặc sự kiện tổ chức ở khu vực lân cận	23%	20%	21%	28%	23%	23%
Tự làm video hoặc làm nhạc	9%	6%	9%	11%	6%	11%
Bàn luận về vấn đề chính trị, xã hội	6%	8%	6%	6%	5%	7%
Làm blog hoặc website	6%	7%	7%	6%	6%	7%

Cơ sở: Trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi sử dụng Internet n = 994 children.

54. Livingstone, S., Kardefelt Winther, D., & Saeed, M. (2019). Báo cáo so sánh của Global Kids Online. Báo cáo nghiên cứu của Innocenti. Florence: Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti.

# 1.3 NHẬN THỨC VÀ TRẢI NGHIỆM VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG RỦI RO TRÊN MẠNG

Cuộc thảo luận về rủi ro trên mạng thường phụ thuộc vào cách nhận thức của người lớn. Để hiểu rõ hơn góc nhìn của trẻ em, người chăm sóc và trẻ em được hỏi về mức độ tham gia và nhận thức đối với các hoạt động rủi ro trên mạng.

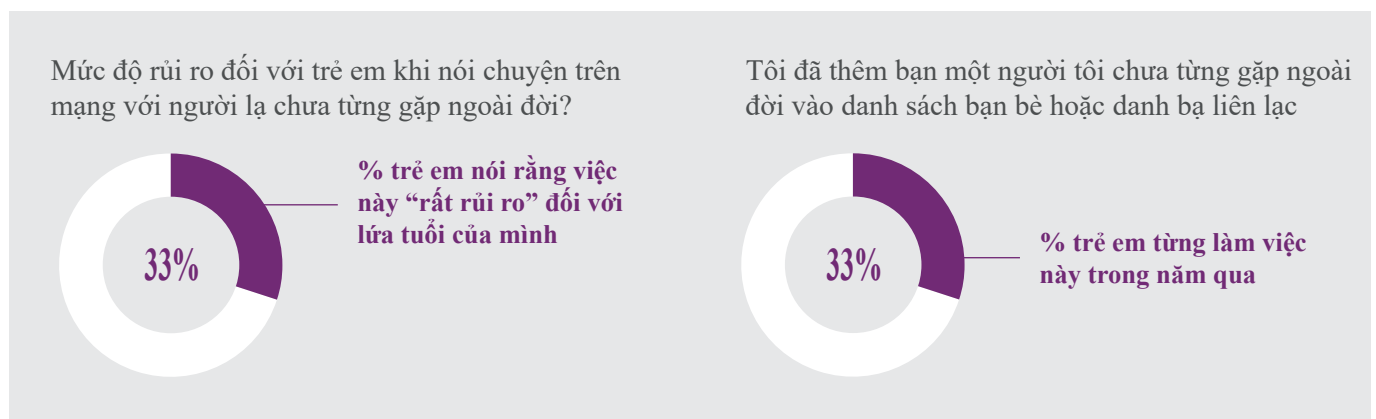
## 1.3.1 Tiếp xúc với người lạ trên mạng

Một lo ngại phổ biến liên quan đến hoạt động trực tuyến của trẻ em là tiếp xúc với “mối nguy hiểm từ người lạ”. Khi được yêu cầu đánh giá mức độ rủi ro của các hành vi trực tuyến khác nhau, 52% người chăm sóc trong khảo sát nói rằng trò chuyện với một người trên Internet mà chưa từng gặp ngoài đời là việc rất rủi ro đối với trẻ em. Tuy nhiên, trẻ em sử dụng Internet ít lo lắng về vấn đề này hơn, chỉ có 33% đánh giá hành vi này là rất rủi ro với lứa tuổi của mình (xem Hình 7). Trong khi phần lớn trẻ em công nhận hành vi này ẩn chứa rủi ro nhất định, 28% trẻ em nói rằng trò chuyện với người lạ trên mạng không hề rủi ro. Trên thực tế, có tới 56% trẻ em trả lời rằng các em tìm kiếm bạn mới hoặc thông tin liên lạc mới trên Internet, trong khi có 33% trẻ em thêm những người chưa từng gặp trước đây vào danh bạ liên lạc của mình.

## 1.3.2 Chia sẻ thông tin cá nhân trên mạng

Trong số trẻ em Việt Nam tham gia khảo sát, có 57% cho rằng việc gửi thông tin cá nhân cho một người chưa từng gặp ngoài đời là rất rủi ro, con số này ở nhóm người chăm sóc là 76%. Trong khi đa số trẻ em công nhận việc làm này ẩn chứa rủi ro nhất định, vẫn có 8% trẻ em cho rằng không hề rủi ro khi chia sẻ thông tin cá nhân với người mà các em chỉ biết qua Internet. Trên thực tế, 22% trẻ em từng chia sẻ thông tin cá nhân của mình với một người chưa từng gặp ngoài đời (xem Hình 8).

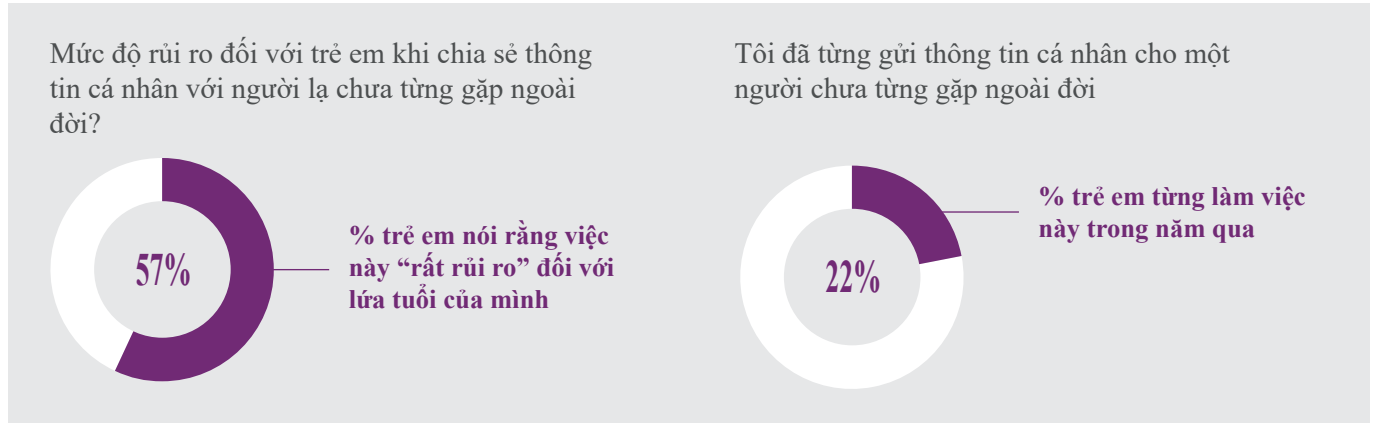
Hình 7: Mức độ rủi ro đối với trẻ em khi nói chuyện với người lạ trên mạng



Cơ sở: Trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi sử dụng Internet n = 994

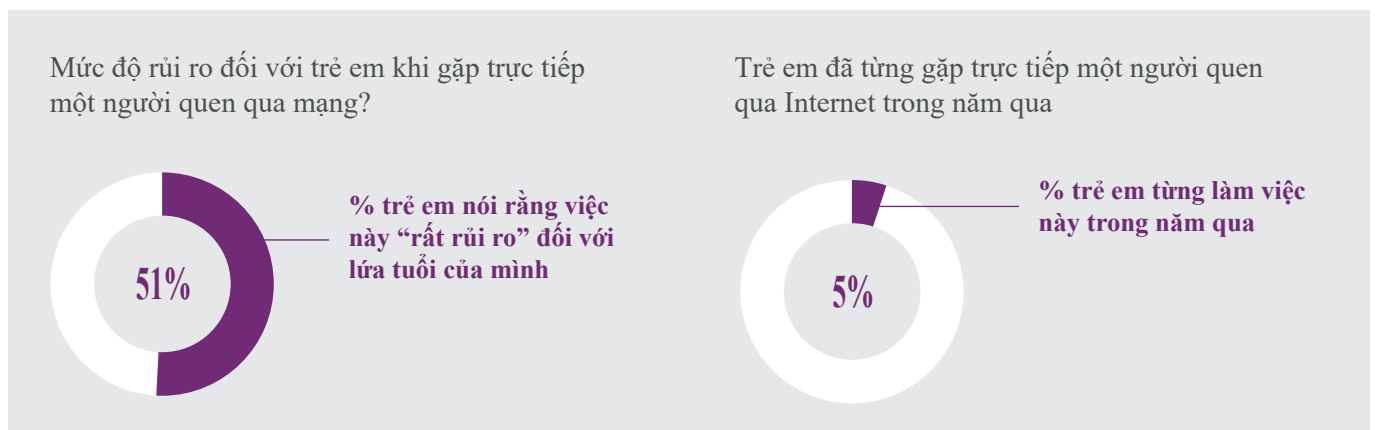
## 1.3 NHẬN THỨC VÀ TRẢI NGHIỆM VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG RỦI RO TRÊN MẠNG

Hình 8: Mức độ rủi ro đối với trẻ em khi chia sẻ thông tin cá nhân với người lạ trên mạng



Cơ sở: Trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi sử dụng Internet. n = 994

Hình 9: Mức độ rủi ro đối với trẻ em khi gặp trực tiếp một người quen qua mạng



Cơ sở: Trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi sử dụng Internet. n = 994

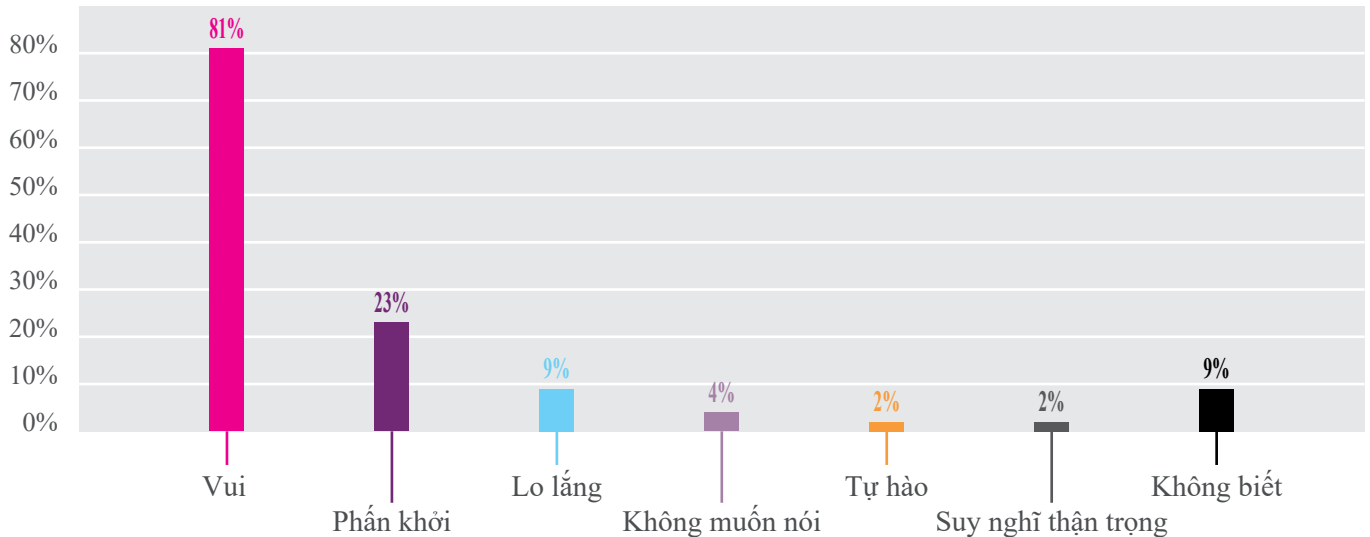
### 1.3.3 Gặp trực tiếp một người sau khi làm quen qua mạng

Trong số trẻ em Việt Nam tham gia khảo sát, 51% cho rằng việc gặp mặt một người bạn đầu quen qua mạng là “rất rủi ro”, 72% người chăm sóc cũng có chung quan điểm như trên.

Trong khi có nhiều trẻ em công nhận việc làm này ẩn chứa một số rủi ro nhất định, có 10% cho rằng việc gặp gỡ một người bạn đầu quen qua mạng không hề rủi ro. Trên thực tế, trong số trẻ em trả lời khảo sát, 5% đã từng gặp một người quen qua mạng ở ngoài đời (xem Hình 9).

## 1.3 NHẬN THỨC VÀ TRẢI NGHIỆM VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG RỦI RO TRÊN MẠNG

Hình 10: Trẻ em cảm thấy thế nào vào lần gần nhất gặp mặt một người trước đó quen qua Internet.



Cơ sở: Trẻ em đã từng gặp trực tiếp một người quen qua Internet trong năm qua. n = 53.

Trong số đó, phần lớn trẻ em đều cảm thấy vui với trải nghiệm này (xem Hình 10). Nghiên cứu thực hiện ở 30 quốc gia trên thế giới cũng có kết quả tương tự.<sup>55,56</sup>

Có nhiều hình thức gặp gỡ giữa trẻ em và người quen qua mạng, từ cuộc gặp trực tiếp với người lớn, cho đến kết nối với trẻ em khác trong cộng đồng qua mạng rồi sau đó gặp trực tiếp, hoặc đến các sự kiện nhóm cùng với người chăm sóc. Nghiên cứu thực hiện tại hơn 30 quốc gia trên thế giới cho thấy trẻ em có thể nhận thức được những khía cạnh này.<sup>57,58</sup>

Trải nghiệm của trẻ em Việt Nam sử dụng Internet cho thấy rủi ro gặp tổn hại khi lần đầu tiên gặp gỡ một người không quen biết là tương đối thấp. Đây có thể chỉ đơn giản là cách đôi khi giới trẻ dùng để kết bạn mới. Tuy nhiên, nếu có tổn hại thì sẽ rất nghiêm trọng. Trong khi nhiều trẻ em Việt Nam nhận thức được rằng việc tương tác với người lạ trên mạng ẩn chứa một số rủi ro nhất định, điều quan trọng là cần đảm bảo rằng tất cả trẻ em đều được cung cấp thông tin và hướng dẫn cách tương tác an toàn và có trách nhiệm. Trẻ em không nên gặp trực tiếp người quen trên mạng mà không có biện pháp đảm bảo an toàn. Trong một báo cáo đánh giá về bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em tại Việt Nam thực hiện năm 2020, trẻ em cho biết đã từng bị người lạ tiếp cận trên mạng, yêu cầu các em nói chuyện về tình dục hoặc chia sẻ ảnh khỏa thân.<sup>59</sup>

55. Smahel, D., Machackova, H. và cộng sự. (2020). [Tình hình sử dụng mạng của trẻ em Liên minh Châu Âu năm 2020: Kết quả điều tra từ 19 quốc gia](#). Florence: Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti.

56. Livingstone, S., Kardefelt Winther, D., & Saeed, M. (2019). [Báo cáo so sánh của Global Kids Online](#). Báo cáo nghiên cứu của Innocenti. Florence: Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti.

57. Livingstone, S., Kardefelt Winther, D., & Saeed, M. (2019). [Báo cáo so sánh của Global Kids Online](#). Báo cáo nghiên cứu của Innocenti. Florence: Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti.

58. Smahel, D., Machackova, H. và cộng sự. (2020). [Tình hình sử dụng mạng của trẻ em Liên minh Châu Âu năm 2020: Kết quả điều tra từ 19 quốc gia](#). Florence: Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti.

59. UNICEF, UN Women, UNFPA. (2020). [Đánh giá nhanh về tình hình bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em do tác động của thảm họa COVID-19 và nhu cầu hỗ trợ trong hoạt động truyền thông và ứng phó có mục tiêu](#), 30.



### Kỹ năng số và kiến thức của trẻ em về đảm bảo an toàn trên không gian mạng

Mặc dù chỉ có 36% trẻ em (phần lớn từ 16-17 tuổi) trong khảo sát của dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* cho biết các em đã được hướng dẫn về cách đảm bảo an toàn trên không gian mạng, nhưng đa phần các em đều nói mình có kiến thức, kỹ năng về an toàn trên mạng, như biết cách cài đặt quyền riêng tư trên mạng (75%), nhận thức được hình ảnh nào nên và không nên chia sẻ với bạn bè trên mạng (89%) và kiến thức về cách báo cáo nội dung độc hại trên mạng xã hội (71%). Chỉ có hơn một nửa (55%) biết cách kiểm tra xem một trang web có đáng tin hay không. Tỷ lệ này cao nhất ở nhóm trẻ lớn, từ 16-17 tuổi, và thấp nhất ở nhóm trẻ nhỏ, từ 12-13 tuổi. Không có nhiều khác biệt về kỹ năng và kiến thức số ở hai giới. Có khả năng trẻ em Việt Nam đánh giá cao kỹ năng đảm bảo an toàn trên không gian số của mình hơn thực tế, những kỹ năng này chủ yếu là do các em tự học hoặc thông qua nguồn không chính thức. Có thể cần một chương trình đào tạo toàn diện hơn hoặc nhạy cảm hơn về cách đảm bảo an toàn trên môi trường mạng.

### Phản ứng của người chăm sóc đối với hành vi có khả năng dẫn tới rủi ro

Người lớn thường coi tất cả những người không quen biết trên mạng là người có ý định xấu, trong khi việc trẻ em tham gia nhiều vào các nền tảng trực tuyến thúc đẩy các em coi người lạ trên mạng là bạn mới. Đối với nhiều người chăm sóc, phản ứng tự nhiên của họ trước những rủi ro trên mạng là tịch thu thiết bị vào mạng của trẻ em hoặc hạn chế thời gian sử dụng Internet theo cách khác để bảo vệ các em khỏi tổn hại có thể xảy ra. Trong khảo sát, khi được hỏi họ sẽ làm gì khi con trẻ quá bận tâm với một thứ trên mạng, chỉ 19% người chăm sóc trả lời họ sẽ hạn chế cơ hội truy cập Internet của trẻ em. Phần lớn (75%) trả lời họ sẽ trò chuyện với trẻ em về điều gì đã xảy ra, và 45% nói rằng sẽ tìm kiếm sự giúp đỡ hoặc tư vấn từ người đáng tin cậy (45%).



Điều tra hộ gia đình với đối tượng trẻ em cho thấy một tỷ lệ lớn trẻ em bị người chăm sóc hạn chế sử dụng Internet, và chỉ một số ít người chăm sóc tạo môi trường hỗ trợ các em.



### Sự kiểm soát mang tính hỗ trợ của người chăm sóc:

Trái ngược với ở trên, điều tra hộ gia đình với đối tượng trẻ em cho thấy một tỷ lệ lớn trẻ em bị người chăm sóc hạn chế sử dụng Internet (xem [Chương 1.1.2](#) ở trên), và chỉ một số ít người chăm sóc tạo môi trường hỗ trợ các em. Khảo sát cũng cho thấy 25% trẻ em có người chăm sóc thường khuyến khích các em tìm hiểu và học hỏi kiến thức qua Internet. Chỉ có 17% cho biết người chăm sóc của các em thường gợi ý cách sử dụng Internet an toàn, và chỉ 12% thường có hoạt động chung với các em trên môi trường trực tuyến.

**Kỹ năng và kiến thức số của người chăm sóc:** Việc người chăm sóc ít có sự kiểm soát mang tính hỗ trợ cùng với sự hạn chế Internet nghiêm ngặt đối với trẻ em có thể là do họ không có nhiều kỹ năng và kiến thức số. Trong khi chỉ có 11% người chăm sóc chưa bao giờ dùng Internet và 77% (trong số người dùng) sử dụng Internet hàng ngày, chỉ 37% nhận rằng họ biết về Internet nhiều hơn trẻ em. Tương tự, chỉ 20% nhận là họ biết cách thay đổi cài đặt quyền riêng tư và 33% biết cách báo cáo nội dung độc hại trên mạng xã hội.

### Người chăm sóc và việc hướng dẫn trẻ em sử dụng Internet

Việc người chăm sóc nhận thức được các rủi ro trên mạng và nắm bắt được các kỹ năng số cơ bản đóng vai trò rất quan trọng để đảm bảo trẻ em được trang bị tốt và an toàn khi tham gia không gian số. Ở Việt Nam, nhiều trẻ em bị hạn chế về thời gian dùng Internet và những gì được làm trên mạng. Ngoài ra, người chăm sóc cũng ít áp dụng các biện pháp kiểm soát mang tính hỗ trợ đối với hoạt động trên mạng.

Rào cản phổ biến nhất đối với việc truy cập và sử dụng Internet của trẻ em Việt Nam là sự hạn chế từ người chăm sóc và giáo viên. Cách tiếp cận này có thể giảm thiểu việc trẻ em tiếp xúc với rủi ro trực tuyến trong ngắn hạn, nhưng nó cũng làm hạn chế kỹ năng số và sự quen thuộc của trẻ với môi trường mạng về lâu dài. Mặt khác, việc người lớn tham gia và kiểm soát theo hướng hỗ trợ có liên quan đến việc phát triển kỹ năng tích cực cho trẻ em ở các quốc gia khác.<sup>60</sup> Sự kiểm soát mang tính hỗ trợ bao gồm những việc như tham gia các hoạt động cùng nhau, trò chuyện với trẻ em về sử dụng Internet, giáo dục các em về các rủi ro tồn tại trên mạng và cách tốt nhất để phòng tránh rủi ro. Bằng cách này, trẻ em có thể hưởng lợi từ nhiều hoạt động, kỹ năng hữu ích mà môi trường Internet mang lại, đồng thời được cha mẹ, người chăm sóc hướng dẫn và hỗ trợ khi gặp phải các tổn hại trên mạng. Do đó, người chăm sóc đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ trẻ em khỏi những rủi ro trên không gian trực tuyến.

Nghiên cứu cho thấy có ít trẻ em có người chăm sóc thường khuyến khích các em tìm hiểu và học hỏi trên Internet, hoặc gợi ý cách sử dụng Internet an toàn, hay thường có hoạt động chung với các em trên môi trường trực tuyến. Ngoài ra, nhiều người chăm sóc thừa nhận rằng trẻ em/con cái họ còn biết nhiều về Internet hơn chính họ. Nhiều người chăm sóc cũng cho biết họ có ít kiến thức, kỹ năng an toàn trên môi trường mạng như cách thay đổi cài đặt quyền riêng tư trên mạng, hoặc cách báo cáo nội dung độc hại trên mạng xã hội.

Vì đa phần người chăm sóc đều từng sử dụng Internet và trẻ em thường vào mạng ở nhà, nên tại Việt Nam, nhóm người chăm sóc có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn trẻ em sử dụng Internet. Đối với những người chăm sóc ít sử dụng mạng và kỹ năng số hạn chế, họ có thể cần thêm kiến thức và hỗ trợ để có thể định hướng việc sử dụng Internet của trẻ em. Trường học cũng có thể hỗ trợ người chăm sóc đảm bảo an toàn cho trẻ em trên môi trường mạng bằng cách đưa hướng dẫn sử dụng Internet an toàn và nội dung phòng chống BL&XHTD trẻ em qua mạng vào chương trình giảng dạy. Tuy nhiên, điều kiện tiên quyết để đảm bảo thực hiện hiệu quả việc này là đội ngũ giáo viên được đào tạo đầy đủ.

60. Livingstone, S., Kardefelt Winther, D., & Saeed, M. (2019). Báo cáo so sánh của Global Kids Online. Báo cáo nghiên cứu của Innocenti. Florence: Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti..

## 1.3 NHẬN THỨC VÀ TRẢI NGHIỆM VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG RỦI RO TRÊN MẠNG

### 1.3.2. Xem hình ảnh nhạy cảm trên mạng

#### Nhận thức về rủi ro

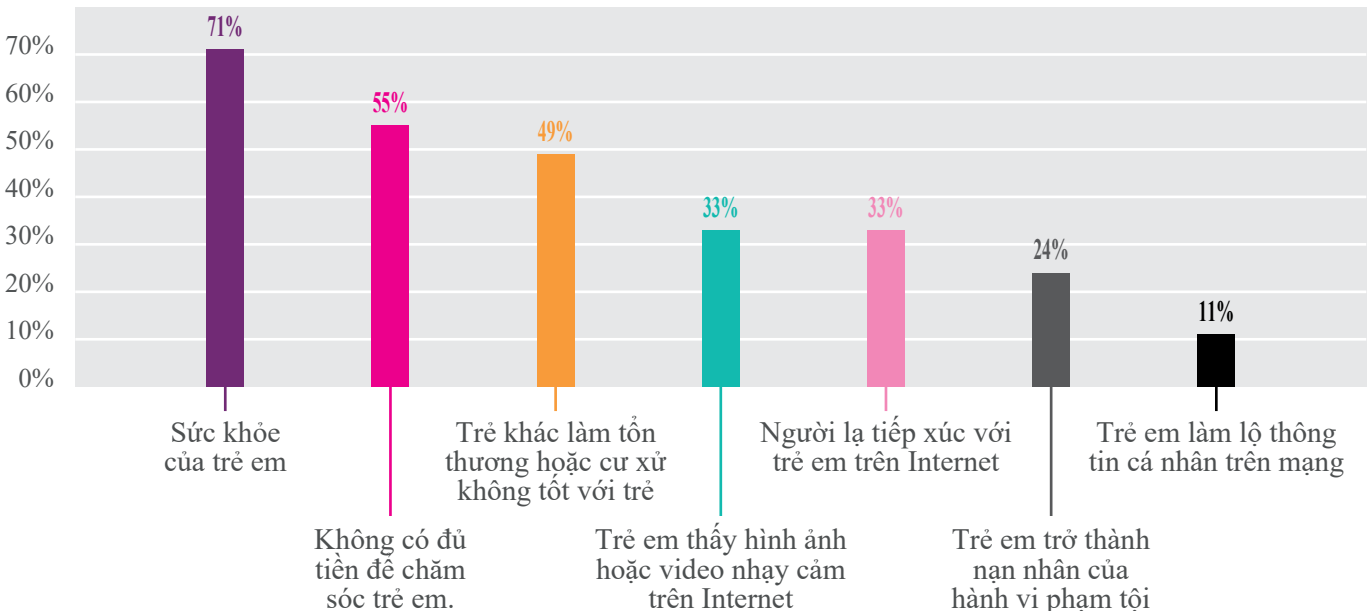
Hơn một nửa (60%) trẻ em tham gia khảo sát cho rằng việc xem hình ảnh hoặc video nhạy cảm trên Internet là “rất rủi ro”. Đối với người chăm sóc, 83% cho rằng sẽ “rất rủi ro” với trẻ em nếu thấy hình ảnh nhạy cảm trên mạng. Ngoài ra, khi được yêu cầu chọn ra ba điều khiến họ lo lắng nhất đối với trẻ em, 31% người chăm sóc tham gia khảo sát đã chọn phương án: trẻ em thấy hình ảnh hoặc video nhạy cảm trên Internet. Đây là mối lo ngại phổ biến thứ tư, sau lo lắng về sức khỏe, tài chính và lo ngại trẻ em bị làm tổn thương, nhưng xếp trước mối lo ngại trẻ em trở thành nạn nhân của hành vi phạm tội (xem Hình 11).

#### Tỷ lệ xem hình ảnh nhạy cảm

Mặc dù cả trẻ em lẫn người lớn coi việc này “rất rủi ro”, và nội dung khiêu dâm là nội dung bất hợp pháp ở Việt Nam, nhưng rất nhiều trẻ em đôi khi vẫn gặp phải những hình ảnh nhạy cảm. Như trình bày trong

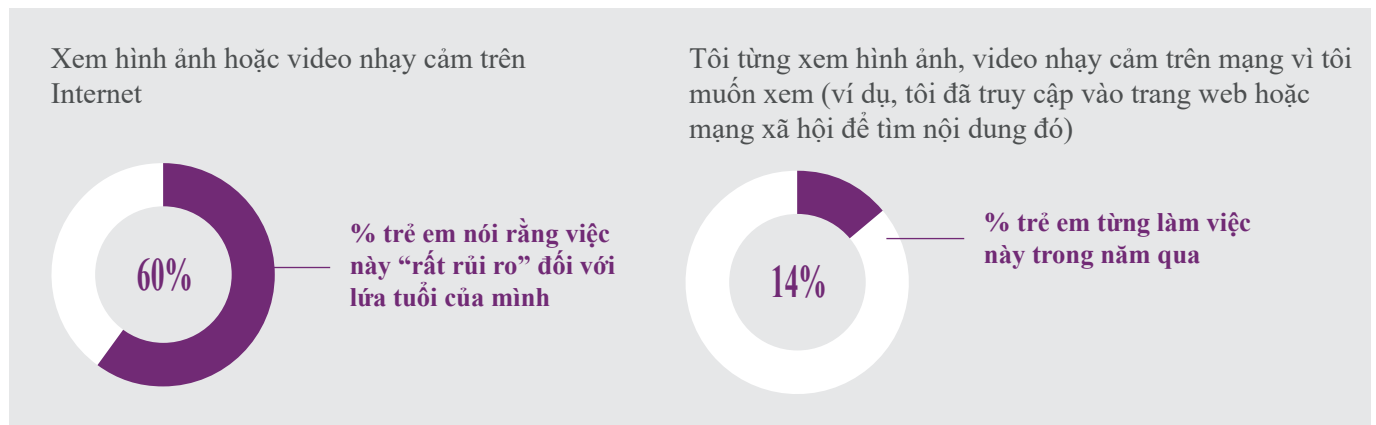
Hình 12, trong số trẻ em có sử dụng Internet tham gia khảo sát, 14% cho biết trong năm qua, các em đôi khi lên mạng xem hình ảnh hoặc video nhạy cảm một cách có chủ đích. Số liệu này có thể không đầy đủ vì đây là một vấn đề cá nhân và nhạy cảm. Việc cố ý xem hình ảnh, video nhạy cảm thường phổ biến ở nhóm trẻ từ 16-17 tuổi (24%) hơn nhóm trẻ nhỏ từ 12-13 tuổi (6%), và xảy ra nhiều hơn ở trẻ em trai (16%) so với trẻ em gái (12%). Ngoài ra, 23% trẻ em cho biết đôi khi các em vô tình thấy hình ảnh hoặc video nhạy cảm trên mạng. Trẻ em thường vô tình bắt gặp hình ảnh, video nhạy cảm ở quảng cáo trên mạng (58%) và mạng xã hội (46%). Việc vô tình bắt gặp hình ảnh, video nhạy cảm thường xảy ra ở nhóm trẻ từ 16-17 tuổi (36%) hơn nhóm trẻ nhỏ từ 12-13 tuổi (12%), và phổ biến ở trẻ em gái (26%) hơn so với trẻ em trai (19%).

Hình 11: Những mối lo ngại hàng đầu của người chăm sóc đối với trẻ em.



## 1.3 NHẬN THỨC VÀ TRẢI NGHIỆM VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG RỦI RO TRÊN MẠNG

Hình 12: Mức độ rủi ro của trẻ em khi xem hình ảnh, video nhạy cảm cho người khác trên Internet



Cơ sở: Trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi sử dụng Internet. n = 994

Việc xem nội dung khiêu dâm trực tuyến không phải là BL&XHTD trẻ em qua mạng. Tuy nhiên việc này có liên quan tới BL&XHTD trẻ em qua mạng. Việc vô tình liếc thấy hoặc có chủ ý xem hình ảnh nhạy cảm chỉ là một mặt của vấn đề; còn vấn đề khác là bị tiếp xúc với hình ảnh khiêu dâm trong quá trình dụ dỗ trên mạng nhằm mục đích khiến trẻ em quen với nó hoặc tạo thuận lợi cho những yêu cầu về hình ảnh hoặc hành vi tình dục sau đó. Trong khi việc xem nội dung bạo lực hoặc tình dục đồi trụy có thể làm bình thường hóa các chuẩn mực giới và hành vi tình dục có hại, thì dường như việc xem nội dung khiêu dâm đang trở thành trải nghiệm ngày càng phổ biến đối với giới trẻ.<sup>61</sup> Việc giải quyết cả hai vấn đề là điều cần thiết.

“Hơn một nửa (60%) trẻ em và 83% người chăm sóc tham gia khảo sát cho rằng việc xem hình ảnh hoặc video nhạy cảm trên Internet là “rất rủi ro” đối với trẻ em. 23% trẻ em đôi khi vô tình thấy hình ảnh hoặc video nhạy cảm trên mạng.

”

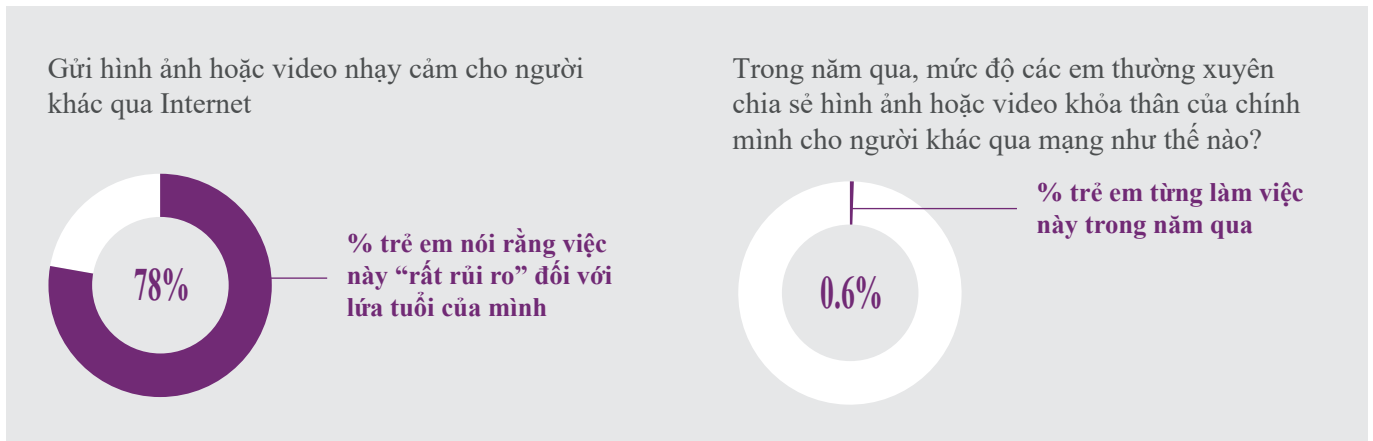
### 1.3.3 Tự làm và chia sẻ nội dung khiêu dâm

Theo điều tra hộ gia đình, 58% trẻ em sử dụng Internet và 61% người chăm sóc cho rằng việc một người tự chụp hình hoặc quay video khỏa thân của chính mình là sai trái. Trên thực tế, 0,5% (n = 5) trong số 994 trẻ em trong khảo sát cho biết đã từng chụp hoặc quay video khỏa thân của chính mình trong năm qua. Số liệu thực tế có thể cao hơn, vì một số trẻ em có thể không nhắc đến hành vi này do cảm thấy không thoải mái khi trao đổi về vấn đề đó, hoặc vì nội dung khiêu dâm là bất hợp pháp. Không trẻ em nào nói rằng đã để cho người khác chụp hình hoặc quay video khỏa thân của mình trong năm qua, tuy nhiên, có 0,8% (n=8) không muốn nói về vấn đề này.

61. Xem ví dụ: Crabbe, M. & Flood, M. (2021). Giáo dục dựa trên trường học để giải quyết tác động của nội dung khiêu dâm đối với thanh thiếu niên: Khung thực hành đề xuất. Tạp chí Giáo dục giới tính Hoa Kỳ 16(1).

### 1.3 NHẬN THỨC VÀ TRẢI NGHIỆM VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG RỦI RO TRÊN MẠNG

Hình 13: Đánh giá của trẻ em về rủi ro khi gửi nội dung nhạy cảm trên mạng và tỷ lệ trẻ em đã từng làm việc này trong năm qua



Cơ sở: Trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi sử dụng Internet. n = 994

Cả trẻ em và người chăm sóc tham gia khảo sát đều đồng tình rằng việc chia sẻ hình ảnh nhạy cảm trên mạng rất nguy hiểm. Trong nhóm trẻ em, 78% cho rằng việc này “rất rủi ro” (Hình 13). Chỉ có 5% cảm thấy việc này không hề nguy hiểm. Trên thực tế, chỉ có 0,6% (n = 6) trong số 994 trẻ em nói rằng mình đã từng chia sẻ hình hoặc video khỏa thân của bản thân trên mạng trong năm qua. Đáng chú ý là có 1,5% (n=15) trẻ em không muốn trả lời vấn đề này.

Trong số 6 trẻ em tham gia điều tra hộ gia đình đã từng chia sẻ hình ảnh hay video nhạy cảm của mình cho người khác, lý do chính mà các em đưa ra là mình đang vui vẻ, tán tỉnh, đang yêu và/hoặc tin tưởng người đó. 2 trong số 6 trẻ em đó chia sẻ hình ảnh với người không có mối liên hệ với cuộc sống thực của các em. 4 em còn lại chia sẻ hình ảnh với bạn bè hoặc người quen biết ngoài đời, 1 em chia sẻ hình ảnh của mình với người yêu.

Tỷ lệ trẻ em Việt Nam trong điều tra hộ gia đình từng chia sẻ hình ảnh nhạy cảm của bản thân trên mạng thấp hơn kết quả của các quốc gia khác trong nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*. Tuy nhiên, vì không xin được giấy phép cho một số hoạt động nghiên cứu khác có khả năng cung cấp bối cảnh cho các phát hiện trên, nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* không thể giải thích nguyên nhân của điều này.

“ Trong số 6 trẻ em tham gia điều tra hộ gia đình đã từng chia sẻ hình ảnh hay video nhạy cảm của mình cho người khác, lý do chính mà các em đưa ra là mình đang vui vẻ, tán tỉnh, đang yêu và/hoặc tin tưởng người đó. ”

### 1.3 NHẬN THỨC VÀ TRẢI NGHIỆM VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG RỦI RO TRÊN MẠNG

#### Sự gia tăng trên toàn cầu về nội dung tình dục tự sản xuất liên quan đến trẻ em.

Trên khắp thế giới, việc sử dụng công nghệ ngày càng phổ biến đang dẫn tới những thay đổi trong quan niệm về quyền riêng tư và tình dục ở trẻ em, đặc biệt là trẻ vị thành niên.<sup>62</sup> Những loại hình vi phạm đang trở thành chuẩn mực đối với giới trẻ có thể gây bất ngờ cho người lớn, những người vốn sinh ra và lớn lên ở giai đoạn khác. Ví dụ, các em thường xuyên trò chuyện và livestream video, có thể là ở trong nhóm nhỏ với bạn bè hoặc nhóm lớn, công khai, với khán giả ẩn danh. Tuy phần lớn những hoạt động này là vô hại, nhưng việc sử dụng những công cụ đó để tạo ra và chia sẻ nội dung tình dục liên quan đến bản thân đang ngày càng gia tăng và gây ra những mối nguy lớn.<sup>63</sup>

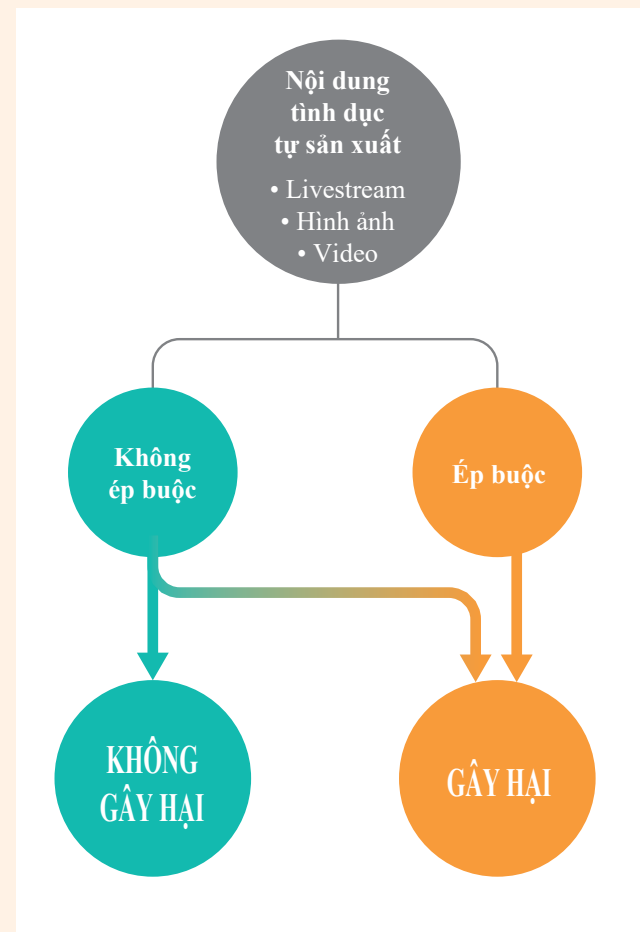
Việc trẻ em chia sẻ nội dung khiêu dâm tự làm khá phức tạp và bao hàm nhiều trải nghiệm, rủi ro và tổn hại khác nhau. Dữ liệu nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* của các quốc gia khác và Việt Nam cho thấy một số nội dung đó được chia sẻ với người khác vì các em đang vui vẻ, tán tỉnh nhau, hoặc đang yêu nhau. Những trao đổi như vậy đang dần trở thành một phần trong trải nghiệm tình dục của giới trẻ. Tuy nhiên, trẻ em có thể bị ép buộc cung cấp nội dung khiêu dâm tự làm, ví dụ như qua đe dọa hoặc áp lực từ bạn bè.

Việc ép buộc rõ ràng có thể coi là hành vi phạm tội dẫn đến tổn hại trực tiếp, song trẻ em có thể gặp hệ quả xấu khi chia sẻ bất kỳ nội dung nhạy cảm nào, kể cả trong trường hợp không bị ép buộc. Ban đầu, những nội dung được chia sẻ tự nguyện có thể không gây tổn hại, nhưng sẽ có rủi ro nếu sau đó nội dung này được chia sẻ ngoài tầm kiểm soát của người tạo ra nó. Một khi tồn tại, những nội dung đó cũng có thể được lấy thông qua thủ đoạn lừa dối

hoặc cưỡng ép, và liên tục bị kẻ phạm tội lan truyền (xem Hình 14).<sup>64,65</sup>

Việc pháp luật Việt Nam nghiêm cấm nội dung khiêu dâm<sup>66</sup> có thể khiến vấn đề này thêm phức tạp. Bởi vì quy định nghiêm cấm này, những nạn nhân bị ép buộc chia sẻ nội dung có thể sẽ sợ và không trình báo vụ việc, vì họ sợ có thể bị coi là phạm tội do đã sản xuất nội dung đó.

Hình 14: Sơ đồ về hậu quả của việc chia sẻ nội dung tình dục tự làm liên quan đến thanh thiếu niên



62. Livingstone, S. & Mason, J. (2015). *Quyền và rủi ro tình dục đối với giới trẻ trên không gian mạng: Đánh giá kiến thức hiện tại của trẻ em và thanh thiếu niên về sự phát triển tình dục trong mối quan hệ với môi trường truyền thông mới*. London: Liên minh các tổ chức phi chính phủ châu Âu về đảm bảo an toàn trên mạng cho trẻ em.

63. Tập đoàn Chiến lược Thorn & Benson. (2020). *Văn hóa phẩm xâm hại tình dục trẻ em tự sản xuất: Thái độ và trải nghiệm*. Hoa Kỳ: Thorn.

64. Bracket Foundation. (2019). *Trí tuệ nhân tạo: Phòng chống xâm hại tình dục trẻ em trên mạng*. 10.

65. EUROPOL. (2019, ngày 09/10). *Đánh giá năm 2019 về nguy cơ phạm tội có tổ chức trên Internet*. Hà Lan: EUROPOL

66. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). *Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13* (sửa đổi trong *Luật sửa đổi số 12/2017/QH14* năm 2017), Điều 326(1).

# 2. VẤN ĐỀ BÓC LỘT VÀ XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM QUA MẠNG TẠI VIỆT NAM

Tiếp nối từ sự nhận thức và tham gia của trẻ em vào các hoạt động rủi ro trên mạng, chương này sẽ nói về mối đe dọa của nạn bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng tại Việt Nam. Nghiên cứu Ngăn chặn hành vi gây tổn hại dựa trên nhiều nguồn dữ liệu - bao gồm dữ liệu ngành thực thi pháp luật và báo cáo bắt buộc liên quan đến Việt Nam từ các công ty công nghệ tại Hoa Kỳ, cho đến Trung tâm Quốc gia Hoa Kỳ về trẻ em mất tích và bị bóc lột (NCMEC) - để trình bày đầy đủ về bản chất của những tội ác này đối với trẻ em.

## 2. VẤN ĐỀ BÓC LỘT VÀ XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM QUA MẠNG TẠI VIỆT NAM

Chương này đề cập tới những ước tính đối với một số trường hợp BL&XHTD trẻ em qua mạng dựa trên dữ liệu từ các đơn vị thực thi pháp luật và trải nghiệm do trẻ em tự trình báo. Vì một số lý do, những ước tính này không nhằm mục đích cung cấp bức tranh cuối cùng về tình trạng BL&XHTD trẻ em qua mạng. Thứ nhất, dữ liệu hành chính hiện có được truy cập, chẳng hạn như dữ liệu do các cơ quan thực thi pháp luật lưu giữ, hiếm khi chỉ ra hoặc phân loại các yếu tố BL&XHTD trẻ em qua mạng. Thứ hai, đối với điều tra hộ gia đình, dự kiến thông tin báo cáo sẽ không đầy đủ do quan ngại về quyền riêng tư và e ngại bàn luận về hoạt động tình dục cũng như sự việc bị BL&XHTD. Điều này có vẻ đang đặc biệt phổ biến ở Việt Nam, khi mà số liệu về các vụ việc BL&XHTD trẻ em qua mạng được trình báo thấp hơn đáng kể so với các quốc gia khác trong khu vực. Hơn nữa, trong các hộ gia đình có tình trạng xâm hại tình dục, có khả năng nghiên cứu viên không được phép nói chuyện với trẻ em nhằm phục vụ cuộc điều tra. Cuối cùng, nhiều ước tính dựa trên phân tích các mẫu con của dữ liệu điều tra, mà các mẫu đó khá nhỏ vì tình trạng BL&XHTD trẻ em qua mạng vẫn ít khi được trình báo, dẫn đến sai số lớn trong ước lượng.

Mặc dù nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* hoàn toàn tin tưởng vào dữ liệu và chất lượng mẫu thu được, nhưng việc nghiên cứu các hiện tượng cụ thể và nhạy cảm vẫn gặp phải những thách thức, đồng nghĩa rằng ước tính cuối cùng sẽ phần nào bị mất đi độ chính xác. Vì lý do đó, độc giả nên coi những phát hiện nêu trong chương này như một ước tính xấp xỉ về tình trạng một số hành vi phạm tội đối với trẻ em liên quan đến BL&XHTD qua mạng ở Việt Nam và mức độ trẻ em sử dụng Internet ở Việt Nam bị BL&XHTD qua mạng.



Số liệu thống kê chính thức về tội phạm không nêu cụ thể về các tội liên quan đến BL&XHTD trẻ em qua mạng,





# 2.1 DỮ LIỆU NGÀNH THỰC THI PHÁP LUẬT

Phân tích dưới đây dựa trên dữ liệu định tính và định lượng thu thập từ các cơ quan thực thi pháp luật trong nước và nước ngoài, nhằm mục đích tìm hiểu rõ các hành vi phạm tội ở trong nước, đặc điểm và hành vi của kẻ phạm tội và nạn nhân, cũng như các yếu tố thúc đẩy phạm tội và tính dễ bị tổn thương. Dữ liệu định lượng dựa theo những số liệu được báo cáo, và không cung cấp bức tranh toàn diện về tình hình BL&XHTD trẻ em qua mạng.

## 2.1.1 Các hành vi BL&XHTD trẻ em được trình báo

Số liệu thống kê phạm tội không đề cập cụ thể đến các chỉ số liên quan đến BL&XHTD trẻ em qua mạng. Thay vào đó, dữ liệu được thu thập đối với các hình thức phạm tội BL&XHTD trẻ em nói chung (xem Hình 15), nhưng không xác định được tỷ lệ hành vi phạm tội được thực hiện bằng phương thức hoặc sự hỗ trợ của công nghệ số.

Dữ liệu chia sẻ với INTERPOL là số liệu tích lũy trong giai đoạn 2017-2019, vì vậy không thể nghiên cứu xu hướng theo thời gian. Tương tự như vậy, dữ liệu cấp quốc gia không đủ để xác định tỷ lệ BL&XHTD trẻ em ở các địa điểm khác nhau.

Hình 15: Số lượng các vụ BL&XHTD trẻ em được ghi nhận bởi các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam, giai đoạn 2017-2019

Hành vi phạm tội	2017-2019
Hiếp dâm trẻ em	1,400
Cưỡng dâm trẻ em	20
Giao cấu với trẻ em	2,100
Dâm ô trẻ em	800
<b>Tổng cộng</b>	<b>4,320</b>

Cơ sở: Dữ liệu cung cấp bởi Văn phòng Trung ương Quốc gia của INTERPOL tại Hà Nội.

Con số tổng cộng tương ứng với đánh giá về xâm hại trẻ em thực hiện theo chỉ định của Quốc hội Việt Nam.<sup>67</sup> Theo báo cáo của nhóm giám sát, có 8.442 vụ xâm hại trẻ em xảy ra từ 01/01/2015 đến 30/06/2019, trong đó có 6.432 trẻ em bị xâm hại tình dục.<sup>68</sup>

## 2.1.2. Đặc điểm và xu hướng của hành vi phạm tội liên quan đến BL&XHTD trẻ em qua mạng

Các cơ quan thực thi pháp luật cấp quốc gia cung cấp những thông tin sau về cách thức hoạt động của kẻ phạm tội BL&XHTD trẻ em qua mạng:

- Nơi vắng vẻ hoặc căn hộ riêng thường là nơi được sử dụng để xâm hại trẻ em.
- Kẻ vi phạm lợi dụng sự dễ tổn thương về cảm xúc của nạn nhân để dụ dỗ các em nhằm đạt được mục đích tình dục.
- Đối tượng khó khăn về kinh tế sẽ đặc biệt được nhắm mục tiêu.
- Kẻ vi phạm dùng vật chất và biện pháp cưỡng ép để lôi kéo trẻ em nhằm đạt được mục đích xâm hại tình dục. Dụ dỗ là một thủ đoạn được sử dụng để bình thường hóa hành vi xâm hại và bóc lột. Trong nhiều trường hợp dụ dỗ, hành vi xâm hại được đền bù bằng vật chất và/hoặc tiền mặt.
- Kẻ phạm tội lợi dụng mối quan hệ thân thiết với nạn nhân.
- Nạn nhân thiếu thông tin, nhận thức và kiến thức về BL&XHTD trẻ em qua mạng, điều này càng làm gia tăng tính dễ bị tổn thương của họ.
- Các nền tảng mạng xã hội được sử dụng rộng rãi để xác định, tiếp cận, hình thành mối quan hệ và xây dựng lòng tin với đối tượng có khả năng là nạn nhân.

67. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2019). Nghị quyết số 81/2019/QH14.

68. Công an Nhân dân Online. (2020, ngày 27/05). [Số trẻ em bị xâm hại tăng đột biến, 1 ngày cả nước có 7 trẻ em bị xâm hại.](#)

## 2.1 DỮ LIỆU NGÀNH THỰC THI PHÁP LUẬT

Hình 16: Số lượng CyberTip về các trường hợp nghi ngờ trẻ em bị bóc lột tình dục tại Việt Nam

	2017	2018	2019	2020	% thay đổi từ 2017-2018	% thay đổi từ 2018-2019	% thay đổi từ 2017-2019	% thay đổi từ 2019-2020	% thay đổi từ 2017-2020
Việt Nam	272,286	710,037	379,555	843,963	29%	-1%	27%	137%	202%
Tổng toàn thế giới	10,214,753	18,462,424	16,987,361	21,751,085	81%	-8%	66%	28%	113%
% của Việt Nam so với tổng toàn thế giới	2.67%	3.85%	2.23%	3.88%					

Cơ sở: Dữ liệu CyberTip do NCMEC cung cấp.

### 2.1.3 Dữ liệu CyberTip của NCMEC

Pháp luật liên bang Hoa Kỳ quy định các đơn vị cung cấp dịch vụ điện tử có trụ sở tại Hoa Kỳ (v.d: công ty công nghệ) phải báo cáo các trường hợp nghi ngờ trẻ em bị bóc lột qua nền tảng của mình tới CyberTip của Trung tâm Quốc gia về trẻ em mất tích và bóc lột (NCMEC). NCMEC sẽ xác minh các báo cáo này và chuyển thông tin CyberTip cho đơn vị thực thi pháp luật của quốc gia liên quan để hành động ứng phó. Tuy nhiên, đối với đơn vị dịch vụ không ở Hoa Kỳ, việc báo cáo là không bắt buộc. Vì không phải nền tảng nào cũng báo cáo trường hợp nghi ngờ trẻ em bị bóc lột cho NCMEC, nên dữ liệu dưới đây không bao hàm một số nền tảng phổ biến ở một số quốc gia trong nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*.

#### Xu hướng dữ liệu CyberTip ở Việt Nam

Hình 16 cho thấy dữ liệu CyberTip về các trường hợp nghi ngờ trẻ em bị xâm hại tình dục tại Việt Nam có xu hướng tăng. Điều này cho thấy tỷ lệ trẻ em bị BL&XHTD qua mạng có khả năng tăng cao, đặc biệt là các vụ liên quan đến văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE.

Số lượng CyberTip cho Việt Nam tăng 27% trong giai đoạn 2017-2019. Mức tăng so với cùng kỳ năm 2018 là 161%, tiếp đó giảm 27% vào năm 2019. Trong khi số lượng CyberTip toàn cầu năm 2019 có sự suy giảm,<sup>69</sup> mức giảm ở Việt Nam ít rõ rệt hơn. Hơn nữa, dữ liệu năm 2020 - có được đưa vào bảng số liệu mặc dù không nằm trong giai đoạn nghiên cứu - cho thấy có sự tăng mạnh trong số lượng CyberTip cho Việt Nam, cao hơn nhiều so với sự gia tăng trong các báo cáo toàn cầu.

Báo cáo đề cập đến Việt Nam chiếm 2,09% tổng số CyberTip trên toàn thế giới năm 2019, và 3,88% năm 2020. Tỷ lệ này liên tục cao hơn số liệu của các quốc gia khác trong nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*. Con số này cũng cao hơn dự kiến, vì Việt Nam chỉ chiếm 1,25% dân số thế giới và 1,67% dân số sử dụng Internet trên toàn cầu (xem phần [Việt Nam - Tình hình nhân khẩu học và sử dụng Internet](#)).

#### Dữ liệu CyberTip phân theo hình thức vụ việc

Phân tích thông tin CyberTip của Việt Nam cho thấy hành vi tàng trữ, sản xuất và phát tán văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE (trong pháp luật Hoa Kỳ gọi là “khiêu dâm trẻ em”) chiếm hầu hết trong các trình báo của Việt Nam trong giai đoạn báo cáo (xem Hình 17).

69. Sự sụt giảm trong số lượng CyberTip năm 2019 nên được đặt trong bối cảnh quy trình thay đổi, dẫn đến số lượng trình báo ít hơn nhưng lại tăng số lượng hồ sơ trung bình trong mỗi báo cáo. Như một phần trong quá trình tinh gọn cơ chế trình báo vụ việc, NCMEC đã phối hợp chặt chẽ với các đối tác trong ngành để đảm bảo họ cung cấp báo cáo đầy đủ hơn. Do đó, nhiều công ty bắt đầu đưa nhiều hồ sơ vào trong một báo cáo, thay vì nộp các báo cáo riêng cho từng hình ảnh và nhiều báo cáo trên mỗi trường hợp nghi ngờ.

## 2.1 DỮ LIỆU NGÀNH THỰC THI PHÁP LUẬT

Hình 17: CyberTip về các trường hợp nghi ngờ trẻ em bị bóc lột tình dục tại Việt Nam, phân loại theo hình thức vụ việc

Hình thức vụ việc	2017	2018	2019
Văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE, bao gồm hành vi tàng trữ, sản xuất và phát tán (phân loại của NCMEC: khiêu dâm trẻ em) <sup>70,71</sup>	272,265	710,029	379,541
Phạm tội tình dục trẻ em trong quá trình du lịch (phân loại của NCMEC: du lịch tình dục trẻ em) <sup>72</sup>	1	1	2
Buôn bán tình dục trẻ em		1	1
Dâm ô trẻ em		2	2
Dụ dỗ trẻ em qua mạng vì mục đích tình dục	20	3	9
Gửi nội dung khiêu dâm cho trẻ em mà không được yêu cầu		1	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>272,286</b>	<b>710,037</b>	<b>379,55</b>

Cơ sở: Dữ liệu CyberTip do NCMEC cung cấp.

### Dữ liệu CyberTip của NCMEC phân theo đơn vị cung cấp dịch vụ điện tử

Hầu hết tất cả trình báo CyberTip về Việt Nam trong giai đoạn 2017-2019 đều đến từ các đơn vị cung cấp dịch vụ điện tử. Tổng cộng có 50 đơn vị cung cấp dịch vụ điện tử gửi ít nhất một báo cáo nghi ngờ trẻ em bị bóc lột tình dục ở Việt Nam trong giai đoạn này. Điều này cho thấy người dân nói chung và những nghi phạm BL&XHTD trẻ em qua mạng sử dụng các nền tảng đa dạng. Hình 18 trình bày số liệu về 20 nền tảng đã gửi số lượng báo cáo nhiều nhất trong năm 2019.

Facebook liên tục chiếm phần lớn trong số lượng CyberTip về Việt Nam, với tỷ lệ gần 98% trong tổng số năm 2019. Mặc dù có số lượng báo cáo nhỏ hơn nhiều, song có thể nhận thấy trình báo từ các nền tảng Google, Imgur, Instagram, Twitter, Flickr và Pinterest có xu hướng tăng rõ rệt.

### Lệnh đình chỉ tài khoản từ Twitter

Trong nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*, Twitter đã thực hiện phân tích đối với gần 3 triệu URL được chia sẻ bởi các tài khoản bị tạm ngừng hoạt động vì vi phạm chính sách của nền tảng về BL&XHTD trẻ em. Phân tích cho thấy các hoạt động liên quan đến BL&XHTD trẻ em qua mạng thường rơi vào một trong hai loại, đó là: chia sẻ đường link đến các máy chủ bên thứ ba mà văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE được lưu trữ, và người dùng kết nối với các bên khác sản xuất nội dung XHTDTE. Đường link tới máy chủ bên thứ ba được chia nhỏ trong các trình rút ngắn URL như bit.ly, ifttt, dlvr.it, goo.gl và ow.ly, cũng như các đường link mạng xã hội nói chung (Instagram, YouTube, Reddit, Facebook, v.v.). Tất cả các tài khoản này chiếm 50% các đường link liên quan đến văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE được chia sẻ trên Twitter. Twitter đã xác nhận từ năm 2017-2019, tài khoản của người dùng tại Việt Nam đã bị đình chỉ vì nghi ngờ có các hoạt động liên quan đến văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE.

70. Thuật ngữ mà NCMEC sử dụng là “khiêu dâm trẻ em” để nhất quán với pháp luật Hoa Kỳ. Nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* ủng hộ việc dùng thuật ngữ “văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE” để thống nhất với [Hướng dẫn Luxembourg](#).

71. CyberTip trong nhóm này có thể tham chiếu tới nhiều hơn một hồ sơ về vụ việc liên quan tới văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE. Ví dụ, một số đơn vị dịch vụ điện tử gửi báo cáo cho phép đưa nhiều hồ sơ trên mỗi báo cáo, thay vì một hình ảnh/báo cáo và nhiều báo cáo/trường hợp nghi ngờ.

72. Thuật ngữ mà NCMEC sử dụng là “du lịch tình dục trẻ em” để nhất quán với pháp luật Hoa Kỳ. Nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* ủng hộ việc dùng thuật ngữ “phạm tội tình dục trẻ em trong quá trình du lịch” để thống nhất với [Hướng dẫn Luxembourg](#).

## 2.1 DỮ LIỆU NGÀNH THỰC THI PHÁP LUẬT

Hình 18: CyberTip về các trường hợp nghi ngờ trẻ em bị bóc lột tình dục tại Việt Nam, phân theo 20 đơn vị dịch vụ điện tử cung cấp nhiều báo cáo nhất

Đơn vị dịch vụ điện tử gửi báo cáo	2017	2018	2019	2019 (% tổng số)
Facebook	268,175	702,976	370,401	97.59
Google	2,800	5,512	7,060	1.86
Imgur LLC	27	17	764	0.20
Instagram Inc	137	737	599	0.16
Twitter Inc/ Vine.co	92	42	176	
SnugMug Flickr		167	121	
Pinterest Inc	51	103	110	
Discord Inc			80	
Tumblr	58	114	63	
Microsoft Online Operations	75	96	51	
Adobe systems Incorporated	1	2	19	
Snapchat		2	13	
Tinder Inc		1	11	
Roblox	4	1	9	
Tagged.com	3	2	9	
Reddit Inc	1	1	7	
sendvid	10	4	6	
Yahoo Inc	197	49	6	
Dropbox Inc	11	6	5	
Multimedia LLC/Zmedianow LLC/Chaturbate	2	7	5	

Cơ sở: Dữ liệu CyberTip do NCMEC cung cấp, sắp xếp theo số lượng năm 2019, đã loại bỏ các kết quả vô giá trị.<sup>73</sup>

Điều đáng chú ý trong dữ liệu về Việt Nam là số lượng các đơn vị cung cấp dịch vụ lưu trữ hình ảnh và chia sẻ video (bao gồm cả trò chuyện video ngẫu nhiên) đã cung cấp báo cáo. Sự xuất hiện của tội phạm BL&XHTD trẻ em qua mạng tại Việt Nam với mức độ tinh vi về trình độ kỹ thuật và sự quan tâm đặc thù có thể bắt nguồn từ sự xuất hiện trong dữ liệu của “máy chủ lưu trữ tệp miễn phí có đạo đức” Motherless.com, bảng tin ẩn danh dựa trên hình ảnh 4chan, công ty nghiên cứu bằng chứng pháp y số Hacker Factor, dark web và công ty giám sát mạng ngang hàng Tiversa.

Sự xuất hiện của thông tin này trong dữ liệu của các nền tảng như Discord và Twitch, thường được sử dụng để hỗ trợ trò chuyện và stream khi chơi điện tử, có thể cho thấy rằng Việt Nam dùng các công cụ và ứng dụng yêu cầu băng thông lớn hơn. Báo cáo từ skout.com, Tagged.com, Tinder và Match đều chỉ ra việc người lớn lạm dụng các nền tảng hẹn hò trong các trường hợp nghi ngờ lan truyền văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE. Báo cáo từ Chaturbate, một nền tảng chuyên livestream các hoạt động tình dục người lớn, thường được trả bằng token, cho thấy sự gia tăng trong khả năng xảy ra BL&XHTD trẻ em qua mạng có yếu tố thương mại.

73. Báo cáo từ YouTube năm 2019 có vẻ thiếu số liệu của tất cả 14 quốc gia trong nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu không rõ điều này thể hiện không có trường hợp nghi ngờ trẻ em bị BL&XHTD qua mạng trong năm đó, hay dữ liệu của YouTube đã được bao hàm trong tổng số liệu năm 2019 của công ty mẹ Google.

Hình 19: CyberTip về các trường hợp nghi ngờ trẻ em bị bóc lột tình dục tại Việt Nam - số lượng địa chỉ IP tải lên riêng biệt theo năm

	2017	2018	2019	% THAY ĐỔI TỪ 2017-2019	% THAY ĐỔI TỪ 2018-2019
Địa chỉ IP tải lên riêng biệt tại Việt Nam	182,409	286,082	287,760	58%	1%
Tổng báo cáo của Việt Nam	272,286	710,037	379,555	39%	-47%
Báo cáo trên mỗi địa chỉ IP riêng biệt	1.49	2.48	1.32	-12%	-47%

Cơ sở: Dữ liệu CyberTip do NCMEC cung cấp.

**Dữ liệu CyberTip phân theo địa chỉ IP**

Dữ liệu CyberTip cho phép phân tích số lượng địa chỉ giao thức Internet (IP) riêng biệt được sử dụng trong hoạt động nghi ngờ có bóc lột trẻ em tại Việt Nam (xem Hình 19):

Mỗi địa chỉ IP được gán cho từng thiết bị cá nhân trong một mạng cụ thể tại một thời điểm cụ thể.<sup>74</sup> Việc có nhiều báo cáo trên mỗi địa chỉ IP có thể cho thấy nghi phạm (hoặc ít nhất là thiết bị của nghi phạm) đang thực hiện nhiều hành vi vi phạm liên quan đến phát tán văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE trong cùng một phiên online, bản thân việc này cũng có thể là dấu hiệu của hành vi vi phạm có chủ đích chứ không phải do thiếu kiến thức. Tương tự, Việt Nam thường có số lượng báo cáo trung bình trên mỗi địa chỉ IP thấp, điều này cho thấy xu hướng vi phạm liên quan đến văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE với khối lượng thấp trong một phiên online cá nhân trên các nền tảng phổ biến toàn cầu.

**2.1.4 Các dữ liệu khác về nguy cơ BL&XHTD trẻ em qua mạng**

**Phát tán trên mạng ngang hàng (P2P)**

Dữ liệu về phát tán văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE trên mạng chia sẻ tệp ngang hàng cho thấy một bức tranh hoàn toàn khác. Dữ liệu do Hệ thống Bảo vệ trẻ em của Liên minh Cứu hộ trẻ em thu thập được cho thấy có 925 địa chỉ IP Việt Nam được xác định có liên quan đến việc phát tán hoặc tải xuống nội dung này. Do hệ thống không giám sát tất cả các mạng chia sẻ tệp, nên số liệu này không nên coi là đại

diện cho tổng số vi phạm liên quan đến văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE trên các nền tảng đó. Bằng cách so sánh, Hình 20 cung cấp số liệu về Việt Nam và các quốc gia Đông Nam Á khác trong nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*.

Hình 20: Hoạt động phát tán và tải xuống văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE của các quốc gia Đông Nam Á trong nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*, quan sát trên mạng chia sẻ tệp ngang hàng của Liên minh Cứu hộ trẻ em

	Địa chỉ IP	Mã nhận dạng duy nhất toàn cầu (GUID) <sup>75</sup>
Campuchia	1,319	95
Indonesia	1,124	202
Malaysia	2,754	558
Philippines	1,971	1,446
Thái Lan	3,049	609
<b>Việt Nam</b>	<b>925</b>	<b>141</b>

Cơ sở: Dữ liệu do Liên minh Cứu hộ trẻ em cung cấp trong giai đoạn từ 09/06/2019 đến 08/06/2020

Ở một số khía cạnh, việc phát tán nội dung trên mạng ngang hàng không phải là một hoạt động “cấp độ đầu vào” so với phát tán trên nền tảng mạng xã hội chính thống. Mặc dù các mạng này không được bảo mật như dịch vụ darknet, nhưng người dùng phải tải xuống phần mềm chuyên dụng và chủ động tải lên, tìm kiếm nội dung XHTDTE, thường là theo tên tệp được chia sẻ trong mạng của kẻ vi phạm. Tuy có ít thiết bị bị phát hiện chia sẻ nội dung XHTDTE trên

74. Lưu ý rằng một địa chỉ IP có thể được tính trong nhiều hơn một năm, và một báo cáo có thể chứa nhiều địa chỉ IP riêng biệt. Các biện pháp kỹ thuật của đơn vị cung cấp dịch vụ Internet, như phân bổ động địa chỉ IP và chia sẻ IP phiên bản 4 trên nhiều thiết bị, cũng có thể tác động đến số lượng địa chỉ IP riêng biệt được ghi nhận.

75. Mã nhận dạng duy nhất trên toàn cầu (GUID) là một số 128 bit được tạo bởi hệ điều hành Windows hoặc một ứng dụng Windows khác để xác định duy nhất các cấu phần cụ thể, phần cứng, phần mềm, tệp, tài khoản người dùng, nhập cơ sở dữ liệu và các hạng mục khác.

các mạng ngang hàng được giám sát ở Việt Nam hơn so với các quốc gia Đông Nam Á khác trong nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*, nhưng việc phát hiện nhiều địa chỉ IP trên mỗi lần cài đặt phần mềm chia sẻ tệp, được thể hiện bằng số lượng mã nhận dạng duy nhất toàn cầu trong bảng số liệu trên, cho thấy rằng kẻ phạm tội ở Việt Nam thường tham gia nhiều phiên phát tán nội dung XHTDTE trong thời gian nghiên cứu. Quan sát này chỉ ra rằng một số cá nhân ở Việt Nam liên tục có hành vi phạm tội liên quan đến văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE.

### Báo cáo từ các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài

Trong quá trình INTERPOL thực hiện các hoạt động nghiên cứu của dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*, một cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài báo cáo bên họ đã chuyển gửi tổng cộng 129 trường hợp BL&XHTD trẻ em qua mạng tới chính quyền Việt Nam trong giai đoạn 2017-2019.<sup>76</sup> Các cơ quan thực thi pháp luật thường thực hiện chuyển gửi khi cuộc điều tra đang tiến hành phát hiện thấy có liên quan đến kẻ vi phạm hay nạn nhân ở một quốc gia thứ hai, hoặc khi đơn vị cung cấp dịch vụ trong nước báo cáo tới chính quyền thực thi pháp luật quốc gia rằng có dấu hiệu BL&XHTD trẻ em qua mạng ở một quốc gia khác. Vì dữ liệu về việc chuyển gửi các vụ BL&XHTD trẻ em qua mạng từ các cơ quan thực thi pháp luật bên ngoài Việt Nam không được thu thập một cách có hệ thống, nên có khả năng có thêm các vụ chuyển gửi từ quốc tế trong giai đoạn báo cáo.

### Tìm kiếm nội dung XHTDTE trên web

Nghiên cứu được thực hiện trên Google Trends<sup>77</sup> nhằm mục đích xác định mức độ quan tâm tới nội dung XHTDTE theo các công cụ tìm kiếm mở trên web. Trong trường hợp đầu tiên, một mẫu gồm 20 thuật ngữ do nhóm Chống phạm tội đối với trẻ em của INTERPOL lựa chọn làm từ khóa và cụm từ đại diện cho sự quan tâm tới nội dung XHTDTE. Truy vấn được thực hiện cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến

31/12/2019 đối với các tìm kiếm ở Việt Nam trả về kết quả “không đủ dữ liệu” cho 16/20 từ khóa. Đối với các từ khóa còn lại, không thể xác định người dùng Google có đang tìm kiếm riêng nội dung XHTDTE hay không.

Kết quả trả về “không đủ dữ liệu” tương đương với điểm phổ biến tương đối bằng 0, cho thấy mức độ quan tâm tương đối thấp với cụm từ đó (không phải không có kết quả tìm kiếm nào) trong phạm vi địa lý và thời gian đã chọn.<sup>78</sup> Khi so sánh với kết quả tìm kiếm toàn cầu đối với cụm từ đó, hoặc kết quả tìm kiếm ở các quốc gia khác trong cùng khung thời gian, điều này cho thấy cụm từ tìm kiếm dành riêng cho nội dung XHTDTE có thể được sử dụng ít hơn ở Việt Nam so với một số quốc gia khác. Mặc dù có lập luận cho rằng những người tìm kiếm nội dung XHTDTE tinh vi hơn rất ít khi tìm kiếm trên các web mở, nhưng mức độ phổ biến của một số cụm từ trong mẫu ở các quốc gia khác do INTERPOL chọn lọc cho thấy rằng, các trang web mở vẫn được sử dụng để tìm kiếm nội dung XHTDTE.

Các tìm kiếm ít chuyên biệt, tương đương “cấp độ đầu vào” về nội dung XHTDTE khá phổ biến ở các quốc gia trong giai đoạn báo cáo, bao gồm tìm kiếm bằng tiếng Anh về nội dung hình ảnh, video mô tả hoạt động tình dục với và giữa trẻ vị thành niên, với trẻ em và trẻ sơ sinh. Có một sự quan tâm đặc biệt với nội dung XHTDTE của Nhật Bản, và các cụm từ liên quan đến hình ảnh, video phong cách hoạt hình kiểu anime và hentai khá phổ biến. Căn cứ vào tìm kiếm nội dung liên quan đến XHTDTE ở định dạng cụ thể, ví dụ như “video độ phân giải cao” và “1080p”, và ở trên nền tảng cụ thể như Tumblr, TikTok, trang web kể chuyện Wattpad và dịch vụ livestream Bigo Live của Singapore, có thể thấy một số người tìm kiếm ở Việt Nam có yêu cầu phản ánh sự quan tâm liên tục và chủ động tới nội dung XHTDTE, sự quan tâm này đã vượt qua giới hạn tò mò ban đầu. Các tìm kiếm liên quan về nội dung hình ảnh, video cá nhân theo tên tệp trên deep web (web chìm) cũng cho thấy một

76. INTERPOL yêu cầu dữ liệu và thông tin phân tích định tính từ một số cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài có thông tin tình báo hoặc hoạt động tiếp cận ở các quốc gia trong nghiên cứu. Để đảm bảo phù hợp với quy trình xử lý thông tin tình báo và yêu cầu bảo vệ dữ liệu, một số nguồn ở dưới dạng ẩn danh.

77. Google Trends ([trends.google.com](https://trends.google.com)) là một công cụ có sẵn và công khai, trả kết quả về mức độ phổ biến của cụm từ và chuỗi tìm kiếm so với các yếu tố khác trong thông số đã đặt. Thay vì hiển thị tổng khối lượng tìm kiếm, công cụ tính điểm (trên thang từ 1 đến 100) đối với mức độ phổ biến tương đối dựa trên tỷ lệ tìm kiếm sử dụng cụm từ hoặc chuỗi đã chọn trên tổng số tìm kiếm sử dụng tất cả cụm từ/chuỗi trong phạm vi thông số địa lý và thời gian đã thiết lập. Để biết thêm thông tin về dữ liệu và cách tính điểm, xem: Các câu hỏi thường gặp về dữ liệu Google Trends.

78. Ramadanti, D. (2020). [Những câu chuyện tiết lộ qua Google Trends nhờ sử dụng Pytrends trong Python](#).

## 2.1 DỮ LIỆU NGÀNH THỰC THI PHÁP LUẬT

---

số kẻ vi phạm ở Việt Nam đã tham gia vào một số hành vi phạm tội và mạng lưới XHTDTE tinh vi hơn.

Căn cứ theo phân tích của Google Trends, các từ khóa liên quan đến XHTDTE xuất hiện nhiều nhất trong các tìm kiếm ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng, trong đó các từ tiếng Nhật với hàm ý tình dục cũng được sử dụng trong cụm từ tìm kiếm. Tuy nhiên, kết quả này có thể tương quan với kết nối Internet tốc độ cao và tỷ lệ sử dụng Internet cao ở các thành phố này. Không nên sử dụng dữ kiện này để suy ra mối liên hệ trực tiếp với sự quan tâm tới văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE ở những khu vực này.

### **Người phạm tội tình dục em trong quá trình du lịch**

Thông qua Trung tâm Angel Watch, Cơ quan Tình báo An ninh Quốc gia của Hoa Kỳ theo dõi những kẻ phạm tội tình dục đã bị kết án và chuyển gửi trường hợp tới quốc gia khác khi tội phạm có tên trong danh sách đi tới quốc gia đó. Năm 2017, 30 trường hợp được chuyển gửi tới Việt Nam, con số này trong năm 2018 là 53 và năm 2019 là 50 trường hợp. Không ai trong số đó bị từ chối nhập cảnh vào Việt Nam.

Không có hành động nào được tiến hành khi nhận được các thông báo của Trung tâm Angel Watch thuộc Văn phòng Cục Điều tra An ninh Nội địa Hoa Kỳ (HSI). Điều này cho thấy việc thiếu điều phối, phối hợp giữa đơn vị chuyên trách và lực lượng quản lý biên giới.

Trong số liệu về CyberTip trình bày ở phần trên, chỉ có một số ít báo cáo về các trường hợp nghi ngờ có hành vi phạm tội ngoài không gian mạng. Thông qua các báo cáo này, có thể thấy Việt Nam là một điểm đến du lịch được các tội phạm tình dục đặc biệt quan tâm. Trong phân loại nội bộ bổ sung (“Hình thức vụ việc 2”), NCMEC đánh dấu 17 báo cáo trong giai đoạn báo cáo có liên quan đến dụ dỗ trẻ em qua mạng trước khi đi du lịch.

Các nghiên cứu trước đây cho thấy việc củng cố các chính sách và nỗ lực của ngành thực thi pháp luật nhằm chống bóc lột tình dục trẻ em trong quá trình đi lại và du lịch ở Thái Lan và Philippines đã khiến kẻ bóc lột có ý định chuyển hướng sang Việt Nam.<sup>79</sup>

---

79. Scelles, F., & Charpenel, Y. (2016). [Mai dâm – bóc lột, ngược đãi, đàn áp](#) (Báo cáo toàn cầu tái bản lần thứ 4). ECONOMICA.

## 2.2 TRẢI NGHIỆM CỦA TRẺ EM VIỆT NAM VỀ BÓC LỘT VÀ XÂM HẠI TÌNH DỤC QUA MẠNG

Trong dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại, BL&XHTD trẻ em qua mạng* được định nghĩa cụ thể là bao gồm hoạt động liên quan đến văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE, phát trực tiếp hành vi XHTDTE và dụ dỗ trẻ em qua mạng nhằm đạt được mục đích tình dục. Các khái niệm này được sử dụng ở đây để tổ chức và trình bày các số liệu liên quan trong điều tra hộ gia đình tại Việt Nam về các trường hợp BL&XHTD trẻ em qua mạng có khả năng xảy ra và đã xảy ra. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng những trải nghiệm hay hành vi phạm tội này không hoàn toàn tách biệt mà có thể xảy ra cùng với nhau hoặc theo trình tự. Hơn nữa, hành vi BL&XHTD trực tiếp và qua mạng cũng có thể kết hợp với nhau, với sự hỗ trợ của công nghệ số để ghi lại hành vi xâm hại trực tiếp.

Số liệu được trình bày trong chương này thấp so với các quốc gia trong khu vực tham gia nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*.<sup>80</sup> Điều này có thể do tình trạng trình báo không đầy đủ vì những chuẩn mực xã hội cổ hủ không khuyến khích bàn luận về tình dục, tạo sự không thoải mái khi chủ đề này được nêu lên, cũng như mối quan ngại về việc hình sự hóa tất cả các hình thức khiêu dâm trong nước. Tuy nhiên, rất khó để xác định nguyên nhân của tình trạng trình báo không đầy đủ, vì dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* không thể tiến hành 5 trong tổng số 9 hoạt động nghiên cứu như dự định, và một số hoạt động trong 5 hoạt động này có thể giúp dự án phân tích sâu hơn các phát hiện và cung cấp một bức tranh toàn diện hơn về vấn đề này tại Việt Nam.

Cuộc điều tra hộ gia đình trong Dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* đối với người dùng Internet 12–17 tuổi đã xem xét các biểu hiện khác nhau của BL&XHTD trẻ em qua mạng, phần dưới sẽ trình bày riêng về từng biểu hiện. Khi tổng hợp lại, dữ liệu cho thấy chỉ trong một năm qua, 1% trẻ em từ 12–17 tuổi có sử dụng Internet ở Việt Nam là nạn nhân của các vụ bóc lột và xâm hại tình dục trực tuyến nghiêm trọng. Số liệu thống kê được tổng hợp từ bốn hình thức, gồm cả: trẻ bị hăm dọa (blackmail) để tham gia vào các hoạt động tình dục, người khác chia sẻ hình ảnh nhạy cảm của trẻ khi chưa được trẻ cho phép, hoặc ép trẻ tham gia vào các hoạt động tình dục với việc hứa cho trẻ tiền hoặc quà, trong vòng 1 năm trước thời điểm thu thập dữ liệu. Theo ước tính của Dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*, khi nhân với tổng số trẻ em sử dụng Internet trong độ tuổi này ở Việt Nam, thì con số ước tính lên đến khoảng 94.000

trẻ bị đã từng bị tổn hại theo ít nhất một hình thức trong số này chỉ trong một năm.<sup>81</sup> Cần lưu ý rằng cuộc khảo sát này chỉ bao gồm những người sử dụng Internet và những người trẻ sống ở nhà/trong gia đình, có nghĩa là số liệu này không gồm các nhóm trẻ dễ bị tổn thương hơn - như trẻ di cư hoặc trẻ em đường phố.

### 2.2.1 Dụ dỗ qua mạng

Nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* định nghĩa dụ dỗ qua mạng là tương tác với trẻ em qua thiết bị công nghệ với ý định xâm hại tình dục hoặc bóc lột trẻ em. Hành vi này có thể hoàn toàn xảy ra qua mạng hoặc có sự kết hợp giữa phương thức trực tuyến và trực tiếp.

Dụ dỗ qua mạng là một quy trình phức tạp, thường rất liên mạch và khó phát hiện, đặc biệt là khi liên quan đến việc xây dựng lòng tin từ từ giữa kẻ phạm tội và trẻ em trong một khoảng thời gian dài. Trẻ em thường được “chuẩn bị” cho hành vi xâm hại tình dục, bị bắt thực hiện các hành vi tình dục qua mạng hoặc trực tiếp thông qua thủ đoạn lừa gạt, ép buộc hay đe dọa.

Mặt khác, quá trình này có thể diễn ra đột ngột, tức là kẻ phạm tội bất ngờ yêu cầu hoặc ép trẻ em chia sẻ nội dung nhạy cảm hoặc thực hiện hành vi tình dục. Để tìm hiểu nhiều hình thức dụ dỗ, các câu hỏi trong điều tra hộ gia đình gồm các cuộc trò chuyện về tình dục, các yêu cầu gửi hình ảnh khỏa thân, yêu cầu gặp trực tiếp với ý định thực hiện hành vi tình dục.

Vào thời điểm viết báo cáo, pháp luật Việt Nam chưa hình sự hóa cụ thể hành vi dụ dỗ qua mạng với ý định bóc lột tình dục trẻ em qua mạng (ví dụ, thông qua sản xuất văn hóa phẩm về XHTDTE) hoặc trực tiếp thực hiện hành vi.

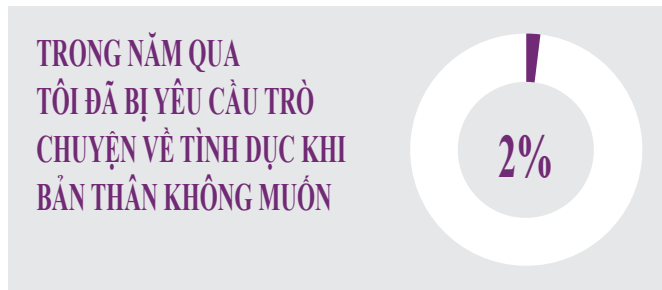
80. Campuchia, Indonesia, Philippines và Thái Lan.

81. Một trong số đã được tạo ra để ước lượng số trẻ độ tuổi 12–17 ở Việt Nam bị ảnh hưởng bởi BL&XHTD trẻ em qua mạng, dựa trên Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (Việt Nam), cụ thể bằng cách nhân với tổng dân số theo độ tuổi. Lưu ý rằng đây là ước tính sơ bộ, chỉ nên được diễn giải là ước tính xấp xỉ tối ưu.



## 2.2 TRẢI NGHIỆM CỦA TRẺ EM VIỆT NAM VỀ BÓC LỘT VÀ XÂM HẠI TÌNH DỤC QUA MẠNG

### Nguy cơ bị dụ dỗ - trẻ em bị yêu cầu trò chuyện về tình dục



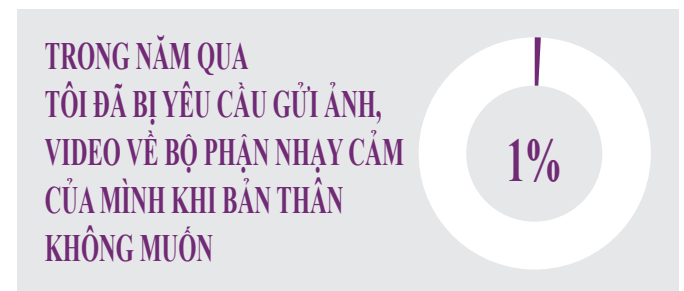
Cơ sở: Trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi sử dụng Internet n = 994.

Trong điều tra hộ gia đình đối với trẻ em sử dụng Internet tại Việt Nam, trẻ em được hỏi trong năm qua có từng gặp phải một số hành vi có thể là dấu hiệu của dụ dỗ hay không. Với những trẻ em từng gặp phải hành vi như vậy, các em được hỏi tiếp các câu hỏi về lần gần nhất chuyện đó xảy ra với mình: các em cảm thấy thế nào, việc đó xảy ra trên mạng hay ở ngoài đời (hay cả hai), ai đã làm điều đó, và các em có kể chuyện này với ai không. Bởi vì có khá ít trẻ em nói rằng mình từng gặp phải hành vi này, nên nhiều câu hỏi tiếp theo được đặt ra với tập mẫu con khá nhỏ. Trong trường hợp mẫu nhỏ hơn 50, báo cáo sẽ trình bày số tuyệt đối thay vì tỷ lệ phần trăm để tránh hiểu sai về dữ liệu. Nhận thức được rằng việc BL&XHTD trẻ em có thể xảy ra theo nhiều cách thức và địa điểm khác nhau, hầu hết các điểm dữ liệu dưới đây đều cho phép có nhiều câu trả lời và tổng có thể có thể lớn hơn 100%.

Theo điều tra hộ gia đình với 994 trẻ em sử dụng Internet tại Việt Nam, 19 trẻ em (1,9%) trong năm qua từng nhận được yêu cầu không mong muốn liên quan đến trò chuyện về tình dục và hành vi tình dục. Hầu hết các em ở độ tuổi 16-17, và không có sự khác biệt giữa hai giới. 17 trẻ em (1,7%) không muốn trả lời. Trong số 19 trẻ em nhận được yêu cầu không mong muốn liên quan đến trò chuyện về tình dục hoặc hành vi tình dục, một nửa trong số các em nhận được yêu cầu đó lần mới đây nhất khi gặp trực tiếp, và một nửa nhận được yêu cầu đó qua mạng xã hội - Facebook (gồm cả Messenger). Trong số 8 trẻ em trong nhóm mẫu nhận được yêu cầu không mong muốn về trò chuyện về tình dục qua mạng, có 5 em nói rằng việc đó không ảnh hưởng gì tới các em, trong khi 3 em còn lại cảm thấy khó chịu.

**Kẻ phạm tội và tình hình tiết lộ vụ việc:** Trong số những yêu cầu trò chuyện về tình dục qua mạng, số lượng yêu cầu mà các em nhận được từ người lạ và từ bạn bè, người quen (bao gồm cả người yêu) là gần bằng nhau.

### Nguy cơ bị dụ dỗ - trẻ em bị yêu cầu chia sẻ hình ảnh, video khóa thân



Cơ sở: Trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi sử dụng Internet n = 994.

Trong số 994 trẻ em Việt Nam sử dụng Internet tham gia cuộc khảo sát, 5 em (0,5%) trong năm qua từng nhận được yêu cầu gửi ảnh hoặc video về bộ phận nhạy cảm của mình khi các em không muốn. Tất cả là trẻ em gái từ 12-13 tuổi và đều từ chối yêu cầu. 15 trẻ em (1,5%) không muốn trả lời. Trong số 5 trẻ em nhận được yêu cầu gửi ảnh, video về bộ phận nhạy cảm của mình, có 2 em nhận được yêu cầu qua mạng xã hội – nhiều nhất là qua Facebook. Một em cho biết đã trực tiếp bị yêu cầu như vậy, các em còn lại không muốn nói việc đó xảy ra như thế nào. Trong khi 1 trong 5 em gái nói rằng yêu cầu đó không làm ảnh hưởng đến mình, các em còn lại cho biết mình cảm thấy xấu hổ, khó chịu hoặc tức giận.

**Kẻ phạm tội và việc tiết lộ:** 5 em nhận được yêu cầu không mong muốn về việc chia sẻ hình ảnh nhạy cảm từ các nguồn khác nhau, bao gồm cả từ người mà trẻ không quen biết, từ bạn là người trưởng thành (người lớn) và từ bạn cũng là trẻ em (đồng trang lứa với trẻ). 2 trong số 5 trẻ đã kể lại chuyện này với người chăm sóc là nữ hoặc chị, em của mình. Một em không kể chuyện này với ai vì không muốn người liên quan gặp rắc rối.

### **Đề nghị cho tiền hoặc quà để đổi lấy hình ảnh, video nhạy cảm của trẻ em**

Chỉ có 2 (0,2%) trong số 994 trẻ em tham gia điều tra hộ gia đình tại Việt Nam cho biết trong năm qua, các em đã nhận được đề nghị cho tiền hoặc quà để đổi lấy hình ảnh, video nhạy cảm của mình. 7 trẻ em (0,7%) không muốn trả lời. Trong số trẻ em được đề nghị như vậy, có 2 trẻ em gái ở độ tuổi 12-13. Một em bị đề nghị trực tiếp, còn em kia nhận được đề nghị qua mạng. Một em đã kể lại chuyện này với người chăm sóc; em còn lại không muốn nói mình đã chia sẻ chuyện này với ai. Trong 2 trẻ nhận được đề nghị cho tiền hoặc quà để đổi lấy hình ảnh, video nhạy cảm, có một trường hợp người đề nghị là một người bạn đã trưởng thành của trẻ (người lớn); và trường hợp còn lại thì trẻ không muốn nói ai đã đưa ra đề nghị.

### **Đề nghị cho tiền hoặc quà để thực hiện hành vi tình dục với trẻ em**

Chỉ có 3 (0,3%) trong số 994 trẻ em trong khảo sát - mỗi nhóm tuổi có một trẻ em gái - nói rằng trong năm qua, các em đã từng nhận được đề nghị cho tiền hoặc quà để gặp trực tiếp một người và thực hiện hành vi tình dục với người đó. 5 trẻ em (0,5%) không muốn trả lời. 2 yêu cầu được đưa ra trên mạng qua Facebook và trong khi chơi trò chơi trực tuyến. Người yêu cầu là một người bạn đã trưởng thành của trẻ (người lớn), hoặc người mà trẻ không quen biết. Trong 2 trẻ, có một trẻ đã kể lại việc này với người chăm sóc, trẻ còn lại không muốn nói mình đã kể việc này với ai.

### **Tổng tình (đe dọa hoặc hăm dọa (blackmail) để ép trẻ tham gia hoạt động tình dục)**

Đôi khi, thủ đoạn tổng tình được sử dụng trong quá trình dụ dỗ. Đôi khi, kẻ phạm tội có thể dùng hình ảnh nhạy cảm của trẻ em có được trước đó để đe dọa các em chia sẻ thêm hình ảnh hoặc thực hiện các hành vi tình dục khác. Ở Việt Nam, hành vi đe dọa hoặc hăm dọa để ép tham gia hoạt động tình dục thực hiện qua mạng không được pháp luật hình sự hóa cụ thể. Chỉ có 3 (0,3%) trong số 994 trẻ em sử dụng Internet tham gia khảo sát cho biết trong năm qua, các em đã bị đe dọa hoặc hăm dọa để thực hiện hành vi tình dục ít nhất một lần. 8 trẻ em (0,8%) không muốn trả lời. Trong số 3 trẻ bị đe dọa, hăm dọa như trên, không trẻ nào trả lời câu hỏi rằng vụ việc xảy ra trực tiếp hay trên mạng. 1 em nói rằng mình không biết người đe dọa là ai, 2 em còn lại không muốn nói. 1 em cho biết mình đã kể với người chăm sóc hoặc thông báo cho tổng đài trợ giúp; 2 em còn lại không muốn nói mình đã kể sự việc với ai.

### **2.2.2 Văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE và phát trực tiếp hành vi XHTDTE**

Như đã đề cập trong phần [Tổng quan về pháp luật và chính sách](#) ở đầu báo cáo, Bộ luật Hình sự Việt Nam chưa hình sự hóa rõ ràng tội danh liên quan đến văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE, mặc dù các điều khoản về hoạt động, nội dung khiêu dâm nói chung có thể được áp dụng để truy tố tội danh liên quan đến văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE. Dù Bộ luật Hình sự không hình sự hóa một cách rõ ràng và phù hợp đối với việc phát trực tiếp (livestream) hành vi XHTDTE ở mọi lứa tuổi, nhưng Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao đã chỉ ra rằng điều khoản quy định tội danh đối với hành vi lôi kéo, dụ dỗ hoặc ép buộc trẻ em dưới 16 tuổi tham gia trình diễn khiêu dâm hoặc xem trình diễn khiêu dâm<sup>82</sup> cũng gồm cả các buổi trình diễn phát trực tiếp trên mạng.<sup>83</sup>

82. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13](#) (sửa đổi trong [Luật sửa đổi số 12/2017/QH14](#) năm 2017), Điều 147.

83. Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao. (2019). Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các Điều 141, 142, 143, 144, 145, 146 và 147 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi. Điều 3.

## 2.2 TRẢI NGHIỆM CỦA TRẺ EM VIỆT NAM VỀ BÓC LỘ VÀ XÂM HẠI TÌNH DỤC QUA MẠNG

### Báo cáo nội dung XHTDTE

Như đã thấy trong Hình 21, Việt Nam được xác định là quốc gia lưu trữ hình ảnh video bất hợp pháp, căn cứ theo đánh giá của các thành viên Hiệp hội Quốc tế về Đường dây nóng Internet (INHOPE) đóng góp vào nền tảng ICCAM.<sup>84</sup>

Hình 21: Văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE lưu trữ ở Việt Nam, xác định bởi các đường dây nóng thành viên của INHOPE bằng cách sử dụng ICCAM.

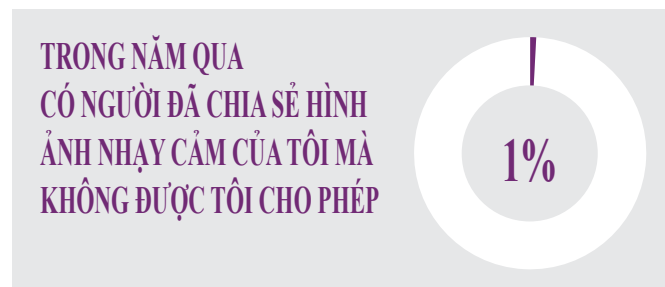
Nhóm tuổi nạn nhân	2017	2018	2019
Nội dung bất hợp pháp (xác nhận có nội dung XHTDTE)	11	5	10
Tỷ lệ trên tổng toàn thế giới	0.01%	0.00%	0.00%

Cơ sở: Dữ liệu do INHOPE cung cấp.

Tuy nhiên, dữ liệu liên quan tới dự án ICCAM bị giới hạn bởi những thông tin gửi từ đường dây nóng thành viên của INHOPE, trong khi Tổ chức Giám sát Internet hoạt động chủ yếu như đường dây nóng báo cáo văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE ở Anh Quốc. Do đó, các số liệu không đại diện cho tổng số văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE lưu trữ trong nước.

Tổ chức Giám sát Internet đã phản hồi 7 báo cáo liên quan đến nội dung XHTDTE được xác nhận ở Việt Nam năm 2017, và 3 báo cáo vào năm 2019.

### Trẻ em bị chia sẻ hình ảnh nhạy cảm mà không có sự đồng ý



Cơ sở: Trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi sử dụng Internet n = 994.

Trong điều tra hộ gia đình, có 5 (0,5%) trong số trẻ em Việt Nam sử dụng Internet từ 12-17 tuổi cho biết có người đã chia sẻ hình ảnh nhạy cảm của các em khi chưa có sự cho phép. Những hình ảnh đó, đặc biệt là hình ảnh chia sẻ trên mạng, có thể bị phát tán rộng rãi và xem nhiều lần trên khắp thế giới, khiến các em liên tục có cảm giác xấu hổ và sợ bị nhận ra. Nếu những hình ảnh, video này ghi lại hành vi XHTD nghiêm trọng, tổn thương liên quan đến trải nghiệm đó có thể bị tái hiện lại nhiều lần do nội dung bị chia sẻ. 15 trẻ em (1,5%) không muốn trả lời câu hỏi này.

**Kể phạm tội và tình hình tiết lộ vụ việc:** Trong số 5 trẻ em có ảnh nhạy cảm bị chia sẻ mà không có sự cho phép, 3 em nói rằng không biết người chia sẻ. 2 em không muốn nói người vi phạm là ai. Hành vi chia sẻ hình ảnh nhạy cảm khi chưa có sự cho phép xảy ra trên mạng, qua nền tảng mạng xã hội - đặc biệt là Facebook và Instagram. 3 trong số 5 trẻ không kể những gì đã xảy ra với bất cứ ai. Các em giải thích là vì lo lắng bản thân sẽ gặp rắc rối nếu kể chuyện này với người khác, hoặc lo ngại việc này sẽ gây rắc rối cho bản thân hoặc gia đình. 1 em đã tiết lộ, đã kể lại chuyện này với một người bạn; em còn lại không muốn nói mình đã chia sẻ chuyện này với ai.

Kết quả điều tra hộ gia đình cho thấy nhận thức khác nhau giữa trẻ em và người chăm sóc về việc chia sẻ hình ảnh nhạy cảm của người khác mà không có sự cho phép. Có 63% trẻ em và 22% người chăm sóc đồng tình rằng việc chia sẻ hình ảnh hay video khóa thân của người khác là bất hợp pháp. Tuy nhiên, 58% trẻ em và 57% người chăm sóc cho rằng lỗi nằm ở nạn nhân nếu bản thân họ là người tự chụp hoặc ghi lại hình ảnh, video khóa thân của chính mình.

84. Để biết thêm thông tin về dự án ICCAM, xem: Hiệp hội Quốc tế về Đường dây nóng Internet: [ICCAM là gì và tầm quan trọng của ICCAM?](#).

## 2.2 TRẢI NGHIỆM CỦA TRẺ EM VIỆT NAM VỀ BÓC LỘT VÀ XÂM HẠI TÌNH DỤC QUA MẠNG

### **Đưa hình ảnh, video nhạy cảm để đổi lấy tiền hoặc quà**

Như đã tìm hiểu trong bối cảnh bị dụ dỗ, đôi khi trẻ em được đề nghị cho tiền hoặc quà để đổi lấy hình ảnh, video nhạy cảm của bản thân. Trọng tâm ở đây là việc trẻ em cho hình ảnh, video nhạy cảm của mình để được nhận tiền hoặc quà, bất kể quá trình bắt đầu như thế nào.

Bóc lột tình dục không phải là một vấn nạn mới ở Việt Nam,<sup>85</sup> song việc sử dụng công nghệ số - của cả trẻ em lẫn thanh thiếu niên - để tự ghi lại và gửi hình ảnh, video của bản thân nhằm đổi lấy tiền hay các hình thức vật chất khác là một xu hướng mới nổi trên toàn cầu. Hành động này có thể gia tăng rủi ro hình ảnh, video bị chia sẻ mà không có sự cho phép: Theo một nghiên cứu của Tổ chức Giám sát Internet (IWF) và Microsoft, 90% hình ảnh, video do “giới trẻ tạo ra” được “khai thác” từ nơi tải lên ban đầu và phát tán lại trên các trang web bên thứ ba.<sup>86</sup>

Khi trẻ em tạo ra nội dung nhạy cảm này để đổi lấy một thứ, hành vi đó cấu thành bóc lột tình dục trẻ em, bất kể trẻ em có bị ép buộc hay không. Tất cả các nội dung khiêu dâm, bao gồm cả nội dung khiêu dâm người lớn, đều bất hợp pháp ở Việt Nam, nên bóc lột trẻ em theo cách này sẽ đồng thời bị cáo buộc phạm tội hình sự.

Do tính nhạy cảm của chủ đề, nên điều tra hộ gia đình chỉ hỏi trẻ em từ 15-17 tuổi rằng các em có từng cho video, hình ảnh nhạy cảm của mình để được nhận tiền hoặc quà hay chưa. Kết quả điều tra cho thấy 9 (1,8%) trong số 510 trẻ em sử dụng Internet ở nhóm tuổi này trong năm qua đã từng cho hình ảnh, video nhạy cảm của mình để đổi lấy tiền hoặc quà. Những trẻ em này nằm trong độ tuổi 14-15 và đều là trẻ em trai. 4 trẻ em (0,8%) không muốn trả lời. Vẫn còn nhiều khoảng trống liên quan đến hình thức BL&XHTD trẻ em qua mạng này. Nội dung quan trọng cần nghiên cứu thêm là tìm hiểu các yếu tố phức tạp xoay quanh động lực của trẻ em khi thực hiện hành vi này, nhận thức của các em về rủi ro liên quan, và cách các em lần đầu biết đến hoạt động này.

85. ECPAT International. (2018). Báo cáo tổng quan về Việt Nam của ECPAT, 7.

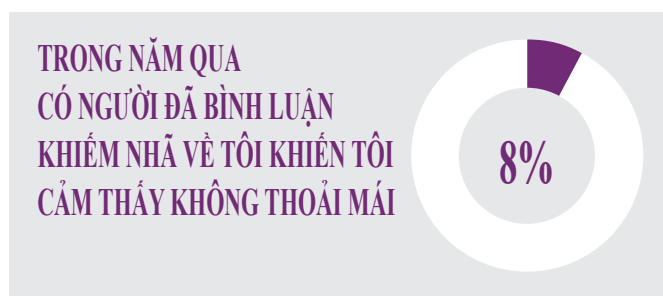
86. Tổ chức Giám sát Internet & Microsoft. (2015). Báo cáo số 1 về các xu hướng mới nổi: Nội dung đòi truy được tạo ra trên mạng.

## 2.3 CÁC TRẢI NGHIỆM KHÁC CỦA TRẺ EM CÓ THỂ LIÊN QUAN ĐẾN BL&XHTD QUA MẠNG

Bên cạnh các ví dụ về BL&XHTD trẻ em qua mạng vừa trình bày, trẻ em có thể gặp phải những trải nghiệm độc hại trên mạng, như bị quấy rối tình dục hoặc tiếp xúc ngoài ý muốn với nội dung khiêu dâm. Hơn nữa, những trải nghiệm này có thể gây ra một số ảnh hưởng, chẳng hạn như góp phần làm trẻ em quen dần với loại nội dung này, từ đó dễ tham gia vào các cuộc trò chuyện hoặc hành vi liên quan đến tình dục trong quá trình bị dụ dỗ.

Trong điều tra hộ gia đình ở Việt Nam, trẻ em cho biết các em gặp phải những sự việc như vậy nhiều hơn các hình thức BL&XHTD qua mạng trình bày trong [Chương 2.2](#), điều này cũng tương đồng với các quốc gia khác tham gia Dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*.

### 2.3.1 Quấy rối tình dục



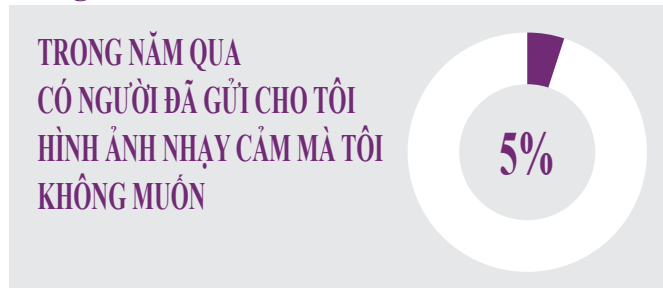
Cơ sở: Trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi sử dụng Internet n = 994.

Trong điều tra hộ gia đình, 8% trẻ em Việt Nam sử dụng Internet (82 em) cho biết đã từng nhận được bình luận khiếm nhã về bản thân khiến các em không thoải mái - như lời nói đùa, câu chuyện hoặc bình luận về cơ thể, ngoại hình của trẻ em hoặc hoạt động tình dục. Không có sự khác biệt rõ ràng theo giới và độ tuổi của trẻ. Quấy rối tình dục thường xảy ra trực tiếp (45%) hơn là trên mạng (29%). Đối với những bình luận trên mạng, phần lớn là bình luận trên mạng xã hội, đặc biệt là Facebook (kể cả Messenger), còn TikTok đứng thứ 2 với khoảng cách khá xa.

**Kẻ phạm tội và tình trạng tiết lộ vụ việc:** Đối với 82 trẻ em từng gặp phải hình thức quấy rối tình dục này trong năm qua, khi được hỏi ai là người bình luận như vậy, hầu hết đều nói đó là người các em đã quen biết, như bạn bè đồng trang lứa (39%), hoặc bạn bè là người trưởng thành (16%). Cứ 4 trẻ em thì có một em nói rằng người bình luận khiếm nhã là người lạ. Trong khi nhiều trẻ trong số 82 trẻ từng gặp hình thức quấy rối tình dục này đã kể việc đó với người khác, một tỷ lệ lớn các em (43%) không kể với bất kỳ ai - chủ yếu là vì các em nghĩ sẽ không làm được gì. Những trẻ đã kể vụ việc với người khác thường có xu hướng kể với người mà trẻ đã biết, thay vì sử dụng cơ chế trình báo chính thức như nhân viên xã hội hoặc tổng đài trợ giúp. Chủ yếu đa phần trẻ kể với bạn bè các em. Cần lưu ý rằng pháp luật Việt Nam chưa hình sự hóa hành vi quấy rối tình dục.

“ Khi hỏi những trẻ từng bị quấy rối tình dục trong năm qua xem ai là người đã quấy rối, hầu hết đều nói đó là người các em đã quen biết, như bạn bè đồng trang lứa, hoặc bạn bè là người trưởng thành. ”

### 2.3.2 Nhận được hình ảnh nhạy cảm không mong muốn



Cơ sở: Trẻ em Việt Nam từ 12-17 tuổi sử dụng Internet n = 994.

Trong số 994 trẻ em tham gia điều tra hộ gia đình, có 52 em (5%) từng nhận được hình ảnh nhạy cảm không mong muốn trong năm qua. Không có sự khác biệt rõ ràng theo giới và độ tuổi của trẻ. Hầu hết (61%) trẻ nói rằng các em nhận được hình ảnh nhạy cảm không mong muốn trên mạng qua mạng xã hội, một bộ phận ít hơn nói nhận được ở ngoài đời thực (17%). Điều này không có gì đáng ngạc nhiên vì việc gửi hình ảnh thông qua công nghệ số dễ dàng hơn. Một lần nữa, nền tảng thường xảy ra vấn đề này nhất là Facebook, tiếp đó là Zalo.

Trong số 52 trẻ em từng nhận được hình ảnh nhạy cảm không mong muốn, khoảng 40% trẻ cho biết mình không quen biết người gửi, 40% nói rằng có quen người gửi; ví dụ: bạn bè là người trưởng thành hoặc thành viên gia đình. Một phần năm (1/5) trẻ không muốn nói ai đã gửi những hình ảnh đó. Trong số 52 trẻ, khoảng một nửa không kể với ai về lần gần nhất các em nhận được hình ảnh nhạy cảm không mong muốn. Trong số những em có kể về lần gần nhất nhận hình ảnh không mong muốn đó với người khác, thì trẻ có xu hướng kể với bạn bè hoặc người chăm sóc – thay vì sử dụng cơ chế trình báo chính thức như nhân viên xã hội hoặc tổng đài trợ giúp.

# 3. ỨNG PHÓ VỚI VẤN ĐỀ BÓC LỘT VÀ XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM QUA MẠNG TẠI VIỆT NAM

Chương này trình bày những số liệu hạn chế mà dự án Ngăn chặn hành vi gây tổn hại có thể thu thập được về cơ chế ứng phó hiện hành của Việt Nam. Dữ liệu được lấy từ điều tra hộ gia đình với trẻ em và từ thông tin đầu vào bằng văn bản do công an cung cấp cho INTERPOL.

## 3.1 CƠ CHẾ TRÌNH BÁO CHÍNH THỨC

**Nhóm nghiên cứu dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* không thể thu thập đầy đủ số liệu như ở các quốc gia khác trong dự án, và không thể tiến hành phỏng vấn với trẻ em và người chăm sóc được tiếp cận công lý, hay phỏng vấn với chuyên gia ngành tư pháp. Do đó, việc xác minh và phân tích thông tin trình bày trong phần này khá hạn chế.**

Nói chung, thông qua so sánh dữ liệu hiện có của ngành thực thi pháp luật (xem [Chương 2.1](#)) với dữ liệu từ điều tra hộ gia đình với trẻ em, có thể thấy tỷ lệ các vụ BL&XHTD trẻ em qua mạng được điều tra ở Việt Nam khá thấp, ngoài ra, người lớn và trẻ em thường không trình báo vụ việc.

### 3.1.1. Tiết lộ vụ việc từ trẻ em

Theo số liệu điều tra hộ gia đình của dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*, một bộ phận trẻ em Việt Nam đã bị BL&XHTD qua mạng. Song như đã đề cập trong [Chương 2.2](#) và [2.3](#), trẻ em từng hoặc có thể từng bị BL&XHTD qua mạng thường không kể với ai về chuyện đã xảy ra, hoặc chỉ kể với bạn bè. Cụ thể, với trẻ em từng nhận được yêu cầu không mong muốn về trò chuyện hoặc gửi hình ảnh liên quan đến tình dục, bị quấy rối tình dục, hoặc có hình ảnh nhạy cảm bị chia sẻ khi chưa có sự đồng ý, hầu hết các em không chia sẻ chuyện này với ai.

Lý do phổ biến nhất khiến các em ngại chia sẻ là:

1. Cảm thấy sự việc không đủ nghiêm trọng hoặc sẽ không giải quyết được việc gì,
2. Lo lắng sẽ gặp rắc rối,
3. Không biết tìm tới đâu hay nói với ai.

Hầu như không có trẻ nào sử dụng cơ chế trình báo chính thức để trao đổi với công an hay qua đường dây nóng (hotline)/tổng đài hỗ trợ (helpline), và phần lớn không kể lại sự việc với người chăm sóc.

### 3.1.2 Chia sẻ vụ việc từ người chăm sóc và những người khác

Trả lời của người chăm sóc trong điều tra hộ gia đình cũng cho thấy có sự e ngại việc trình báo BL&XHTD trẻ em qua mạng một cách chính thức. Một phần ba (33%) người chăm sóc nói rằng họ sẽ báo công an nếu con cái mình bị BL&XHTD qua mạng, 13% nói rằng sẽ gọi tổng đài trợ giúp, và 11% nói sẽ báo với một cán bộ phúc lợi xã hội. Đa số (69%) cho biết họ sẽ nói chuyện này với vợ, chồng mình và 28% sẽ nói với giáo viên của con ở trường. Chỉ có 6% nói rằng sẽ giữ kín chuyện này.

Những người khác cho biết họ sẽ không trình báo vụ việc do lo ngại các hệ quả tiêu cực, sợ không được đối xử đúng mực, e ngại hậu quả và/hoặc cho rằng việc trình báo sẽ không có tác dụng.

Trên văn bản, có hai luật quy định yêu cầu pháp lý là phải trình báo vụ việc BL&XHTD trẻ em qua mạng cho công an, mặc dù trong luật không đề cập cụ thể tới BL&XHTD trẻ em qua mạng. Luật Trẻ em quy định nghĩa vụ của các cá nhân, gia đình, cơ quan và tổ chức là báo cáo vụ việc xâm hại tình dục trẻ em.<sup>87</sup> Luật An ninh mạng quy định các cá nhân, cơ quan và tổ chức có trách nhiệm ngay lập tức báo cáo với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp có sự đe dọa về an ninh mạng và sự xâm nhập/vi phạm an ninh mạng.<sup>88</sup>

87. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2016). [Luật Trẻ em số 102/2016/QH13](#), Điều 51(1).

88. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2018). [Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14](#), Điều 42(2).



### Sự kỳ thị và trình báo không đầy đủ

Có ý kiến cho rằng tồn tại sự kỳ thị, thiếu hiểu biết và thờ ơ xoay quanh vấn đề trình báo xâm hại tình dục trẻ em tại Việt Nam.<sup>89</sup> Việc trình báo không đầy đủ khiến quá trình tìm hiểu quy mô vấn đề trở nên khó khăn, từ đó cản trở việc kêu gọi các chương trình phòng ngừa và can thiệp một cách đầy đủ.

Tồn tại sự kỳ thị đối với nạn nhân, xuất phát từ việc đề cao tầm quan trọng của trinh tiết người phụ nữ, danh dự gia đình và danh tiếng cộng đồng trong xã hội Việt Nam. Các giá trị tập thể rất bền chặt, trong đó sự gắn kết và danh tiếng gia đình cũng như cộng đồng nắm giữ giá trị quan trọng.<sup>90</sup> Mọi lỗi lầm có nguy cơ bị đổ cho nạn nhân bị hiếp dâm.<sup>91</sup> Trẻ em trai bị xâm hại hoặc bóc lột tình dục có thể cảm thấy sợ hãi và xấu hổ khi kể chuyện này với gia đình mình.<sup>92</sup> Điều này cũng có thể bị ảnh hưởng bởi thực tế là trẻ em trai sợ bị coi là đồng tính nam - đồng tính là việc chưa được chấp nhận rộng rãi ở xã hội Việt Nam, và thường bị coi như một “căn bệnh”.<sup>93</sup>

Khi cung cấp thông tin cho nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*, Ban chống tội phạm buôn bán người của Cục CSHS xác nhận có sự lo lắng, xấu hổ, lo sợ lộ thông tin cá nhân, bị chế giễu và hứng chịu cái nhìn tiêu cực từ dư luận do những yếu tố đề cập ở trên trong văn hóa Việt Nam có thể cản trở phụ nữ và trẻ em trình báo hành vi xâm hại tình dục. Cục An ninh mạng & phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao cũng đồng tình rằng rào cản văn hóa và thành kiến xã hội là những yếu tố dẫn tới sự nhìn nhận không đúng đắn về tội xâm hại trẻ em. Nhiều nạn nhân và gia đình nạn nhân vẫn không dám trình báo hành vi phạm tội do xấu hổ hoặc lo sợ bị xã hội phán xét.

Cán bộ Cục phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao còn bổ sung thêm rằng hành vi xâm hại tình dục sẽ gây ra tổn hại tinh thần và thể chất nghiêm trọng đối với trẻ em, thậm chí có thể dẫn tới tử vong, bao gồm cả trường hợp tự sát. Họ cũng nói thêm rằng hầu hết kẻ phạm tội là người thân hoặc người quen của nạn nhân. Dữ liệu của các quốc gia trong nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* đều xác nhận rằng kẻ vi phạm thường có quen biết với nạn nhân.



Trẻ em từng hoặc có thể từng bị BL&XHTD qua mạng thường không kể với ai về chuyện đã xảy ra, hoặc chỉ kể với bạn bè.



89. Tran, N. K., Alink, L. R. A., van Berkel, S. R., & van Ijzendoorn, M. H. (2016). Ngược đãi trẻ em ở Việt Nam: Mức độ phổ biến và so sánh giữa các văn hóa. Tạp chí chuyên biệt về hành vi gây hấn, ngược đãi & tổn thương, 26(3), 211–230.

90. Tran, N. K., Alink, L. R. A., van Berkel, S. R., & van Ijzendoorn, M. H. (2016). Ngược đãi trẻ em ở Việt Nam: Mức độ phổ biến và so sánh giữa các văn hóa. Tạp chí chuyên biệt về hành vi gây hấn, ngược đãi & tổn thương, 26(3), 211–230.

91. UNICEF Việt Nam, Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti & Đại học Edinburgh (2016). Tìm hiểu các động lực dẫn đến bạo lực ảnh hưởng đến trẻ em Việt Nam.

92. Chính phủ Việt Nam và Liên Hợp quốc Việt Nam. (2012). Nghiên cứu tìm hiểu - Nạn mua bán trẻ em trai tại Việt Nam.

93. World Vision Úc. (2014). Vấn đề giới tính, xâm hại và trẻ em: Nghiên cứu về kiến thức, thái độ và các thực hành liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em, bao gồm cả trong quá trình đi lại và du lịch, ở Campuchia, Lào, Thái Lan và Việt Nam.

## 3.1 CƠ CHẾ TRÌNH BÁO CHÍNH THỨC

### 3.1.3. Tổng đài trợ giúp

Luật Trẻ em quy định nhiệm vụ của chính phủ là thiết lập một hệ thống tổng đài điện thoại toàn quốc để tiếp nhận và phản hồi thông tin liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em.<sup>94</sup> Để thực hiện điều khoản này, Ủy ban Quốc gia về Trẻ em thuộc Bộ LĐTB&XH đã thiết lập một Trung tâm Tổng đài quốc gia về bảo vệ trẻ em với mục đích trực tiếp tiếp nhận và xử lý thông tin, thông báo, tố giác nguy cơ và hành vi xâm hại trẻ em.<sup>95</sup> Năm 2017, tổng đài được chỉ định đầu số mới về bảo vệ trẻ em: số 111.<sup>96,97</sup> TTổng đài trợ giúp quốc gia này cung cấp dịch vụ miễn phí, hoạt động 24/7 và là một bộ phận thuộc Đường dây Hỗ trợ trẻ em Quốc tế. Có ba trung tâm tư vấn tại thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và tỉnh An Giang, cung cấp tư vấn pháp lý và ứng phó với các trường hợp XHTD và buôn bán trẻ em.

Do hạn chế là không thể tiến hành nhiều hoạt động nghiên cứu theo như kế hoạch ở Việt Nam, nên Nhóm nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* không thể thu thập thông tin về mức độ hiệu quả của các trung tâm trong công tác ứng phó với BL&XHTD trẻ em qua mạng hay công tác chuyển gửi.<sup>98</sup> Năm 2019, tổng đài đã tiếp nhận 506.957 cuộc gọi và xử lý hơn 32.000 trường hợp, bao gồm 322 vụ XHTDTE và 80 vụ bóc lột trẻ em. Theo báo cáo của Đường dây Hỗ trợ trẻ em Việt Nam cho Đường dây Hỗ trợ trẻ em Quốc tế, đơn vị không nhận được liên hệ nào về BL&XHTD trẻ em qua mạng vào năm 2017. Đơn vị này cũng không cung cấp dữ liệu hàng năm gửi đến Đường dây Hỗ trợ trẻ em Quốc tế năm 2018 và 2019.<sup>99</sup> Trong Hội thảo tham vấn quốc gia ngày 13 tháng 12 năm 2021, đại biểu từ Tổng đài 111 cũng cho biết bắt đầu từ năm 2020, Tổng đài đã bắt đầu phân tách dữ liệu BL&XHTD trẻ em qua mạng.

Các trường hợp liên quan đến BL&XHTD trẻ em qua mạng cũng có thể trình báo cho Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam.

94. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2016). Luật Trẻ em số 102/2016/QH13, Điều 51(3).

95. Tổng đài Trợ giúp trẻ em Quốc gia. Giới thiệu về tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em.

96. Người Sài Gòn. (2017, ngày 08/12). Việt Nam hy vọng giải quyết vấn nạn xâm hại trẻ em với tổng đài quốc gia về bảo vệ trẻ em 111. Người Sài Gòn.

97. Helpline 111 – Tổng đài trợ giúp 111 – tiếng Việt gọi là “Đường dây nóng 111”, nhưng hoạt động như một đường dây trợ giúp.

98. Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam & ECPAT International. (2019). Bóc lột tình dục trẻ em ở Việt Nam, trình lên Hội đồng Nhân quyền.

99. Việc trình dữ liệu được xác nhận bởi Đường dây Hỗ trợ trẻ em Quốc tế (CHI), tháng 11/2020.

## 3.2 ỨNG PHÓ CỦA NGÀNH THỰC THI PHÁP LUẬT

**Nghiên cứu Ngăn chặn hành vi gây tổn hại không thể thu thập thông tin về ứng phó của ngành thực thi pháp luật đối với các vụ BL&XHTD trẻ em qua mạng tại Việt Nam thông qua phỏng vấn và khảo sát với công chức liên quan, đại diện các tổ chức quốc tế và phi chính phủ, nạn nhân của BL&XHTD trẻ em qua mạng (và người chăm sóc của các em), hay người nào khác từng tiếp xúc với hành động ứng phó của ngành thực thi pháp luật ngay từ đầu. Do đó, thông tin dưới đây chỉ dựa trên các văn bản do các đơn vị thực thi pháp luật chủ chốt cung cấp cho INTERPOL để trả lời bảng câu hỏi và chưa được so sánh chéo với các nguồn dữ liệu khác.**

### 3.2.1 Cơ cấu tổ chức và nguồn lực

Có hai đơn vị chuyên trách tại Việt Nam tham gia vào quá trình điều tra các vụ BL&XHTD trẻ em, bao gồm cả hình thức qua mạng:

1. Ban chống tội phạm buôn bán người thuộc Cục CSHS, phụ trách điều tra các hành vi phạm tội đối với trẻ em. Điều tra BL&XHTD trẻ em qua mạng là một trong những nhiệm vụ được giao cho cơ quan này.
2. Cục An ninh mạng & phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, có nhiệm vụ hỗ trợ Cục CSHS điều tra các vụ BL&XHTD trẻ em qua mạng. Cục này đã được sáp nhập với Cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, có nhiệm vụ tiên hành điều tra ban đầu các vụ phạm tội liên quan đến BL&XHTD trẻ em qua mạng.<sup>100</sup>

Ban chống tội phạm buôn bán người của Cục CSHS có 30-40 cán bộ thường trực nhưng không rõ có ai đang xử lý các vụ BL&XHTD trẻ em, các vụ BL&XHTD trẻ em thực hiện qua mạng hay không. Đơn vị này cũng cho biết được cung cấp đủ thiết bị để xử lý các vụ BL&XHTD trẻ em qua mạng, nhưng phải chia sẻ trang thiết bị này với các đơn vị khác. Họ không nói cụ thể những trang thiết bị này có bao gồm công cụ pháp y hay phần mềm chuyên dụng cho các vụ BL&XHTD trẻ em qua mạng hay không. Hơn nữa, công tác điều tra BL&XHTD trẻ em qua mạng được tiến hành bằng kết nối Internet giống với các nhiệm vụ được giao khác.

Đối với Cục An ninh mạng & phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, không có thông tin về số lượng cán bộ được giao phụ trách các vụ BL&XHTD trẻ em qua mạng. Đơn vị này thiếu các công cụ để phát hiện BL&XHTD trẻ em qua mạng và không có đủ trang thiết bị để tiến hành điều tra.

Về chi phí tài chính, cả hai đơn vị đều cho biết nguồn lực vận hành được tài trợ từ ngân sách trung ương và nguồn lực này khá hạn chế.

Các trang thiết bị và nguồn lực mà cơ quan chức năng hiện có để phòng chống BL&XHTD trẻ em qua mạng có thể tương đối thiếu khi xem xét tương quan với quy mô và độ phức tạp của hành vi phạm tội. Số lượng cán bộ Ban chống tội phạm buôn bán người của Cục CSHS có vẻ khá thấp so với khối lượng công việc.

### 3.2.2 Năng lực điều tra

Ban chống tội phạm buôn bán người của Cục CSHS cho biết cán bộ của đơn vị mình được đào tạo bài bản về nghiệp vụ điều tra, xử lý vụ án và kỹ năng thẩm vấn thân thiện với trẻ em, bên cạnh đó, họ tiến hành điều tra ban đầu theo quy định pháp luật, nghiêm chỉnh tuân theo cách tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm. Tuy nhiên, đơn vị này không cung cấp thông tin về cơ sở vật chất hỗ trợ thẩm vấn thân thiện với trẻ em. Đơn vị cũng phối hợp với các tổ chức phi chính phủ nhằm đảm bảo quyền lợi của nạn nhân. Chúng tôi hiểu rằng mô hình giao tiếp thân thiện với trẻ em đã được thiết lập, các khóa tập huấn về điều tra thân thiện với trẻ em đã được tổ chức với sự hỗ trợ từ UNICEF.

100. ECPAT International. (2017). [Tổng quan khu vực: Tình trạng bóc lột tình dục trẻ em ở Đông Nam Á](#)

Không có thông tin nào về năng lực chuyên biệt cho các vụ BL&XHTD trẻ em qua mạng, như năng lực xác định nạn nhân, pháp y hoặc điều tra tài chính.

Năng lực phòng chống tội phạm xâm hại tình dục trẻ em trong quá trình du lịch được hiểu là bao gồm những yếu tố sau:

- Hệ thống quốc gia để giám sát tội phạm tình dục bị kết án được thả từ nhà tù ở Việt Nam (tuy nhiên, không có thông tin chi tiết được cung cấp trong báo cáo *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*);
- Cơ chế để kiểm tra công dân nước ngoài có tiền án nhập cảnh vào Việt Nam, theo thông báo của cơ quan đối ngoại, nhằm mục đích áp dụng biện pháp phù hợp (trong phần trả lời bộ câu hỏi, Ban chống tội phạm buôn bán người của Cục CSHS đã nhấn mạnh tầm quan trọng của thông tin cảnh báo từ quốc gia khác); và
- Năng lực xử lý vụ án bằng ngôn ngữ khác, với chi phí dịch thuật công chứng được hỗ trợ từ ngân sách trung ương khi cần thiết.

Tuy nhiên, dữ liệu ngành thực thi pháp luật nước ngoài cho thấy các thông báo gửi đến Việt Nam không ngăn chặn thành công kẻ phạm tội nhập cảnh vào Việt Nam (xem [Chương 2](#)).

Cục An ninh mạng & phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao biết năng lực điều tra nguồn mở, như qua các nền tảng mạng xã hội và công cụ tìm kiếm, được cập nhật một cách phù hợp. Không có đề cập nào về năng lực điều tra khác liên quan đến BL&XHTD trẻ em qua mạng, năng lực phát hiện nạn nhân, hay những hỗ trợ cần có trong những khía cạnh này.

### 3.2.3 Đào tạo và phát triển

Ban chống tội phạm buôn bán người của Cục CSHS thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn nội bộ, chuyên tham quan học hỏi và hội thảo. Các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài, Văn phòng Liên Hợp quốc về chống Ma túy và Tội phạm, Trung tâm Quốc tế về trẻ em mất tích và bóc lột và các tổ chức có liên quan cũng tổ chức các buổi đào tạo.

Ngoài ra, Bộ Công an Việt Nam cũng phối hợp với Cảnh sát Liên bang Úc trong phòng chống tội phạm có tổ chức và nghiêm trọng xuyên biên giới. Trong khuôn khổ hợp tác với Học viện Công nghệ Hoàng gia Melbourne (Hà Nội), hai bên đã cùng quản lý và điều phối Chương trình Quản lý Thực thi Luật pháp Khu vực Châu Á suốt hơn 15 năm qua, triển khai chương trình cho hơn 1.000 cán bộ thực thi pháp luật trên 38 quốc gia, bao gồm các chương trình đào tạo cấp khu vực về chống bóc lột tình dục trẻ em. Năm 2019, Việt Nam chủ trì Chương trình Quản lý Thực thi Luật pháp Khu vực Châu Á lần thứ 40, với chủ đề về Bóc lột tình dục trẻ em xuyên biên giới.

Mặc dù đã có những hoạt động đào tạo và phát triển nêu trên, nhưng nhu cầu nâng cao năng lực điều tra vẫn tồn tại. Ban chống tội phạm buôn bán người của Cục CSHS nêu lên nhu cầu cần đào tạo bổ sung, bao gồm các khóa đào tạo về công nghệ thông tin và thu thập bằng chứng điện tử, cũng như trao đổi kiến thức với các quốc gia khác.

### Phối hợp và truy cập dữ liệu

Theo Ban chống tội phạm buôn bán người của Cục CSHS, hồ sơ hình sự và dữ liệu vụ án được tải lên để cơ quan có thẩm quyền truy cập. Việt Nam cần được tái kết nối với Cơ sở dữ liệu về BLTDTE của INTERPOL (ICSE), sau đó, cần được bồi dưỡng tập huấn nhắc lại (refresh training) về xác định nạn nhân và sử dụng ICSE. Cục CSHS - đơn vị chính phủ trách loại hình phạm tội này - cho biết họ không có quyền truy cập vào bất kỳ công cụ nào của INTERPOL. Điều này cho thấy họ đã mất kết nối với Cơ sở dữ liệu về BLTDTE của INTERPOL. Hiện đang tiến hành một cuộc đối thoại để cài đặt lại kết nối và đào tạo nhóm người dùng mới.

Theo các câu trả lời bằng văn bản gửi cho nhóm dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại*, Bộ Công an thường xuyên tổ chức hoạt động chia sẻ thông tin. Việc hợp tác với các ngành khác được triển khai tập trung để đảm bảo hợp tác ở cấp độ trong nước hoặc quốc tế, cả cơ quan chính phủ và tổ chức phi chính phủ đều phải được cấp phép. Điều này có thể làm trì hoãn sự hỗ trợ từ các cơ quan và tổ chức thực thi pháp luật quốc tế.

Trong khi một số cơ quan thực thi pháp luật tại các quốc gia trong nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* gặp khó khăn khi phối hợp với đơn vị dịch vụ Internet, thì các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam và Cục CSHS thường xuyên làm việc với các đơn vị dịch vụ Internet và công ty viễn thông, đặc biệt là ở khâu thu thập bằng chứng và điều tra. Theo quy định pháp luật, những công ty này có nghĩa vụ<sup>101</sup> phối hợp với cán bộ điều tra và cung cấp thông tin liên quan đến dữ liệu địa chỉ IP thu được để xác định người đăng ký và người dùng IP. Sự hợp tác này tạo cho Việt Nam một nền tảng vững chắc để thực thi pháp luật đối với các tội liên quan đến BL&XHTD trẻ em qua mạng.

101. Theo Bộ luật Hình sự (sửa đổi), Luật Trẻ em 2016, Luật Công nghệ thông tin và Luật An ninh mạng, nhà cung cấp và người sử dụng dịch vụ Internet có trách nhiệm đảm bảo an toàn và an ninh thông tin trong hệ thống thông tin của mình; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức và cá nhân khác nhằm đảm bảo an toàn và an ninh thông tin trên mạng. Các biện pháp đảm bảo an toàn và an ninh thông tin trên mạng phải được áp dụng thường xuyên và tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về đảm bảo an toàn thông tin và luật về chất lượng dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet. Hogan Lovells. (Ngày 06/03/2019). [Việt Nam nhanh chóng thực thi Luật an ninh mạng mới](#).

## 3.3 RA TÒA VÀ TIẾP CẬN DỊCH VỤ

**Nghiên cứu Ngăn chặn hành vi gây tổn hại không thể đánh giá trải nghiệm của nạn nhân bị BL&XHTD qua mạng trong tiếp cận công lý thông qua hệ thống tòa án chính thức và dịch vụ liên quan. Những thông tin chọn lọc qua nghiên cứu tài liệu sẵn có được trình bày bên dưới, nhưng không có thông tin nào được xác minh thông qua phỏng vấn với nạn nhân bị BL&XHTD qua mạng, chuyên gia ngành tư pháp hoặc các đại diện khác từ chính phủ.**

### 3.3.1 Thủ tục tại tòa và bồi thường

Khuôn khổ tư pháp hình sự của Việt Nam có đưa vào các biện pháp đảm bảo an toàn thiết yếu nhằm giảm thiểu khả năng nạn nhân bị BL&XHTD tổn thương lần nữa trong quá trình tố tụng tại tòa, cung cấp dịch vụ cho nạn nhân nhằm ủng hộ quyền được bồi thường.

- Về phương pháp thẩm vấn thân thiện với trẻ em, Bộ luật Tố tụng hình sự cho phép tòa án tiến hành xét xử kín để bảo vệ trẻ em.<sup>102</sup> Chương XXVIII của Bộ luật quy định riêng các quy trình, thủ tục cần tuân thủ trong quá trình tố tụng pháp lý đối với người dưới 18 tuổi.<sup>103</sup> Căn cứ theo Bộ luật, quy trình tố tụng pháp lý phải được tiến hành phù hợp với lứa tuổi, mức độ trưởng thành, nhận thức của đối tượng này,<sup>104</sup> đồng thời việc thẩm vấn bị cáo, nạn nhân và nhân chứng là trẻ em phải căn cứ vào độ tuổi và mức độ phát triển của trẻ.<sup>105</sup> Những người chủ trì quá trình tố tụng nên được đào tạo đặc biệt và có kinh nghiệm trong các vụ việc có trẻ em.<sup>106</sup>

- Mặc dù Bộ luật Tố tụng hình sự không quy định trẻ em được hỗ trợ tâm lý trong quá trình tố tụng pháp lý, song bộ luật yêu cầu hội đồng xét xử của phiên sơ thẩm cho phép một giáo viên hoặc cán bộ đoàn thanh niên đi theo, hoặc một người có kinh nghiệm và kiến thức về tâm lý trẻ em.<sup>107</sup> Luật Trẻ em cũng quy định rằng thẩm phán, hội thẩm nhân dân và kiểm sát viên phụ trách tiến hành tố tụng pháp lý vụ việc liên quan đến trẻ em cần được đào tạo về quyền và tâm lý trẻ em, cũng như khoa học giáo dục.<sup>108</sup>
- Bộ luật quy định trẻ em có quyền được hỗ trợ pháp lý<sup>109</sup> lý 109 và tham gia quá trình tố tụng pháp lý thông qua đại diện như trường học, đoàn thanh niên hoặc cá nhân có kinh nghiệm, kiến thức về tâm lý học và các vấn đề xã hội.<sup>110</sup> Ngoài ra, Luật Trẻ em còn quy định trẻ em có quyền được trợ giúp pháp lý, nêu lên ý kiến của mình và được bảo vệ khỏi việc bị tước quyền tự do một cách bất hợp pháp. Luật Trợ giúp pháp lý, được thông qua năm 2017, đưa ra hình thức cụ thể của những quyền này thông qua đảm bảo trợ giúp pháp lý cho tất cả trẻ em dưới 16 tuổi và người phạm tội, nạn nhân là trẻ em từ 16-18 tuổi có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.<sup>111</sup>

102. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13](#), Điều 25; xem thêm Điều 423(2).

103. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13](#), Điều 413.

104. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13](#), Điều 414(1).

105. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13](#), Điều 423(4).

106. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Tố tụng Hình sự số 101/2015/QH13](#), Điều 415.

107. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13](#), Điều 423(1).

108. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2016). [Luật Trẻ em số 102/2016/QH13](#), Điều 81(5).

109. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13](#), Điều 414(5).

110. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). [Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13](#), Điều 414(3).

111. ASEAN (2019). [Chấm dứt bạo lực trẻ em ở các Quốc gia thành viên ASEAN. Đánh giá giữa kỳ về các lĩnh vực ưu tiên trong Kế hoạch hành động khu vực ASEAN về chấm dứt bạo lực trẻ em cho giai đoạn 2016-2025.](#)

- Không có quy định rõ ràng về nghĩa vụ phải cung cấp cho trẻ em thông tin liên quan đến thủ tục tố tụng pháp lý theo hướng thân thiện với trẻ em. Tuy nhiên, Luật Trẻ em cho phép các tổ chức phi chính phủ được hỗ trợ/trợ giúp nạn nhân - có thể cả trong quá trình tố tụng pháp lý.<sup>112</sup>
- Bộ luật Tố tụng hình sự cũng bảo vệ quyền riêng tư của nạn nhân là trẻ em,<sup>113</sup> với quy định cần “bảo đảm giữ bí mật cá nhân của người dưới 18 tuổi”.<sup>114</sup> Để bảo vệ nạn nhân và nhân chứng là trẻ em, Bộ luật quy định hạn chế tiếp xúc với bị cáo khi được triệu tập đưa lời khai trước tòa.<sup>115</sup> Tòa có thể tiến hành thẩm vấn với sự trợ giúp của người đại diện cho nạn nhân hoặc nhân chứng là trẻ em.<sup>116</sup>
- Bộ luật Tố tụng hình sự cho phép nạn nhân hoặc đại diện pháp lý của nạn nhân được đề xuất biện pháp và mức độ trừng phạt, cũng như đảm bảo được bồi thường.<sup>117</sup> Theo Luật An ninh mạng, nếu người vi phạm gây ra tổn thất hoặc thiệt hại, người vi phạm phải bồi thường theo quy định pháp luật.<sup>118</sup> Vì thế, nạn nhân là trẻ em bị BL&XHTD qua mạng có thể được bồi thường căn cứ theo hai luật này. Nạn nhân cũng có thể khởi tố vụ án dân sự độc lập theo Bộ luật Dân sự vì bị vi phạm quyền cá nhân, ví dụ như quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm và uy tín.<sup>119</sup> Nhưng theo quy định của Bộ luật Dân sự, do trẻ em có năng lực pháp lý hạn chế, nên đại diện pháp lý của các em phải thay mặt yêu cầu bồi thường tổn thất, thiệt hại.<sup>120</sup> Pháp luật Việt Nam không quy định về bất kỳ quỹ nào do quốc gia quản lý mà thông qua đó, trẻ em là nạn nhân của BL&XHTD qua mạng có thể yêu cầu bồi thường. Luật cũng không đảm bảo nạn nhân là trẻ em không có quốc tịch bị BL&XHTD qua mạng có thể yêu cầu bồi thường từ hung thủ bị kết án và/hoặc thông qua quỹ do nhà nước quản lý.

Không phải tất cả nạn nhân đều cố gắng đòi lại công lý qua hệ thống tư pháp chính thức. Dự án này không được cơ quan nhà nước cấp phép để phỏng vấn trẻ em và cán bộ tư pháp, nhưng một nghiên cứu của tổ chức World Vision chỉ ra rằng ở Việt Nam nạn nhân là trẻ em bị xâm hại, bóc lột, và kẻ vi phạm thường thương lượng các khoản chi trả (bồi thường) ngoài tư pháp.<sup>121</sup> Tại Hội thảo tham vấn quốc gia ngày 13 tháng 12 năm 2021, Bộ LĐTBXH đã cho biết từ thời điểm tiến hành nghiên cứu đó đến nay, tình hình đã cải thiện nhiều.

#### 3.3.2. Tiếp cận dịch vụ

Trong quá trình tiếp cận công lý, nạn nhân cũng cần có khả năng tiếp cận dịch vụ giúp họ phục hồi. Công tác nghiên cứu tài liệu sẵn có và đánh giá pháp lý được thực hiện trong dự án *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* cho thấy pháp luật Việt Nam quy định trẻ em bị XHTD, bao gồm cả BL&XHTD qua mạng, có quyền được khôi phục và phục hồi chức năng. Căn cứ theo Luật Trẻ em, các sáng kiến bảo vệ trẻ em cần đặc biệt coi trọng việc tích cực hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, cùng với những việc khác - khái niệm này bao gồm trẻ em bị XHTD<sup>122</sup> - trong việc phục hồi chức năng và hòa nhập xã hội.<sup>123</sup> Các biện pháp dự kiến để hỗ trợ trẻ em bị xâm hại gồm có điều trị tâm lý, chăm sóc sức khỏe, phục hồi sức khỏe thể chất và tâm thần,<sup>124</sup> hòa nhập xã hội<sup>125</sup> và trợ giúp pháp lý.<sup>126</sup>

112. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2016). Luật Trẻ em số 102/2016/QH13, Điều 92(3).

113. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Điều 414(2).

114. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Điều 414(2).

115. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Điều 423(5).

116. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Điều 423(5).

117. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Điều 62(2)(g).

118. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2018). Luật An ninh mạng số 24/2018 / QH14, Điều 9.

119. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, Điều 25; Xem thêm: Điều 34.

120. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2015). Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, Điều 25(2).

121. World Vision Úc. (2014). Vấn đề giới tính, xâm hại và trẻ em. Nghiên cứu về kiến thức, thái độ và các thực hành liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em, bao gồm cả trong quá trình đi lại và du lịch, ở Campuchia, Lào, Thái Lan và Việt Nam.

122. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2016). Luật Trẻ em số 102/2016/QH13, Điều 47(6).

123. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2016). Luật Trẻ em số 102/2016/QH13, Điều 47(6).

124. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2016). Luật Trẻ em số 102/2016/QH13, Điều 50(2)(a).

125. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2016). Luật Trẻ em số 102/2016/QH13, Điều 50(2)(d).

126. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2016). Luật Trẻ em số 102/2016/QH13, Điều 50(2)(h).

### 3.3 RA TÒA VÀ TIẾP CẬN DỊCH VỤ

Tại Hội thảo tham vấn quốc gia ngày 13 tháng 12 năm 2021, đại diện Tổng đài 111 đã lưu ý rằng kể từ khi bắt đầu phân tách số liệu liên quan đến BL&XHTD trẻ em qua mạng vào năm 2020, số nạn nhân BL&XHTD trẻ em qua mạng tìm kiếm giúp đỡ (tư vấn) đã tăng từ 186 ca vào năm 2020 lên 405 ca vào năm 2021. Các trung tâm tư vấn bắt đầu được thành lập tại một số tỉnh của Việt Nam.<sup>127</sup> Trung tâm công tác xã hội cấp tỉnh, văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện, điểm tư vấn cộng đồng và điểm tư vấn trường học đang được chính phủ thành lập trên khắp cả nước. Những trung tâm này được thành lập nhằm mục đích cung cấp dịch vụ tư vấn cho trẻ em và gia đình trẻ, bao gồm những dịch vụ cho trẻ em gặp nguy cơ, hoặc từng gặp phải bất kỳ hình thức xâm hại hay bóc lột nào. Hoạt động cung cấp và tính hiệu quả của những dịch vụ này chưa được đánh giá.<sup>128</sup>

Một sáng kiến đáng chú ý khác là dịch vụ tư vấn miễn phí thông qua trò chuyện trực tuyến về sức khỏe sinh sản và tình dục của Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số. Hàng vạn thanh thiếu niên đã truy cập nền tảng này để được tư vấn thông tin. Dịch vụ được cung cấp qua trang web, Facebook và Yahoo Messenger.<sup>129</sup>

“Khuôn khổ tư pháp hình sự của Việt Nam có đưa vào các biện pháp đảm bảo an toàn thiết yếu nhằm giảm thiểu khả năng nạn nhân bị BL&XHTD tổn thương lần nữa trong quá trình tố tụng tại tòa, cung cấp dịch vụ cho nạn nhân nhằm ủng hộ quyền được bồi thường. Nghiên cứu Ngăn chặn hành vi gây tổn hại không thể đánh giá trải nghiệm của nạn nhân bị BL&XHTD qua mạng trong tiếp cận công lý thông qua hệ thống tòa án chính thức và dịch vụ liên quan.”

127. ECPAT International, Plan International, Save the Children, UNICEF và World Vision. (2014). Hệ thống báo về trẻ em cấp quốc gia ở khu vực Đông Á - Thái Bình Dương: Rà soát và phân tích công tác lập sơ đồ và đánh giá. Bangkok: ECPAT International.

128. UNICEF Việt Nam, Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti & Đại học Edinburgh (2016). Tim hiểu các động lực dẫn đến bạo lực ảnh hưởng đến trẻ em Việt Nam.

129. Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số. Dịch vụ tư vấn cho trẻ vị thành niên.



## 3.4 PHỐI HỢP VÀ HỢP TÁC

### 3.4.1 Chính sách và chính phủ

#### Chiến lược quốc gia và phối hợp

Chương trình Hành động Quốc gia vì Trẻ em (giai đoạn 2021-2030) bao hàm các nội dung liên quan đến hoạt động tư pháp thân thiện với trẻ em và ngăn chặn bạo lực và xâm hại tình dục đối với trẻ em. Cụ thể hơn, đây là Chương trình Quốc gia đầu tiên về Bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng mới được chính phủ thông qua gần đây cho giai đoạn 2021-2025.<sup>130</sup><sup>130</sup> Chương trình đề cập tới XHTD qua mạng và khẳng định dự định của chính phủ trong việc giải quyết lỗ hổng pháp lý đối với hình sự hóa tội danh liên quan đến văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE, cũng như thiết lập cơ sở dữ liệu quốc gia về nội dung XHTDTE.

Năm 2021, Bộ trưởng Bộ Thông tin & Truyền thông (TT&TT) đã thành lập một mạng lưới đa cơ quan và liên ngành - Mạng lưới ứng cứu, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.<sup>131</sup> Mạng lưới này điều phối hoạt động của 24 cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp nhằm hỗ trợ Bộ trưởng Bộ TT&TT trong công tác phòng chống xâm hại trẻ em qua mạng, góp phần nâng cao nhận thức xã hội và tạo ra một môi trường mạng an toàn, lành mạnh cho trẻ em. Mạng lưới có nhiệm vụ đẩy mạnh truyền thông, góp phần nâng cao nhận thức xã hội về hoạt động bảo vệ trẻ em, tiếp nhận báo cáo và thu thập thông tin về hành vi xâm hại trẻ em và tổng hợp, phân loại, điều phối hoạt động của các thành viên để xử lý khiếu nại, thông tin về hành vi xâm hại trẻ em trên không gian mạng. Mạng lưới cũng đưa ra tư vấn và đề xuất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các chính sách, quy định về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

Năm 2019, Văn phòng Liên Hợp quốc về chống Ma túy và Tội phạm đã hỗ trợ Bộ Công an và Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao xây dựng bộ hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ công an và kiểm sát viên về cách xử lý các vụ XHTDTE.<sup>132</sup> Nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* không thể xác minh liệu các cán bộ công an và kiểm sát viên có thực sự sử dụng bộ hướng dẫn này hay không.

Năm 2019, Bộ Giáo dục & Đào tạo (GD&ĐT) tổ chức các lớp học bắt buộc về phòng chống XHTD ở trường tiểu học đi kèm với tài liệu hướng dẫn. Ngoài ra, Bộ cũng phối hợp với UNICEF xây dựng một chương trình dạy kỹ năng sống, bao hàm cả vấn đề liên quan đến xâm hại trẻ em, và việc giảng dạy chương trình này là một điều kiện để đạt được danh hiệu Trường học thân thiện với trẻ em.<sup>133</sup> Hiện tại Bộ đang lồng ghép kỹ năng kỹ thuật số vào chương trình học cho học sinh từng lớp.<sup>134</sup>

#### Hệ thống bảo vệ trẻ em

Bộ LĐTB&XH, cơ quan chủ trì công tác bảo vệ trẻ em,<sup>135</sup> sẽ giám sát việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm bảo vệ trẻ em ở tất cả các cấp.<sup>136</sup> Chính phủ đã thành lập các ban bảo vệ trẻ em ở 5.500 xã (khoảng một nửa số xã trên cả nước) để phối hợp với mạng lưới cộng tác viên thôn bản.<sup>137</sup>

Mặc dù đã có những cải thiện trong khung chính sách và pháp lý về bảo vệ trẻ em, hệ thống bảo vệ trẻ em của Việt Nam vẫn chưa phát triển toàn diện và quá phụ thuộc vào lực lượng nhân viên phúc lợi xã hội vốn đã quá tải và không được đào tạo, đặc biệt là ở cấp cơ sở. Hệ thống không chỉ thiếu cán bộ bảo vệ trẻ em ở cấp huyện và xã<sup>138</sup> mà còn thiếu quy trình rõ ràng cho các vụ việc xâm hại trẻ em. Ngoài ra, sự trùng lặp giữa hoạt động của các cơ quan và thiếu kiến thức về pháp luật, thủ tục, quy trình là những vấn đề tồn tại dai dẳng.<sup>139</sup>

130. Việt Nam. (2021, ngày 01/06). [Quyết định số 830/QĐ-TTg năm 2021 về Chương trình hỗ trợ trẻ em trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025.](#)

131. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2021). [Nghị định số 716/QĐ-BTTTT ngày 26/05/2021.](#)

132. Bộ Công an nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2019, ngày 20/05). [Công an Việt Nam kiên quyết ngăn chặn xâm hại tình dục trẻ em.](#)

133. UNICEF. (2016). [Bảo vệ trẻ em trong kỷ nguyên số. Các ứng phó quốc gia đối với xâm hại và bóc lột tình dục trẻ em qua mạng ở các Quốc gia thành viên ASEAN.](#) Bangkok: UNICEF khu vực Đông Á và Thái Bình Dương

134. Căn cứ Quyết định số 2972/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”.

135. UNICEF. (2016). [Bảo vệ trẻ em trong kỷ nguyên số. Các ứng phó quốc gia đối với xâm hại và bóc lột tình dục trẻ em qua mạng ở các Quốc gia thành viên ASEAN.](#) Bangkok: UNICEF khu vực Đông Á và Thái Bình Dương

136. Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam & ECPAT International. (2019). [Bóc lột tình dục trẻ em ở Việt Nam, trình lên Hội đồng Nhân quyền.](#)

137. ASEAN (2019). [Chấm dứt bạo lực trẻ em ở các Quốc gia thành viên ASEAN. Đánh giá giữa kỳ về các lĩnh vực ưu tiên trong Kế hoạch hành động khu vực ASEAN về chấm dứt bạo lực trẻ em cho giai đoạn 2016-2025.](#)

138. UNICEF Việt Nam, Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti & Đại học Edinburgh (2016). [Tìm hiểu các động lực dẫn đến bạo lực ảnh hưởng đến trẻ em Việt Nam.](#)

139. ECPAT International, Plan International, Save the Children, UNICEF và World Vision (2014). [Hệ thống bảo vệ trẻ em cấp quốc gia ở khu vực Đông Á - Thái Bình Dương: Rà soát và phân tích công tác lập sơ đồ và đánh giá.](#)

Năm 2016, UNICEF đã lưu ý tới sự thu hẹp trong hệ thống hỗ trợ cơ cấu gia đình mở rộng, gia tăng di cư kinh tế và các mối đe dọa mới, như buôn bán và BL&XHTD trẻ em qua mạng. Những xu hướng này đặt ra một yêu cầu cấp bách là cần củng cố các cơ quan phụ trách bảo vệ trẻ em ở Việt Nam, tăng cường tổ chức đào tạo cho nhân viên xã hội các cấp, tăng cường hoạt động chuyển gửi và cung cấp dịch vụ trên khắp cả nước.<sup>140</sup> Ngoài ra, trong một nghiên cứu gần đây, UNICEF nhận thấy số lượng dịch vụ tư vấn và nhà tạm lánh cho trẻ em (và phụ nữ) bị bạo lực khá hạn chế, và phần lớn là ở khu vực thành thị.<sup>141</sup>

### 3.4.2 Xã hội dân sự

Sau đây là các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế hoạt động trong lĩnh vực chống BL&XHTD trẻ em qua mạng:

- **SecDev Foundation** là một tổ chức có trụ sở tại Canada với sứ mệnh đảm bảo mọi người có kỹ năng và kiến thức phù hợp để bảo vệ bản thân khỏi những mối nguy hại trên không gian số, đồng thời tận dụng các cơ hội mới của nền kinh tế số toàn cầu. Ở Việt Nam, tổ chức này triển khai Sáng kiến về Quyền công dân kỹ thuật số<sup>142</sup> nhằm thúc đẩy các kỹ thuật đảm bảo an toàn trên không gian số và bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức số, và tiến hành khảo sát về trải nghiệm trên mạng của giới trẻ.<sup>143</sup>
- **ChildFund Việt Nam** là một tổ chức phi chính phủ quốc tế khác hoạt động về lĩnh vực an toàn trên mạng. Dự án Swipe Safe (An toàn trên mạng), được ChildFund Việt Nam triển khai từ tháng 7/2017 đến tháng 6/2020 với sự tài trợ của Quỹ Chấm dứt bạo lực trẻ em, đã được thực hiện tại 35 trường học Việt Nam và tiếp cận 12.000 thanh thiếu niên ở vùng khó khăn nhất miền Bắc, cung cấp cho các em những kiến thức về rủi ro có thể xảy ra trên mạng, bao gồm cả XHTD, và sử dụng Internet một cách thông minh.<sup>144</sup>

Số liệu giám sát cho thấy: 91% trẻ em được nâng cao kiến thức về cài đặt quyền riêng tư, kiểm tra thông tin, chia sẻ thông tin một cách có trách nhiệm, tìm kiếm thông tin trên mạng và báo cáo nội dung gây hại, trong khi đó, 89% đã biết tìm kiếm sự trợ giúp ở đâu và 30% cảm thấy an toàn hơn khi lên mạng.<sup>145</sup>

- Trong dự án Bảo vệ trẻ em và thanh thiếu niên khỏi nguy cơ xâm hại tình dục qua môi trường mạng do tổ chức **World Vision International** tại Việt Nam triển khai từ tháng 3/2018 đến tháng 2/2021, một hội thảo định hướng dự án được tổ chức cho 32 lãnh đạo và cán bộ chính phủ từ 15 đơn vị ở Đà Nẵng vào tháng 3/2019.<sup>146</sup>
- Trung tâm Công nghệ Thông tin - Truyền thông **Vietnet** hướng tới mục tiêu thu hẹp khoảng cách số và giúp cộng đồng tận dụng các cơ hội nhờ công nghệ thông tin. Năm 2017, Trung tâm Công nghệ Thông tin - Truyền thông Vietnet cùng Trung tâm nghiên cứu Quản lý và Phát triển bền vững đã tổ chức một chuỗi sự kiện trong khuôn khổ chương trình Quyền công dân kỹ thuật số, nội dung tập trung vào đảm bảo an toàn cho trẻ em trên không gian mạng và giảng dạy nội dung này tại các trường học. Nhân viên xã hội được tham gia một khóa tập huấn về Bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng, trong đó sẽ bàn luận về xu hướng BL&XHTD trẻ em qua mạng và đưa ra hướng dẫn để bảo vệ trẻ em khỏi nguy cơ này.
- **Viện nghiên cứu Quản lý và Phát triển bền vững** hướng tới mục tiêu phát triển khu vực xã hội dân sự và thúc đẩy quyền của các nhóm chịu thiệt thòi, đặc biệt là trẻ em, thanh niên, phụ nữ và người khuyết tật. Năm 2020, Viện đã thực hiện một khảo sát ở nhóm đối tượng trẻ em và thanh thiếu niên để đánh giá hành vi và rủi ro trên mạng.<sup>147</sup>

140. UNICEF Việt Nam, Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti & Đại học Edinburgh (2016). Tìm hiểu các động lực dẫn đến bạo lực ảnh hưởng đến trẻ em Việt Nam.

141. UNICEF, UN Women, UNFPA. (2020). Đánh giá nhanh về tình hình bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em do tác động của thảm họa COVID-19 và nhu cầu hỗ trợ trong hoạt động truyền thông và ứng phó có mục tiêu, 30.

142. SecDev Foundation [Quyền công dân kỹ thuật số tại Việt Nam](#).

143. SecDev Foundation [Sử dụng manga để hướng dẫn về an toàn trên không gian số tại Việt Nam: Ra mắt truyện Bông hồng đen \(Black Rose\)](#).

144. Do Quỹ Chấm dứt bạo lực tài trợ thông qua Sáng kiến An toàn trên không gian mạng (Safe Online initiative). ChildFund Việt Nam. [Giúp trẻ em định hướng trong thế giới trực tuyến](#).

145. Ủy ban băng thông rộng về Phát triển bền vững. (2019). Đảm bảo an toàn trên mạng cho trẻ em: Giảm thiểu rủi ro bạo lực, xâm hại và bóc lột qua mạng.

146. Quan hệ đối tác toàn cầu về chấm dứt bạo lực trẻ em. (2018). [Hai năm hỗ trợ giải pháp: Kết quả đầu tư của Quỹ](#).

147. Trung tâm nghiên cứu Quản lý và Phát triển bền vững. (2020). [“Công nghệ số an toàn và thông minh ở châu Á – Thúc đẩy an ninh thông tin, quyền công dân kỹ thuật số và lựa chọn trên mạng của người tiêu dùng châu Á.”](#)

- **Hiệp hội Internet Việt Nam**<sup>148</sup> tập hợp các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân lại với nhau để tham gia vào cung cấp và phát triển dịch vụ Internet. Mục tiêu của hiệp hội là nâng cao nhận thức của cộng đồng về sử dụng Internet, giảm khoảng cách số và đóng vai trò là đầu mối trao đổi thông tin giữa các cơ quan, ngành công nghệ thông tin - truyền thông và xã hội.<sup>149</sup> Nội dung ngăn chặn BL&XHTD trẻ em qua mạng được bàn luận trong lễ ra mắt sổ tay #Netsmart dành cho người lớn về cách bảo vệ trẻ em không bị xâm hại tình dục trên Internet trong năm 2017.<sup>150</sup> Sổ tay #Netsmart dành cho đối tượng độc giả là người chăm sóc, bao gồm những lời khuyên từ chuyên gia tâm lý và cán bộ công an, cùng với những câu chuyện của cá nhân từng bị xâm hại.
- **Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam** là một mạng lưới các cá nhân và tổ chức hướng đến mục tiêu đảm bảo các quyền cơ bản của trẻ em. Năm 2019, Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam đã thực hiện 3 hoạt động đào tạo cho 120 cán bộ của các hiệp hội bảo vệ trẻ em. Nội dung đào tạo bao gồm cơ sở pháp lý để bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và các kỹ năng cơ bản dành cho trẻ em cũng như người chăm sóc để bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng. Hơn nữa, trong giai đoạn 2019-2021, Hiệp hội đã thực hiện hai dự án nghiên cứu liên quan đến bạo lực và xâm hại trẻ em, đó là Nghiên cứu về “Các quy định của pháp luật về giám định đối với trẻ em là nạn nhân bị bạo lực, xâm hại”, hỗ trợ bởi tổ chức Save the Children và xuất bản năm 2020, và “Khảo sát thực trạng Thực hiện quy trình tố tụng thân thiện và hỗ trợ y tế đối với trẻ em bị xâm hại tình dục tại địa bàn Hà Nội” với sự hỗ trợ của Quỹ Thúc đẩy Sáng kiến Tư pháp và dự kiến xuất bản năm 2021.

### 3.4.3 Đơn vị cung cấp dịch vụ và nền tảng Internet

Sự hợp tác với các nhà cung cấp dịch vụ, nền tảng Internet và di động đóng vai trò thiết yếu trong công tác điều tra vụ án và ngăn chặn phát tán văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE. Các yêu cầu pháp lý và thủ tục thực tế khác nhau tùy thuộc vào đơn vị vận hành là của Việt Nam hay hoạt động trên quy mô toàn cầu.

#### Đơn vị cung cấp dịch vụ Internet trong nước

**Thu thập bằng chứng:** Khi các cơ quan thực thi pháp luật cần bằng chứng từ nhà cung cấp dịch vụ trong nước - ví dụ, để xác định ai đang dùng một địa chỉ IP hoặc số điện thoại cụ thể vào thời điểm xảy ra hành vi phạm tội - họ sẽ gửi án lệnh yêu cầu đơn vị dịch vụ cung cấp thông tin này. Cơ quan thực thi pháp luật cũng có thể sử dụng thông tin thuê bao để xác định vị trí và bắt giữ nghi phạm, đồng thời nộp làm bằng chứng trước tòa.<sup>151</sup>

**Gỡ/báo cáo nội dung XHTDTE:** Luật An ninh mạng quy định chủ quản hệ thống thông tin và nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến có nghĩa vụ phải xóa thông tin có nội dung có thể gây tổn hại, ngược đãi trẻ em hoặc vi phạm quyền của trẻ, và phải ngay lập tức thông báo (báo cáo) và phối hợp với Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an để xử lý.<sup>152</sup> Theo Luật này và Luật trẻ em, các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động trên mạng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm đảm bảo quyền trẻ em trên không gian mạng và phòng ngừa (ngăn chặn) nội dung gây nguy hại cho trẻ em.<sup>153</sup> Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và các cơ quan khác có trách nhiệm áp dụng các biện pháp để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi sử dụng Internet như vậy.<sup>154</sup>

148. Xem Hiệp hội Internet Việt Nam: <https://via.org.vn/en/Thu-Ngo>.

149. Xem Hiệp hội Internet Việt Nam: <https://via.org.vn/en/Thu-Ngo>.

150. Xem Tổ chức Cứu trợ Trẻ em. Ngày 28 tháng 11 năm 2017. Công bố sách “Netsmart”

151. Tuy nhiên, cách tiếp cận này bỏ qua những thách thức từ carrier grade NAT, một quy trình trong đó các địa chỉ IPv4 cạnh kiệt nhanh chóng được ISP gán cho nhiều người dùng cùng một lúc, từ đó ngăn chặn khả năng nhận dạng cuối cùng đối với thiết bị và người dùng đứng sau địa chỉ IP trong một số trường hợp.

152. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2018). [Luật An ninh mạng số 24/2018 / QH14](#), Điều 29(2).

153. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2018). [Luật An ninh mạng số 24/2018 / QH14](#), Điều 29(3).

154. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2018). [Luật An ninh mạng số 24/2018 / QH14](#), Điều 29(5).

Ngoài ra còn có các hành vi bị nghiêm cấm, được quy định trong Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, trong số đó có hành vi tuyên truyền và khuyến khích nội dung khiêu dâm (không đề cập cụ thể tới nội dung XHTDTE).<sup>155</sup> Các trang web thông tin tổng hợp có nghĩa vụ giám sát và gỡ bỏ thông tin và nội dung bị cấm theo nghị định này.<sup>156</sup> Tương tự, các công ty mạng xã hội không được chia sẻ nội dung khiêu dâm và phải phối hợp với các cơ quan Nhà nước để gỡ bỏ hoặc chặn những nội dung đó.<sup>157</sup> Chủ điểm truy cập Internet công cộng<sup>158</sup> và quán trò chơi điện tử bắt buộc phải thông báo danh sách các hành vi bị cấm thực hiện trên dịch vụ Internet của mình và không cho phép người dùng thực hiện những hành vi đó.<sup>159</sup>

### Các nền tảng toàn cầu

**Thu thập bằng chứng:** Nếu có một báo cáo gửi cho công an Việt Nam về BL&XHTD trẻ em qua mạng trên một nền tảng toàn cầu, ví dụ như Facebook, yêu cầu sẽ được gửi đến nền tảng để lấy thông tin thuê bao và dữ liệu IP. Một khi đã biết được IP, sau đó công an sẽ làm theo quy trình yêu cầu của nhà cung cấp dịch vụ Internet trong nước để xử lý dữ liệu IP và xác nhận danh tính, vị trí và các thông tin khác của nghi phạm. Trong lần tham vấn đầu tiên với chính phủ về báo cáo này,<sup>160</sup> đại diện từ Bộ TT&TT lưu ý rằng có thể có khó khăn trong việc chia sẻ dữ liệu của các nền tảng toàn cầu.

**Gỡ/báo cáo nội dung XHTDTE:** Đối với việc gỡ/báo cáo nội dung XHTDTE, ít có thỏa thuận chính thức nào giữa các cơ quan thực thi pháp luật quốc gia với các nền tảng toàn cầu. Những nền tảng này sẽ ưu tiên xem xét yêu cầu từ các đối tác chính phủ dưới hình thức thông báo về khả năng vi phạm đối với các điều khoản dịch vụ của họ. Vì nội dung XHTDTE vi phạm điều khoản dịch

vụ và pháp luật quốc gia của họ (luật Hoa Kỳ), nên các công ty sẽ muốn gỡ bỏ những nội dung đó.

Điều thú vị là Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng nêu rõ ràng rằng các điều khoản của nghị định cũng áp dụng cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài “trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin trên mạng, trò chơi điện tử trên mạng, bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin.”<sup>161</sup>

Năm 2017, 2018 và 2019, báo cáo minh bạch của các nền tảng mạng xã hội lớn cho thấy cơ quan chức năng Việt Nam đã gửi:

- 2.041 yêu cầu tới Facebook về hạn chế nội dung, chỉ riêng nửa cuối năm 2018 đã có 1.556 yêu cầu. Lý do Việt Nam yêu cầu hạn chế là vì nội dung có chứa thông tin chống đối Đảng Cộng sản và chính phủ, cổ động các cuộc biểu tình trái phép, phỉ báng công chức, truyền bá thông tin sai lệch, buôn bán động vật hoang dã và các sản phẩm được kiểm soát.
- 38 yêu cầu về dữ liệu người dùng Facebook.
- 9.066 yêu cầu Google gỡ bỏ nội dung, trong đó có 6.316 yêu cầu được gửi do có nội dung chỉ trích chính phủ và 2.172 yêu cầu gỡ bỏ nội dung liên quan đến an ninh quốc gia. Trong số còn lại, 8 yêu cầu được gửi do có liên quan đến hình ảnh khiêu dâm/khỏa thân trên YouTube.
- 3 yêu cầu về dữ liệu người dùng Google.
- 2 yêu cầu về dữ liệu người dùng Apple, 5 yêu cầu gỡ bỏ tổng cộng 75 ứng dụng khỏi App Store.
- Không có yêu cầu nào gửi tới Twitter về dữ liệu người dùng hay gỡ bỏ nội dung.

155. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2013). Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, Điều 5.

156. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2013). Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, Điều 24(4).

157. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2013). Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, Điều 25 (5) và (6).

158. Điểm truy cập Internet công cộng được định nghĩa là: “a) Địa điểm mà đại lý Internet được quyền sử dụng hợp pháp để cung cấp dịch vụ; b) Điểm truy cập Internet công cộng của doanh nghiệp là địa điểm mà đơn vị thành viên hoặc cá nhân đại diện cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy cập Internet trực tiếp quản lý để cung cấp dịch vụ truy cập Internet cho người sử dụng Internet; c) Điểm truy cập Internet công cộng tại khách sạn, nhà hàng, sân bay, bến tàu, bến xe, quán cà phê và điểm công cộng khác là địa điểm mà tổ chức, cá nhân được quyền sử dụng hợp pháp để cung cấp dịch vụ truy cập Internet cho người sử dụng Internet.” Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2013). Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, Điều 3(6).

159. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2013). Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, Điều 9 và 36.

160. Tham vấn quốc gia về nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* với đại diện của chính phủ vào ngày 19/10/2021.

161. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2013). Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, Điều 2..

# 4. CÁCH THỨC NGĂN CHẶN HÀNH VI GÂY TỔN HẠI TẠI VIỆT NAM

## 4.1 Bốn phát hiện chính và khuyến nghị hành động

Để ngăn chặn hành vi gây tổn hại do bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng, cần phải có những hành động toàn diện và bền vững từ tất cả chúng ta - bao gồm gia đình, cộng đồng, đại diện chính phủ, cơ quan thực thi pháp luật, chuyên gia ngành tư pháp và dịch vụ trợ giúp xã hội, cũng như các công ty, doanh nghiệp trong ngành công nghệ và truyền thông. Trong khi trẻ em là một phần của giải pháp, những tổn hại do BL&XHTD trẻ em qua mạng gây ra buộc người lớn phải hành động để bảo vệ các em; chúng ta phải cẩn trọng để không đặt trách nhiệm lên vai trẻ em.

Các hành động cần thiết ở Việt Nam được chia theo 4 phát hiện chính, đóng vai trò chỉ dẫn cho các nhóm liên quan khác nhau. Tất cả các hành động khuyến nghị có mối liên hệ với nhau và phát huy hiệu quả nhất khi được thực hiện cùng nhau. Những khuyến nghị được đưa ra dựa trên những dữ liệu mà nhóm nghiên cứu dự án Ngăn chặn hành vi gây tổn hại tiếp cận được, không phải dựa trên bức tranh toàn diện về tình hình BL&XHTD trẻ em qua mạng ở trong nước.

### **Ngăn chặn hành vi gây tổn hại nhất quán với Mô hình Ứng phó Quốc gia**

Nhiều quốc gia, doanh nghiệp và tổ chức đã gia nhập Liên minh Toàn cầu WeProtect để ngăn chặn và ứng phó với BL&XHTD trẻ em qua mạng. Với tư cách là thành viên của Liên minh Toàn cầu, Việt Nam có thể sử dụng Mô hình Ứng phó Quốc gia để phòng ngừa và giải quyết bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em để tổ chức công tác ứng phó với BL&XHTD trẻ em qua mạng. Mô hình là một công cụ quý báu giúp chính phủ tổ chức và cải thiện cấp độ của ứng phó. Phần lớn các khuyến nghị trong báo cáo này thống nhất với 21 “năng lực” nêu trong Mô hình Ứng phó Quốc gia, nhưng báo cáo *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* xác định các lĩnh vực ưu tiên can thiệp dựa trên dữ liệu cụ thể về tình hình Việt Nam. Hầu hết các khuyến nghị đề cập tới pháp luật,<sup>162</sup> thực thi pháp luật chuyên trách,<sup>163</sup> đoàn thẩm phán và công tố viên<sup>164</sup> và các chương trình giáo dục.<sup>165</sup> Tất cả các khuyến nghị đều thực tế, dựa trên bằng chứng và có thể thực thi. Báo cáo nêu rõ khuyến nghị được đưa ra cho ai, ví dụ như cho đại diện chính phủ, cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan tư pháp, doanh nghiệp internet và công nghệ, người chăm sóc, cộng đồng, giáo viên để bảo vệ trẻ em khỏi những tội ác.

Gần đây, Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã thông qua *Kế hoạch hành động khu vực về Bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức bóc lột và xâm hại trực tuyến ở ASEAN*,<sup>166</sup> Kế hoạch này có các cam kết về việc các quốc gia thành viên tăng cường bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng trong khu vực. Kế hoạch này gồm 7 lĩnh vực trọng tâm, trong đó có nâng cao nhận thức, tăng cường thu thập dữ liệu và điều chỉnh pháp luật. Các khuyến nghị của Dự án Nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* nêu chi tiết các hoạt động bền vững, thiết thực, và dựa trên bằng chứng có thể triển khai ở Việt Nam để góp phần thực hiện cam kết theo Kế hoạch hành động khu vực.

## PHÁT HIỆN 1

**Phần lớn trẻ em Việt Nam được tiếp cận với Internet, hầu hết sử dụng Internet hàng ngày. Điều này cũng tương tự đối với người chăm sóc. Tuy nhiên, chỉ có khoảng một phần ba trẻ em được dạy/tập huấn về đảm bảo an toàn trên mạng dưới một số hình thức.**

### **Khuyến nghị dành cho Chính phủ**

**1.1 Giao nhiệm vụ cho Bộ Thông tin và Truyền thông – thông qua Mạng lưới đa cơ quan và liên ngành về ứng cứu, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng – chủ trì việc triển khai Chương trình Quốc gia về Bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng mới được thông qua.** Cả Mạng lưới và Chương trình Quốc gia này là 2 sáng kiến đầy triển vọng trong phòng chống BL&XHTD trẻ em qua mạng. Định kỳ rà soát các chương trình và kế hoạch sao cho phù hợp với các bằng chứng và phản hồi mới từ tất cả các cơ quan chức năng liên quan, nhân viên tuyến đầu và cộng đồng. Đảm bảo đã có những bố trí thể chế thích hợp để duy trì công tác điều phối, lên kế hoạch, lập ngân sách, giám sát và báo cáo. Trao đổi với các tổ chức quốc tế và xã hội dân sự để học hỏi kiến thức và kinh nghiệm.

**1.2 Lồng ghép các nỗ lực giải quyết BL&XHTD trẻ em qua mạng vào các cơ cấu và chương trình nhằm đồng thời giải quyết các hình thức khác của bóc lột và xâm hại trẻ em, thay vì thiết kế, lên kế hoạch và thực hiện chương trình chống BL&XHTD trẻ em qua mạng một cách riêng lẻ.** Cần lưu ý rằng trẻ em thường bị hoặc có khả năng bị BL&XHTD dưới hình thức giống nhau ở cả trên mạng lẫn ngoài đời, và thủ phạm có thể là cùng một người. Điều kiện tiên quyết để phòng chống BL&XHTD trẻ em qua mạng là có một hệ thống bảo vệ trẻ em hiệu quả.

162. Mô hình Ứng phó Quốc gia #3.

163. Mô hình Ứng phó Quốc gia #4.

164. Mô hình Ứng phó Quốc gia #5.

165. Mô hình Ứng phó Quốc gia #13.

166. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. (2020). *Kế hoạch hành động khu vực về bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức bóc lột và xâm hại trực tuyến trong ASEAN: Bổ sung cho Kế hoạch hành động khu vực ASEAN về Xóa bỏ bạo lực đối với trẻ em*

**1.3 Đảm bảo nâng cao nhận thức và giáo dục cộng đồng ở quy mô toàn quốc về bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em - bao gồm cả cách thức công nghệ đóng góp vào hoạt động này.** Các chương trình giáo dục nâng cao nhận thức mới và hiện có nên được mở rộng quy mô để đảm bảo truyền tải thông điệp của các chương trình này tới tất cả người dân. Các tài liệu cần được xây dựng và thử nghiệm thông qua các buổi tham vấn an toàn, có đạo đức với trẻ em, người chăm sóc và giáo viên, từ đó đảm bảo cung cấp các kinh nghiệm sống về rủi ro trên mạng. Các tài liệu này cần gồm có cả những lời khuyên và kỹ thuật mà trẻ có thể áp dụng để bảo vệ bản thân. Các mục tiêu chính nên bao gồm:

- Tiếp cận trẻ em có truy cập internet ở mọi lứa tuổi, đặc biệt trong giai đoạn COVID hiện nay, trẻ em đang chuyển sang học trực tuyến ở độ tuổi sớm hơn – thậm chí học trực tuyến từ lớp 1.
- Thúc đẩy các doanh nghiệp tạo ra các môi trường kỹ thuật số an toàn và các môi trường đó được người chăm sóc trẻ sử dụng.
- Trang bị cho người chăm sóc các kiến thức, kỹ năng để họ có thể giao tiếp một cách an toàn và liên tục với trẻ em về đời sống trên mạng (xem chương trình Start the Chat<sup>167</sup> làm ví dụ).
- Củng cố các chuẩn mực gia đình và xã hội ủng hộ cho nhận thức và các cuộc trò chuyện tích cực, lành mạnh về giới tính. Thúc đẩy các hành vi khuyến khích trẻ em gái, trẻ em trai và người lớn chia sẻ/tiết lộ, trình báo và tìm kiếm trợ giúp về vụ việc BL&XHTD trẻ em, và giảm thiểu cảm giác xấu hổ hoặc cái nhìn tiêu cực về hệ quả của việc trình báo.
- Nâng cao trình độ kỹ thuật số của trẻ em (ví dụ như qua dự án Swipe Safe<sup>168</sup>) để trang bị cho các em kỹ năng và kiến thức cần thiết giúp tránh và hạn chế các tình huống nguy hiểm trên không gian mạng. Nội dung có thể bao gồm các bài học về cách chặn một người, báo cáo nội dung không phù hợp và gửi yêu cầu.

- Đảm bảo trẻ em nhận thức được các rủi ro vốn có trong tương tác trực tuyến và trao đổi thông tin cá nhân, hình ảnh, video.
- Đảm bảo có hành động cụ thể để ngăn chặn và ứng phó với việc trẻ em khuyết tật bị BL&XHTD qua mạng.

Khi trẻ em không có kiến thức về giới tính, kẻ xấu sẽ có cơ hội lợi dụng. Chúng ta phải đảm bảo mọi trẻ em được cung cấp kiến thức, bao gồm cả thông tin, kiến thức về giới tính, sự đồng thuận quan hệ tình dục, ranh giới cá nhân; những điều mà người lớn và những người xung quanh trẻ em được và không được làm với các em; rủi ro và trách nhiệm khi chụp, gửi và nhận hình ảnh nhạy cảm; cách từ chối và trình báo/tố cáo về những hành vi không phù hợp. Điều này sẽ giúp trẻ em xác định được những tương tác rủi ro, không phù hợp cả ở trên mạng lẫn ngoài đời, giúp các em có thể bảo vệ bản thân, đồng thời hướng dẫn các em nên tiết lộ thông tin nào. Các báo cáo<sup>169</sup> và sáng kiến<sup>170</sup> có thể là điểm xuất phát tốt, và cũng có những ví dụ về nguồn tài liệu phù hợp với độ tuổi.<sup>171</sup>

### **Khuyến nghị dành cho người chăm sóc, giáo viên, nhân viên y tế và dịch vụ trợ giúp xã hội<sup>172</sup>**

**1.4 Giúp trẻ em, người chăm sóc, giáo viên và những người làm việc với trẻ em hiểu đầy đủ mức độ rủi ro** của việc chia sẻ nội dung nhạy cảm, cũng như cách góp phần giảm thiểu tổn hại nhằm hạn chế những hậu quả có thể xảy ra. Hầu hết trẻ em chia sẻ video, hình ảnh nhạy cảm của mình vì ban đầu các em đang yêu, tin tưởng người đó, nhưng hành vi này có thể dẫn đến tổn hại nghiêm trọng, chẳng hạn như hình ảnh hoặc video bị chia sẻ với người khác khi không có sự đồng ý, tống tình.

167. Xem: Chương trình “Start the Chat” nhằm khuyến khích người chăm sóc trò chuyện với trẻ em về đời sống trên mạng, của tổ chức eSafety Commissioner của Úc.

168. Do Quỹ Chăm dứt bạo lực tài trợ thông qua Sáng kiến An toàn trên không gian mạng (Safe Online initiative). ChildFund Việt Nam. [Giúp trẻ em định hướng trong thế giới trực tuyến.](#)

169. UNFPA. (2021). [Cơ thể tôi là của tôi.](#)

170. UNGEI. (2020). [Tự chủ thân thể, sức khỏe và quyền SS&TD.](#)

171. NSPCC. (2017). [Bài hát của Pantosaurus về CHIẾC QUẦN #TalkPANTS - YouTube.](#)

172. Các cơ quan chính phủ, liên chính phủ và xã hội dân sự cần dịch và truyền tải những thông điệp này tới người chăm sóc, giáo viên, nhân viên y tế và nhân viên trợ giúp xã hội.

### PHÁT HIỆN 2

**Trẻ em sử dụng Internet tại Việt Nam hiện đã đang là đối tượng của BL&XHTD qua mạng. Dữ liệu từ điều tra hộ gia đình cho thấy cả trẻ em và người chăm sóc đều có nhận thức đáng kể về nguy cơ BL&XHTD trẻ em qua mạng, nhưng tỷ lệ tiết lộ về vụ việc, tỷ lệ tìm kiếm trợ giúp và trình báo với các cơ chế chính thức hiện rất thấp.**

#### Khuyến nghị cho Chính phủ

**2.1 Nâng cao tính sẵn có, độ nhạy và hiệu quả của cơ chế trình báo, đảm bảo rằng Tổng đài 111 có thể thực hiện các chức năng cần thiết của một đường dây nóng và đường dây/tổng đài trợ giúp,** hoặc một cách nữa là: bổ nhiệm một cơ quan có thể thực hiện chức năng như một đường dây nóng, tức là có khả năng gỡ nội dung XHTDTE. Tiếp tục duy trì hệ thống mà Tổng đài 111 đã bắt đầu tiến hành từ năm 2020: thu thập dữ liệu phân tích các vụ việc BL&XHTD trẻ em qua mạng để củng cố chính sách dựa vào bằng chứng trong tương lai, nhưng cần đảm bảo rằng định nghĩa về BL&XHTD trẻ em qua mạng phải phù hợp với định nghĩa trong báo cáo này.

**2.2 Đa dạng hóa các cơ chế để trẻ em bày tỏ mối quan ngại,** tìm kiếm trợ giúp và trình báo vụ việc một cách chính thức (như phương pháp trình báo đơn giản, thân thiện với trẻ em qua mạng, ví dụ như qua kênh chat như Tổng đài 111 đã lên kế hoạch). Cần lưu ý rằng đa số trẻ em ban đầu sẽ tìm kiếm giúp đỡ từ bạn bè, rồi mới đến gia đình và cộng đồng. Hãy chắc chắn trẻ em biết về những cơ chế này. Việc trẻ em không thể lên tiếng là lý do chính khiến BL&XHTD trẻ em qua mạng thường vẫn còn lẫn khuất, không thể điều tra tra và ngăn chặn.

**2.3 Đầu tư nâng cao năng lực của lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội.** Hoạt động này có thể bao gồm tuyển dụng và đào tạo bài bản cho đủ số lượng cán bộ bảo vệ trẻ em ở cấp địa phương, làm rõ trách nhiệm và quy trình, tăng nguồn cung dịch vụ, đặc biệt là ở khu vực nông thôn và những nơi kém phát triển.

**2.4 Nâng cao năng lực của đội ngũ tuyến đầu thường tương tác với trẻ em để xác định tốt hơn trẻ em gặp nguy cơ hoặc bị BL&XHTD qua mạng.** Hoạt động nên bao gồm cán bộ, giáo viên ở trường học cũng như nhân viên y tế, ngoài ra còn có người hỗ trợ tâm lý.

**Khuyến nghị dành cho người chăm sóc, giáo viên, nhân viên y tế và dịch vụ trợ giúp xã hội<sup>173</sup>**

**2.5 Khuyến khích việc giao tiếp an toàn và liên tục giữa trẻ em và người lớn đáng tin cậy về đời sống trên mạng (và ngoài đời thực) của các em.** Việc bình thường hóa những trao đổi về hoạt động trên mạng sẽ tăng khả năng trẻ em chia sẻ những mối lo ngại, rủi ro và trải nghiệm gây hại có thể gặp phải.

**2.6 Trong phản ứng trước tiết lộ về việc trẻ em bị BL&XHTD qua mạng, cần thể hiện rằng trẻ em không có lỗi,** cho dù các em đã đưa ra lựa chọn như thế nào. Sai phạm luôn nằm ở người lớn đã thực hiện hành vi xâm hại và bóc lột trẻ em. Báo cáo cho thấy trẻ em bị BL&XHTD qua mạng thường tự trách bản thân, cảm thấy các em đã làm người chăm sóc của mình và người khác thất vọng. Không nên phản ứng một cách phán xét hay áp dụng cách trừng phạt. Ví dụ, xem hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới về phản ứng đầu tiên trước hành vi ngược đãi trẻ em.<sup>174</sup>

**2.7 Cung cấp cho trẻ em thông tin về đường dây nóng và tổng đài trợ giúp,** cũng như các kênh hỗ trợ khác, cho trẻ biết rằng đây là những cách thức an toàn để trẻ chia sẻ tình thế khó khăn của mình, tìm kiếm lời khuyên, hỗ trợ mà không cảm thấy bất tiện như khi chia sẻ với người nhà hoặc cộng đồng (đặc biệt là khi kẻ vi phạm là người nhà hoặc người trong cộng đồng). Một điều kiện quan trọng để thực hiện khuyến nghị này là đường dây nóng, tổng đài trợ giúp phải có đủ nhân viên, nguồn lực và có khả năng ứng phó một cách hiệu quả.

173. Các cơ quan chính phủ, liên chính phủ và xã hội dân sự cần dịch và truyền tải những thông điệp này tới người chăm sóc, giáo viên, nhân viên y tế và nhân viên trợ giúp xã hội.

174. Tổ chức Y tế Thế giới. (2021). [Hướng dẫn của WHO về ứng phó của ngành y tế với tình trạng ngược đãi trẻ em.](#)



### Khuyến nghị dành cho các doanh nghiệp, công ty

**2.8 Nên chủ động vận hành các nền tảng chat và mạng xã hội, ví dụ: Facebook, để ngăn chặn các nội dung nhạy cảm xuất hiện trước trẻ em (feed),** và khi phù hợp, cần tuân thủ các quy định của chính phủ về cách thức. Cần quy định rõ nghĩa vụ pháp lý đối với các đơn vị cung cấp dịch vụ Internet về việc lọc và gỡ bỏ nội dung XHTDTE. Việc thực hiện nghĩa vụ này rất quan trọng để bảo vệ trẻ em trên không gian mạng.

**2.9 Cần đặc biệt ưu tiên nhu cầu của trẻ trong quá trình phát triển sản phẩm.** Việc này phải dựa trên bằng chứng về các thực hành/hoạt động kỹ thuật số của trẻ và trải nghiệm của trẻ về bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng, bao gồm cả nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* này.<sup>175</sup>

**2.10 Triển khai cơ chế trình báo chính thức trong các nền tảng chat và mạng xã hội một cách rõ ràng, dễ tiếp cận với trẻ em,** giải thích bằng từ ngữ phù hợp với trẻ em, giúp các em hình dung được quy trình sẽ diễn ra như thế nào sau khi gửi trình báo. Các nền tảng và đơn vị cung cấp dịch vụ phải nhanh chóng phản hồi trình báo của trẻ em, thể hiện tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

#### Nghiên cứu tương lai cần cân nhắc:

1. Cuộc khảo sát này không tiến hành với trẻ nhỏ từ 6-11 tuổi. Các nghiên cứu trong tương lai có thể cân nhắc để đưa nhóm trẻ này vào khảo sát để tìm hiểu quan điểm và trải nghiệm của các em. Tuy nhiên, nên tiến hành các biện pháp cần thiết và thận trọng vì các câu hỏi có thể quá nhạy cảm với nhóm trẻ này.
2. Khảo sát này không tiến hành với giáo viên. Các nghiên cứu trong tương lai có thể cân nhắc đưa vào một mô-đun giáo viên để nắm bắt quan điểm và trải nghiệm của họ về chủ đề này vì 98% số trẻ tham gia khảo sát này đang đi học. Giáo viên là những người tương tác thường xuyên và trực tiếp với học sinh ở trường.

## PHÁT HIỆN 3

**Hệ thống thực thi pháp luật đã được triển khai. Tuy nhiên, việc thành lập một đơn vị chuyên trách và tăng cường năng lực thông qua tập huấn có thể nâng cao năng lực ứng phó tổng thể.**

### Khuyến nghị cho ngành thực thi pháp luật

**3.1 Ưu tiên và phân bổ nguồn lực cho một đơn vị chuyên trách và đầu tư vào công tác đào tạo cán bộ công an về cách xử lý các vụ BL&XHTD trẻ em qua mạng trong nhiệm vụ điều tra của mình,** cũng như thu thập bằng chứng để truy tố. Giải quyết các vấn đề bảo vệ trẻ em, bao gồm cả BL&XHTD trẻ em qua mạng, thông qua chương trình đào tạo, đồng thời tổ chức đào tạo chuyên sâu rộng rãi hơn. Cung cấp cả đào tạo ban đầu và chương trình bồi dưỡng.

**3.2 Bộ Công an cần phân bổ nhân lực và nguồn lực** nhằm phục vụ công tác ngăn chặn, quản lý và ứng phó trường hợp BL&XHTD trẻ em qua mạng Đảm bảo các cơ quan thực thi pháp luật và có đủ nhân sự phù hợp, được hỗ trợ công cụ và trang thiết bị, đào tạo kiến thức và kỹ năng để chủ động tìm kiếm tin hiệu cảnh báo sớm và áp dụng các kỹ thuật nâng cao trong thu thập tình báo, xây dựng bằng chứng để khởi tố thành công vụ việc BL&XHTD trẻ em qua mạng.

**3.3 Tích cực tham gia hợp tác quốc tế để giám sát nhằm ngăn chặn tội phạm tình dục trẻ em trong quá trình du lịch,** gồm cả qua việc quản lý và kiểm soát biên giới, với sự phối hợp từ các bộ liên quan trong và ngoài nước.

**3.4 Ưu tiên Việt Nam tái kết nối với Cơ sở dữ liệu về BLTDTE quốc tế của INTERPOL (ICSE),** tiếp theo là bồi dưỡng/tập huấn nhắc lại về nghiệp vụ xác định nạn nhân và sử dụng cơ sở dữ liệu.

**3.5 Thường xuyên thu thập, chia sẻ và phân tích thông tin và thông tin tình báo từ dữ liệu phân tổ trong các báo cáo BL&XHTD trẻ em** (cả trực tuyến và trực tiếp) để hiểu được phạm vi mối đe dọa và xu hướng phạm tội. Ưu tiên các trường hợp chuyển gửi

175. Một điểm khởi đầu tốt là các công cụ miễn phí được cung cấp bởi Ủy ban An toàn điện tử Úc (Australian eSafety Commissioner) cũng như khung này do UNICEF xây dựng.

quốc tế, như trường hợp chuyển gửi từ INTERPOL, họ thường xuyên liên hệ với các cơ quan thực thi pháp luật quốc gia để chuyển gửi thông tin tình báo liên quan đến các mối đe dọa nổi bật về BL&XHTD trẻ em qua mạng.

### PHÁT HIỆN 4

**Pháp luật và chính sách có quy định một số quy trình tòa án thân thiện với trẻ em, nhưng các chính sách, pháp luật và tiêu chuẩn liên quan đến bl&xhtd trẻ em qua mạng chưa được ban hành tại Việt Nam. cần tiến hành nghiên cứu sâu hơn để đánh giá trải nghiệm tiếp cận công lý của nạn nhân là trẻ em bị bl&xhtd qua mạng.**

#### 4.1 Thực hiện nghiên cứu về ứng phó của ngành tư pháp với BL&XHTD trẻ em qua mạng và sự tiếp cận công lý của trẻ em bị BL&XHTD qua mạng.

Các đối tác trong nghiên cứu *Ngăn chặn hành vi gây tổn hại* không được chính phủ cấp phép thực hiện một số hoạt động trong nghiên cứu tại Việt Nam, nhưng chúng ta vẫn cần tìm hiểu liệu trẻ em bị BL&XHTD qua mạng có được tiếp cận công lý hay không, việc này bao hàm hệ thống tư pháp thân thiện với trẻ em, bồi thường và tiếp cận dịch vụ.

#### 4.2 Giao nhiệm vụ cho Mạng lưới đa cơ quan và liên ngành về ứng cứu, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng về việc tiếp tục tư vấn thay đổi khung pháp lý, xây dựng các đề xuất sửa đổi nhằm hỗ trợ đáp ứng các khuyến nghị dưới đây.

- Sửa đổi pháp luật để định nghĩa rõ ràng, cụ thể hơn về văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE và hình sự hóa hành vi liên quan một cách cụ thể, với hình phạt tương xứng với tội danh. Mặc dù Bộ luật Hình sự có quy định hình sự hóa tội danh liên quan đến nội dung khiêu dâm nói chung, nhưng lại chưa có định nghĩa về văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE. Bên cạnh đó, không có quy định bảo vệ đặc biệt nào đối với trẻ em và hình phạt chưa tương xứng với tội danh liên quan đến văn hóa phẩm có nội dung XHTDTE

- Sửa đổi luật để hình sự hóa cụ thể hành vi dụ dỗ, phát trực tiếp (livestream) hành vi XHTDTE ở mọi lứa tuổi, tổng tình và quấy rối tình dục trên môi trường mạng một cách cụ thể.
- Sửa đổi luật theo hướng hoàn toàn phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế đặt ra trong Nghị định thư không bắt buộc bổ sung cho Công ước về Quyền trẻ em liên quan đến buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em; Công ước về Bảo vệ Trẻ em khỏi bóc lột tình dục và xâm hại tình dục của Hội đồng châu Âu (Công ước Lanzarote), và Công ước về Tội phạm mạng (Công ước Budapest). Công ước Lanzarote và Công ước Budapest tập trung hơn vào các biểu hiện hiện tại của BL&XHTD trẻ em qua mạng, và do đó cung cấp các hướng dẫn hữu ích cho các khung pháp lý của quốc gia. Hơn nữa, các quốc gia không phải là thành viên của Hội đồng châu Âu cũng có thể tham gia các Công ước này.

Báo cáo toàn diện này là thành quả sau 2 năm nỗ lực hợp tác để thiết kế điều tra, thu thập dữ liệu và phân tích bằng chứng đặc biệt. Chúng tôi sẽ không thể thành công nếu không có sự góp sức của các đối tác và cá nhân từ Việt Nam. Các đối tác dự án muốn gửi lời cảm ơn tới tất cả các bên đã tham gia vào dự án Ngăn chặn hành vi gây tổn hại qua việc:

- **Cung cấp bối cảnh cho các phát hiện:**

Bộ Thông tin & Truyền thông; Cục Trẻ em, gồm cả Tổng đài quốc gia trợ giúp trẻ em - 111, Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội; Ban Văn hóa - Giáo dục của Quốc hội; Vụ Khoa giáo - Văn xã của Văn phòng Chính phủ; Văn phòng UNICEF Việt Nam, UNICEF khu vực Đông Á và Thái Bình Dương; Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam (VACR); Cục An ninh mạng và INTERPOL, Văn phòng Trung ương Quốc gia của INTERPOL NCB; Bộ Công an; Bộ Giáo dục & Đào tạo; Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch; Hội đồng Đội Thiếu niên Tiền phong; Tổ chức ChildFund, World Vision International và UNICEF Việt Nam.

- **Hỗ trợ thu thập thông tin:**

Cục phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Văn phòng Trung ương Quốc gia tại Hà Nội, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Quốc gia, Văn phòng Cục Điều tra Hình sự, Văn phòng Ban chống xâm hại tình dục trẻ em, Văn phòng Ban điều tra tội phạm công nghệ cao, Ipsos Việt Nam, Ipsos MORI.

ECPAT, INTERPOL và Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti rất cảm kích trước cơ hội hợp tác hiếm có này để kề vai sát cánh trong hoạt động đánh giá tình hình bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng.

Chúng tôi xin cảm ơn tất cả những người tham gia đóng góp vào quá trình xây dựng báo cáo, nếu không có nỗ lực hợp tác, đóng góp của tất cả quý vị thì báo cáo nghiên cứu này đã không thể hoàn thành. Đặc biệt, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn tới:

**ECPAT Quốc tế (ECPAT International):**

Tiago Afonso, Dr Victoria Baines, Alice Beaven, Will Beaven, Willy Buloso, Yermi Brenner, Dr Mark P. Capaldi, Narciso Cumbe, Jarrett Davis, Dr Dorothea Czarnecki, Rangsimma Deesawade, Julia Durska, Sonia Espallargas Val, Zipporah Goetze, Anneka Farrington, Beatrice Gacengo, Thiyagu Ganesan, Dr Susanna Greijer, Josefin Hagstrom, Alastair Hilton, Maria Ibañez Beltran, Worrawan Jirathanapiwat, Supriya Kasaju, Dr Mark Kavenagh, Bernard Kennedy, Dorine van der Keur, Susan Kreston, Guillaume Landry, Raphaelle Lecler, Marie Laure Lemineur, Katrina Mariswamy, John McGill, Mark McKillop, Stella Motsi, Florence Mueni, Thomas Müller, Manida Naebklang, Cathrine Napier, Rumbidzai Ngindi, Freddie Nickolds, Megan Northey, Esther Obdam, Dr Nativity Petallar, Dr Kirsten Pontalti, Marie Joy Pring, Dr Ethel Quayle, Marita Rademeyer, Kieran Rumsby, Jennifer Schatz, Guncha Sharma, Nong Socheat, Chitrapon Vanaspong, Andrea Varrella, Kirsten Walkom, Timothy Williams.

**Văn phòng nghiên cứu của UNICEF - Innocenti:**

David Anthony, Dr Daniel Kardefelt-Winther, Marie Nodzanski, Mariam Saeed, Rogers Twesigye.

**Đơn vị Phòng chống Tội phạm đối với Trẻ em của INTERPOL (INTERPOL's Crimes against Children Unit)**

Các đối tác cũng ghi nhận những hướng dẫn của [Ban cố vấn](#) và khoản tài trợ vô cùng lớn cho dự án từ Quan hệ đối tác toàn cầu về chấm dứt bạo lực trẻ em ([Global Partnership to End Violence against Children](#)) thông qua Sáng kiến An toàn trên không gian mạng (Safe Online initiative). Các đối tác trong dự án Ngăn chặn hành vi gây tổn hại cũng muốn gửi lời cảm ơn tới nhóm Đảm bảo an toàn trên không gian mạng vì đã giúp hình thành ý tưởng, đóng góp về mặt kỹ thuật và hỗ trợ kiên định cho Dự án này.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới những trẻ em đã chia sẻ trải nghiệm của mình, những chia sẻ này đóng vai trò then chốt để hiểu rõ BL&XHTD trẻ em qua mạng ở Việt Nam và định hướng hành động trong tương lai.

